

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

**Khoảng rộng ở
những tượng đài**

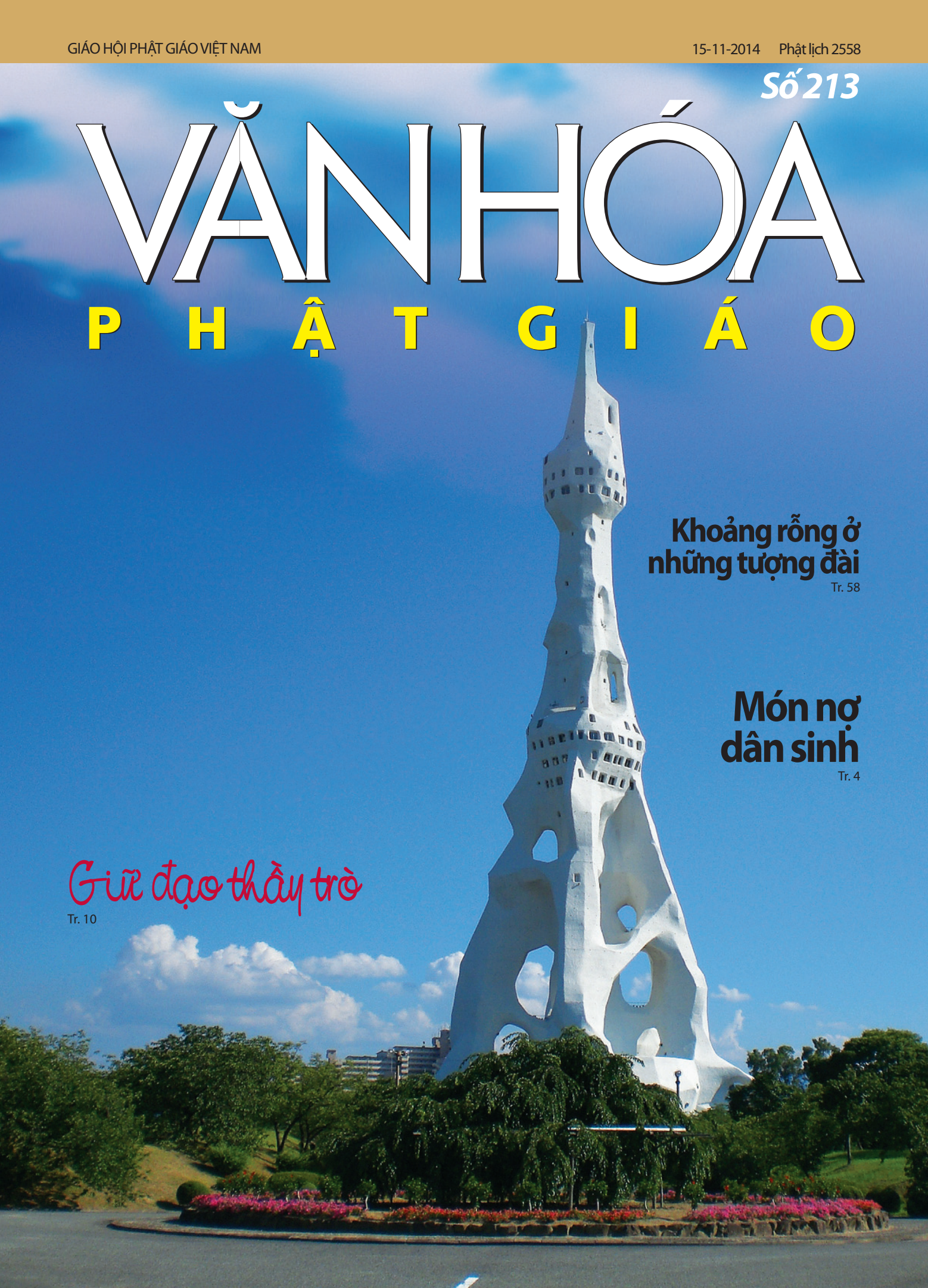
Tr. 58

**Món nợ
dân sinh**

Tr. 4

Giữ đạo thầy trò

Tr. 10





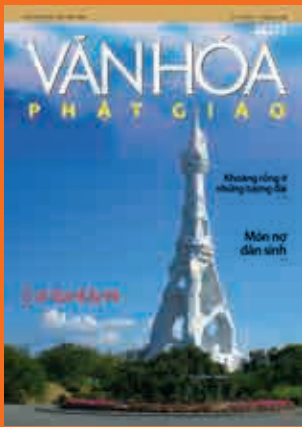
Sản phẩm mới - **TÔN VÂN GỖ HOA SEN**
Điểm tô ngôi nhà bạn.



www.hoasengroup.vn



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Món nợ dân sinh (Nguyễn Cẩn)	4
Nhà trường và phương tiện dạy học hiện đại (Cao Huy Hóa)	7
Giữ đạo thầy trò (Hải Trinh)	10
Cần có Quy phạm nội dung của Lễ (Lê Hải Đăng)	12
Tiếng Việt, ngôn ngữ của tình cảm (Liên Hoa Nguyễn Thị Huệ)	14
Như lý giác sát (Nguyễn Khánh)	16
Chiến thắng cái xấu ác (Nguyễn Thế Đăng)	20
Hội nghị Bất thường: bất thường và bình thường (Minh Thạnh)	22
Lời Phật dạy về tinh thần đoàn kết (Thích Huệ Sĩ)	24
Đình làng Kim Long (Trần Văn Dũng)	27
Thú thả diều của người Khmer ở Bình Phước (Vũ Đình Tâm)	30
Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân thời ở Huế (Nguyễn Đắc Xuân)	33
Mỗi người một que diêm... (Mang Viên Long)	34
Thứ bậc và chữ lễ (Hồ Anh Thái)	36
Nhận định về một khiếm khuyết trong Giáo dục Phật giáo Việt Nam (Giác Đạo Dương Kinh Thành)	37
Nhớ đồng đội cũ - vọng cổ (Huỳnh Ngọc Phước)	40
Hồi ức tịch niệm (Lê Vũ Trường Giang)	41
Những truyền kỳ về địa danh Vàm Đồi Ma (Minh Thương)	44
Tinh hoa ẩm thực từ sắn (Nguyễn Trọng Nghĩa)	46
Ngày về (Đặng Thị Hoa)	48
Tôi sẽ viết về một dòng sông (Vân Giang)	49
Thơ (TK. Vi Tiểu, Nguyễn Cát Chuyển, Sông Hương, Kim Hoa, Trường Khánh)	50
Quán đời ảnh hiện (Nhụy Nguyên)	52
Ước vọng mùa thi (Tân Ngoạn)	55
Khoảng rỗng ở những tượng đài (Huệ Viên)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	60

Bìa 1: Tháp Hòa bình Thế giới (Osaka). Nguồn: place.maripo.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Hầu hết mọi người đều có một thời gian cấp sách đến trường học, đều nhận được sự dạy dỗ của các thầy cô giáo, là những người luôn luôn tận tụy truyền thụ kiến thức và góp phần hình thành nhân cách cho học trò. Nhân thời điểm xã hội ta tổ chức các hoạt động tôn vinh người dạy học, mọi người từng là học trò đều ghi nhận và tưởng nhớ công ơn của những người đã khai tâm mở trí cho mình, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin chia sẻ với quý độc giả về ý nghĩa cao quý của Ngày Nhà giáo Việt Nam, tin tưởng rằng truyền thống tốt đẹp về việc uống nước nhớ nguồn, tôn sư trọng đạo, mãi mãi tồn tại trong lòng người Việt.

Trở lại với công việc thường nhật của Tạp chí, chúng tôi vui mừng chia sẻ với quý độc giả rằng sự đóng góp bài vở của các cộng tác viên đối với VHPG đang ngày càng phong phú. Mặc dù mỗi hai tuần VHPG mới phát hành một số báo, nhưng gần đây, trong thời gian đó, tòa soạn đã tiếp nhận được gần chục bài tùy bút và khoảng năm chục bài thơ. Do trang báo có hạn, mỗi số chúng tôi chỉ có thể đăng tải mỗi loại một vài bài. Vì vậy, nhân đây cũng kính mong quý vị cộng tác viên đã gửi bài vui lòng chờ đợi; trong thời gian một tháng từ khi nhận được bài, chúng tôi sẽ liên lạc để thông báo với quý vị về việc bài chọn đăng.

Như đã trình bày trong thư tòa soạn số báo trước, hiện nay chúng tôi đang tiến hành việc in lịch để gửi tặng quý độc giả đặt báo dài hạn, các đại lý và các điểm phát hành, quý vị cộng tác viên thường xuyên, các ân nhân và thân hữu. Chúng tôi hy vọng giữa tháng 12-2014, lịch tặng sẽ được gửi đến quý vị.

Sau cùng, chúng tôi cũng xin thông báo, vừa qua, Tạp chí VHPG đã nhận được văn thư của Trung ương Giáo hội, xác nhận có sự nhầm lẫn trong việc cấp khuôn dấu mới cho VHPG, do đó, Trung ương Giáo hội đang điều chỉnh để làm thủ tục chuyển đổi khuôn dấu mới phù hợp với vị thế của VHPG, là một tạp chí trung ương theo quy chế báo chí hiện hành.

Nguyện cầu Tam bảo gia hộ quý vị luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



**Khi nào mình dẫn đầu, này các Tỳ-kheo,
đưa đến thành tựu các thiện pháp, thời
tàm và quý nối tiếp theo.**

Tăng Chi Bộ - Kinh Với mình



Ảnh: Thu Sang



Món nợ dân sinh

NGUYỄN CĂN

Nguồn: radiovietnam.vn

Đánh đu cùng số phận

Dòng sông Krông Ana đoạn chảy qua xã Hòa Lễ là ranh giới giữa địa phương với ba xã Cư Kty (huyện Krông Bông), xã Vụ Bản và xã Ea Yiêng (thuộc huyện Krông Pắc). Dọc đoạn sông Krông Ana dài khoảng 18km hiện vẫn chưa có một chiếc cầu nào bắc qua. Muốn sang sông vào mùa cạn, người dân dùng ghe chèo, nhưng vào mùa mưa lũ, dòng nước chảy xiết, không có cách nào khác, người dân chế ra cáp treo, buổi sáng đu dây từ bờ sông bên này sang bờ sông bên kia để đi làm rẫy, đến chiều lại “đùa giỡn” với tử thần vượt sông bằng cáp để về nhà. Sợi dây cáp mỏng manh hàng ngày không chỉ “đưa rước” hàng trăm lượt người mà còn phải vận chuyển hàng hóa, nông sản, thậm chí cả phương tiện đi lại của người dân. Ai cũng biết nguy hiểm nhưng không còn cách nào khác, nhắm mắt làm liều. Sáng ngày 26 tháng 10 năm 2014, một người dân, ông Nguyễn Chua, khi qua sông đã rơi thẳng xuống bờ sông, tử vong...

Cũng tại khúc sông “oan nghiệt” này, hơn hai tháng trước, ngày 15 tháng 8 năm 2014, bà Nguyễn Thị Thọ (52 tuổi, vợ ông Chua) khi đu người sang sông làm rẫy cũng bị rơi xuống sông, phải nhập viện cấp cứu trong tình trạng đa chấn thương. Cho đến nay bà vẫn chưa đi làm được.

Ông Nguyễn Minh Sơn, Phó Chủ tịch xã Hòa Lễ, cho biết, trước đây trên địa bàn xã có trên hai mươi điểm cáp treo tự chế. Sau khi báo chí phản ánh, đã có lệnh tháo dỡ và nghiêm cấm đu cầu treo. Tuy nhiên hiện vẫn còn ba, bốn điểm cáp treo vì người dân muốn sau vụ mùa thu

hoạch mới tháo bỏ. Địa hình nơi đây hiểm trở, không có cầu qua sông thì đu dây là cách duy nhất. Ông Đoàn Hữu, Chủ tịch xã Hòa Lễ, cho rằng chính quyền địa phương đã làm hết trách nhiệm nhưng “lực bất tòng tâm”. Ủy ban Nhân dân xã cũng đã cân nhắc việc tháo dỡ cáp treo để di chuyển bằng thuyền, nhưng như vậy càng nguy hiểm hơn vì trước đây đã có lần thuyền lật làm ba người trong một gia đình tử nạn. Cũng theo ông Hữu, trong những năm qua, UBND xã đã hơn mười lần kiến nghị cơ quan chức năng đầu tư xây một cây cầu tại vị trí thôn Năm, phục vụ nhu cầu đi lại cho toàn bộ người dân sản xuất phía bên kia sông nhưng chưa được đồng ý!

Bên hành lang Quốc hội ngày 27-10-2014, Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Đinh La Thăng cho biết theo phân cấp hiện nay, việc xây dựng cầu treo, cầu dân sinh thuộc trách nhiệm của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, địa phương không có ngân sách để làm việc này nên Bộ Giao thông Vận tải (GTVT) đã chủ động xây dựng phương án. Theo khảo sát của Bộ GTVT, cả nước cần khoảng 7.500 cây cầu treo, cầu dân sinh với tổng kinh phí khoảng 1.000 tỉ đồng. Ông Bộ trưởng cho biết, “Việc này phải thực hiện từng bước, theo lộ trình, chỗ nào cấp bách thì làm trước để bà con có cầu đi lại. Tính toán của Bộ cho thấy có khoảng 186 cây cầu treo sẽ được ưu tiên đầu tư trước và dự kiến sẽ hoàn thành từ nay tới tháng 6-2015. Hiện nay, Bộ đang yêu cầu các nhà thầu bỏ tiền ứng ra làm trước, đồng thời tiếp tục đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ cấp kinh phí”.

Nợ công giúp gì cho dân sinh?

Thế đấy, chỉ cần một ngàn tỷ là giải quyết được nỗi khổ cho bao nhiêu người. Người ta thắc mắc, trong khi Quốc hội bàn đến những con số ngân sách, đến số nợ khổng lồ ngày này qua tháng nọ, đầu tư từ đường cao tốc cho đến những công trình lớn như sân bay mà có ai thử nghĩ đến việc dành ra một ngàn tỷ để thay những chiếc rơng rọc đang cuốn đi bao mảnh đời bất hạnh. Một ngàn tỷ thì lớn, nhưng có đáng gì so với những con số như 15.000 tỷ thất thoát vì tham nhũng (theo báo cáo của Thanh tra Nhà nước, nhưng hẳn là con số thực có thể còn nhiều hơn), như 1,6 tỷ USD làm đường cao tốc Hà Nội-Lào Cai, hay như 18 tỷ USD cho sân bay Long Thành, và còn bao nhiêu chục ngàn tỷ nữa cho những công trình chưa phải là cấp thiết...

Lại nói đến nợ công, chúng ta cần mở ngoặc đơn ở đây để nói cho rõ.

Ngưỡng an toàn nợ công của Việt Nam cũng đang có nguy cơ bị xô đổ trong thời gian ngắn tới đây nếu chỉ căn cứ vào những số liệu chính thức của Chính phủ. Theo báo cáo của Chính phủ gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nợ công của Việt Nam đến năm 2015 sẽ tiệm cận mức 64% GDP, gần sát ngưỡng an toàn là 65% GDP.

"Nợ công là mối đe dọa, cần đổi ngân sách chưa tích cực, nếu không muốn dùng từ rất xấu", Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng nói trong phiên thảo luận gần đây của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông lo ngại, nếu tốc độ tăng nợ công vượt ngưỡng an toàn 65% vào năm 2015, thì cả Quốc hội và Chính phủ sẽ rất khó để tăng bội chi, hay tăng chi cho đầu tư phát triển. Điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng cơ sở hạ tầng để giúp Việt Nam hiện thực hóa giấc mơ trở thành quốc gia công nghiệp hóa đến năm 2020.

Tuy nhiên, tiêu chuẩn tính nợ công của Việt Nam là chưa đầy đủ, và theo ông Phùng Quốc Hiển, Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính Ngân sách Quốc hội, thì thực tế nợ công của Việt Nam phải lớn hơn nhiều. Chính phủ dự kiến sẽ dành 31,9% ngân sách để trả nợ trong năm 2015, tức cao hơn so với giới hạn 25% ngân sách dùng để trả nợ mà Quốc hội cho phép. Ông Hiển giải thích: "Nợ công của chúng ta chưa được tính đầy đủ vì nợ công chưa tính hết nợ của Ngân sách nhà nước như nợ hoàn thuế, nợ bảo hiểm xã hội, và nợ cấp bù lãi suất cho hai ngân hàng thương mại quốc doanh".

Một khoản đặc biệt khác là nợ của doanh nghiệp nhà nước lên tới 1,6 triệu tỉ đồng, theo Bộ Tài chính, cũng không được tính vào nợ công. Trong kế hoạch năm 2015, Chính phủ đề nghị bội chi ngân sách Nhà nước là 226.000 tỉ đồng, tăng 20.000 ngàn tỉ đồng so với năm 2014. Mức bội chi này tương đương với 5% GDP, và sẽ lên tới 7% GDP, nếu cộng với 85.000 tỉ đồng trái phiếu Chính phủ dự kiến phát hành trong năm sau.

Tuy nhiên, vấn đề của nợ công nằm ở chỗ, nguồn vốn này có được sử dụng hiệu quả hay không khi số nợ của

Việt Nam sắp cán ngưỡng 90 tỉ USD, tức mỗi người VN gánh khoảng 1.000USD nợ công. Đây là con số đáng suy ngẫm bởi thu nhập bình quân đầu người của VN chưa đến 2.000USD/năm. Phó Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Văn Nam, nguyên Viện trưởng Viện nghiên cứu Thương mại, cho rằng nhìn lại, không có nước nào như VN, tình nào cũng có sân bay, cảng nước sâu *trong khi đường sá trọng điểm thì xuống cấp, lún nứt nhưng lại đổ tiền làm những con đường mang tính khu vực.*

Thế đấy, chúng ta vay nợ đầm đìa và chi tiêu cho nhiều dự án nhưng người dân vẫn *chưa cảm nhận ích lợi của những khoản tiền vay ấy.* Làm thế nào lý giải chúng ta vay nợ để nâng cấp cơ sở hạ tầng khi những nhu cầu tối thiểu như một chiếc cầu treo bắc qua sông qua suối còn không có? Vậy thì nói gì đến trạm xá hay trường học, hay cao xa hơn là hô hào "phát triển bền vững?". Vậy thì ngân sách địa phương để làm gì? Tiền thuế người dân nộp sau khi dãi nắng dầm mưa với nường rẫy của mình được dùng vào đâu khi họ không thấy thành quả lao động của mình thể hiện ra thành những con đường, những cây cầu, những phúc lợi xã hội. Họ có quyền được biết, được thông tin đầy đủ, thậm chí có quyền lên tiếng.

Món nợ với nhân dân

Người dân vẫn thường được nghe Nhà nước vạch ra cho họ, hay khuyến khích họ, hình dung ra một xã hội "công bằng, dân chủ, văn minh" như các khẩu hiệu vẫn được nêu lên trong những kỳ họp Quốc hội, những buổi tiếp xúc với cử tri, những ngày lễ lớn... nhưng thực tế nội hàm của những từ ấy ra sao, có khi người tuyên bố cũng chưa rõ. Có lẽ những người có trách nhiệm vẫn nợ người dân một lời giải thích vì sao cái xã hội "trong mơ" ấy chưa hay không thành hiện thực! Có chạnh lòng không khi mới đây Đài Truyền hình VTC1 đưa phóng sự về hệ thống an sinh xã hội của Cộng hòa Liên bang Đức với những ưu việt của hệ thống y tế, hệ thống bảo hiểm, quỹ hưu trí, quỹ trợ cấp thất nghiệp... và nhấn mạnh đến sự an toàn gần như tuyệt đối của người dân khi tham gia những chương trình này. Người ta đã nói đến tam giác thần kỳ của một xã hội hạnh phúc trong tác phẩm "Science of Happiness" của Stefan Klein, đó là: ý thức công dân, bình đẳng xã hội và quyền tự chủ cuộc sống. Ba tiêu chuẩn này càng được đáp ứng bao nhiêu thì mọi người càng hài lòng bấy nhiêu. Người ta mô tả những người châu Âu hạnh phúc nhất sống ở Thụy Sĩ không vì cảnh quan ở đó, thậm chí sự thịnh vượng của nó cũng không có ý nghĩa nhiều. Lý do của sự hài lòng nằm ở cách quản lý cuộc sống cộng đồng đóc đóc của họ. Qua đó công dân trực tiếp can dự vào những quyết định quan trọng. Một số bang như Basel-Landschaft, quy định chính quyền phải tham khảo ý kiến người dân về những chi tiêu vượt mức, và nếu cử tri muốn đưa một vấn đề vào chương trình nghị sự thì chỉ cần một số chữ ký. Điều này làm công dân Thụy Sĩ hài lòng hơn công dân những nước châu Âu



khác dù cùng là những quốc gia có nền dân chủ khá cao. Theo Amartya Sen, triết gia Ấn Độ đã đoạt giải Nobel Kinh tế năm 1998, thì mục đích phát triển xã hội là phải tạo ra thêm nhiều lựa chọn cho mỗi cá nhân, rồi mới đến tăng trưởng hay giàu có. Những nhà nghiên cứu cũng kết luận sự trì trệ và cảm giác tuyệt vọng là kẻ thù lớn nhất của hạnh phúc. Chúng ta hiểu người dân Hòa Lễ và người dân ở những nơi vẫn phải qua sông bằng cáp cảm nhận thế nào về cuộc sống khi họ phải chứng kiến những tổn thất trong vô vọng. Còn gì nữa? Không chỉ cầu treo mà còn những phúc lợi khác từ y tế tới giáo dục mà chúng ta đang thiếu, hay chưa đủ đáp ứng cho xã hội. Một cuộc sống hạnh phúc không thể là món quà của số phận; mà để có được, người ta phải hành động. Trước tiên là từ phía chính quyền.

Còn nếu lấy sự tăng trưởng đơn thuần làm thước đo phát triển để chạy theo, thậm chí biện minh cho lý do của những thiếu sót hay quên lãng, thì xin phép nói thẳng: chúng ta cũng không hẳn đang chiếm ưu thế so với những nước ở mức thấp hơn mình như Lào và Campuchia. Ngân hàng Thế giới (WB) vừa đưa ra khảo sát GDP bình quân đầu người năm 2013 của VN là 1.910USD/người; trong khi chỉ số này của Lào đã là 1.645USD/người và của Campuchia là 1.007USD/người, khiến Thứ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư Nguyễn Chí Dũng phải thừa nhận *“Nếu vẫn phát triển như hiện nay, các nước này chỉ mất từ ba đến năm năm tới là vượt mình”*. Ông Nguyễn Văn Nam,

nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Thương mại, cho rằng nguy cơ tụt hậu của nền kinh tế Việt Nam là hiển nhiên. Đó là cả một quá trình phát triển mà VN đã bộc lộ nhiều yếu điểm. Biểu hiện đầu tiên là tốc độ tăng trưởng ngày càng chậm lại, lên ít nhưng xuống rất nhiều, gánh nặng nợ công ngày càng tăng, bội chi lớn... Vị nguyên Viện trưởng này nói: *“Cứ nhìn vào sự tăng trưởng liên tục của Lào 7%/năm, VN tăng trưởng không vượt được 6%, thậm chí các chỉ số về năng lực sáng tạo, môi trường sản xuất cũng đều bị đánh giá thấp hơn Lào và Campuchia... Nếu không có đổi mới, tiếp tục trì trệ như thế này thì việc Lào và Campuchia vượt mặt VN là điều dễ hiểu”*.

Trong bối cảnh có vẻ không sáng sủa ấy, chúng ta không chỉ nợ người dân lời giải thích về những chiếc cầu treo mà còn nợ bao lời hứa từ khi giải phóng đất nước về một xã hội hạnh phúc.

Như đã nói ở trên, hạnh phúc sinh ra từ nền dân chủ, từ sự quan tâm đến phúc lợi, an sinh của người dân. Điều này mới chẳng? Xin thưa rằng không mới; vì hơn hai mươi lăm thế kỷ trước đây, khi nói về phẩm chất của các bậc lãnh đạo qua Thập vương pháp (Dasa-Rāja Dhamma), Đức Phật đã nhấn mạnh đến việc “thuận lòng dân” (Avirodha), rằng các nhà cai trị không nên đi ngược lại ý nguyện của dân chúng; người cai trị cần phải nuôi dưỡng tinh thần thân thiện giữa đám quần chúng nhân dân của mình. Nói khác đi, người lãnh đạo nên cai trị trong sự hòa hợp với dân chúng; việc làm của lãnh đạo phải dựa trên cơ sở ước muốn chung của toàn dân, không đi ngược lại lợi ích của dân. Đây là một cách hiểu khác về việc vận dụng giá trị dân chủ trong quản lý và điều hành xã hội. Một xã hội dân chủ là một xã hội lý tưởng. Lý thuyết về dân chủ sơ khởi có thể tìm thấy từ tổ chức Tăng-già. Vì lẽ, việc ra các quyết định của Tăng-già đều dựa trên sự đồng thuận của số đông Tăng chúng. Ở đây, trên phương diện quản lý và điều hành đất nước, một nhà lãnh đạo, một bậc minh quân khi ra quyết định phải dựa trên quyền và lợi ích của số đông công dân. Quan điểm lấy dân làm gốc có nguồn cội sâu xa từ luận điểm này. Thuận lòng dân còn có nghĩa là thuận lòng từ quan quân cho đến số đông dân chúng. Khi tạo nên một sự gắn kết, trên từ quan quân, dưới cho đến người thân và tùy tùng thì sẽ tạo nên một sức mạnh tổng hợp. Với sức mạnh đó không những bảo vệ được quốc gia mà còn xây dựng và phát triển đất nước.

Hơn lúc nào hết, đây chính là thời điểm chúng ta thật tâm nhìn nhận lại đâu là quốc kế, đâu là dân sinh và dân sinh phải là gốc vì suy cho cùng xã hội giàu mạnh mà ở đó người dân không được hưởng những phúc lợi, phải đối diện sự thiếu công bằng, vắng bóng dân chủ thì thà sống trong nghèo đói đỡ bức mình hơn. Như đã nói ở trên, chúng ta phải hành động để trả lại công bằng, xem dân sinh là trách nhiệm hàng đầu chứ không phải là ân huệ từ trời ban xuống. Có như thế, dân sinh mới không là món nợ khó trả dù vay rất nhiều và đã từ lâu. ■



Nhà trường

và phương tiện dạy học hiện đại

CAO HUY HÓA

Từ thập niên cuối cùng của thế kỷ XX cho đến nay, internet, công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông hiện đại đã tác động sâu sắc và toàn diện đến đời sống xã hội và cá nhân. Hiển nhiên, những phương tiện đó góp phần cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập trong nhà trường. Vấn đề đặt ra là, nhà trường, mỗi thầy cô giáo và học sinh, kể cả phụ huynh học sinh, phải có những bước chuẩn bị kỹ lưỡng như trang bị phương tiện và phần mềm, chuẩn bị tâm thế đón nhận, làm chủ kiến thức và kỹ năng sử dụng, có khả

năng vận dụng vào thực tế bài dạy, kết hợp linh động giữa phương tiện hiện đại với phương tiện truyền thống, nâng cao tính sư phạm để tạo hiệu quả giáo dục thực sự cho học sinh...

Ở nước ta, Nhà nước đã sớm đưa tin học vào nhà trường, trang bị máy tính và các công cụ kèm theo, lắp đặt đường truyền internet, wifi... và những năm sau này đã trang bị các phương tiện dạy học hiện đại cho các trường trung học phổ thông, kể cả mầm non (dĩ nhiên, đại học đã đi trước). Với thực tế phức tạp như đã nói ở trên, việc trang bị và đào tạo con người không

thể dàn trải đồng đều, vì thế những trường lớn ở các thành phố lớn đã đi nhanh hơn các trường khác, với sự đóng góp của phụ huynh học sinh không hề nhỏ.

Phương tiện hiện đại đưa vào nhà trường, trước tiên là phòng máy vi tính, phòng lab phục vụ cho dạy học tiếng Anh, rồi đến tivi màn hình rộng, máy chiếu và màn hình, và tất nhiên không thể thiếu phần mềm dạy học và thực hành. Thời gian gần đây rộ lên chuyện mua sắm màn hình tương tác và máy tính bảng, do chủ trương của Sở Giáo dục – Đào tạo của TP.HCM và các tỉnh thành khác, và mới nhất là dự án của chính quyền và ngành giáo dục TP.HCM trang bị 320.000 máy tính cho học sinh các lớp 1, 2, 3 và sách giáo khoa điện tử. Một cuộc hội thảo về “*Đề án thí điểm chương trình sách giáo khoa (SGK) điện tử lớp 1, 2, 3 bậc tiểu học tại TP.HCM*” vừa được Sở GD-ĐT TP.HCM tổ chức sáng 18-7. Theo đề án này, bảng tương tác sẽ thay thế bảng đen truyền thống, giáo viên sử dụng phần mềm để soạn giáo án, quản lý lớp học và có thể kiểm soát học sinh đang thao tác gì trên máy. Lớp học được trang bị mạng wifi.

Mỗi học sinh sẽ sử dụng một máy tính bảng riêng, trong đó tích hợp toàn bộ bài học trong sách giáo khoa. Tất cả thao tác như giới thiệu bài học cùng hình ảnh, video minh họa, kiểm tra bài, chơi trò chơi giáo dục, nhận xét về bài học, làm bài tập... đều được thao tác trên máy tính bảng (*Tuổi Trẻ*, 6/10/2014, *4.000 tỉ đồng cho đề án sách giáo khoa điện tử*).

Thầy và trò đã sử dụng như thế nào các công cụ hiện đại được đưa về trường mình? Trước hết, học sinh thích thú khi đón nhận hiệu ứng nghe nhìn, được tiếp thu bài học sống động hơn, phong phú hơn. Còn về phía giáo viên? Dư luận phản ánh trên báo chí cho biết giáo viên không được chuẩn bị tốt, khó nắm bắt và vận dụng phương pháp cũng như kỹ năng thao tác vào thực tế bài dạy. Mặc dù học sinh rất thích được học với bảng tương tác, nhưng vì thời gian eo hẹp nên giáo viên khó tổ chức nhiều hoạt động, mỗi học sinh chỉ được tương

tác vài phút. Vì vậy hiệu quả của chiếc bảng 180 triệu cũng chỉ bằng với một tivi màn hình rộng + một chiếc máy tính xách tay kết nối mạng có giá thành rẻ hơn rất nhiều” (*Tuổi Trẻ*, 11/8/2014, *“Ôm nợ” với bảng tương tác*). Việc áp dụng toàn mạng tính chất đối phó, người giáo viên cũng chẳng nắm rõ hết các chức năng của cái bảng và các phần mềm đi kèm. Chỉ khi nào cần lên chuyên đề mới đùng vào chút chút, thử hỏi việc sắm một cái bảng trị giá bao nhiêu là tiền mà sử dụng như vậy có phải là lãng phí hay không? (*Tuổi Trẻ*, 4/11/2013, *Máy lạnh, bảng tương tác: Những “sáng tạo” lãng phí*). Chuyện lãng phí hay không lãng phí, thời gian sắp đến thực tế sẽ trả lời kỹ hơn, tùy theo hiệu quả sử dụng công cụ hiện đại có thiết thực nâng cao năng lực học tập của học sinh, xứng đáng “đồng tiền bát gạo” hay không.

Ở tỉnh Gia Lai, tình hình không sáng sủa gì: Tại Trường Tiểu học Lê Hồng Phong (huyện Chư Prông), hệ thống máy móc cũng đang trong cảnh trùm mền. Những bộ máy chiếu, màn hình thông minh được đặt lạch lạch trong căn phòng cũ kỹ với những bộ bàn ghế xiêu vẹo, nền gạch dính đầy vết bùn đất. Hệ thống màn hình thông minh dù đưa về từ năm 2013 nhưng nhiều thiết bị vẫn còn nguyên trong hộp. Một màn hình tivi, hộp đựng màn hình laptop vẫn nguyên đai nguyên kiện, chưa được bóc ra khỏi hộp. Cô Phạm Thị Kim Oanh, Hiệu phó Trường Tiểu học Lê Hồng Phong, cho biết do thiết bị rất phức tạp, giáo viên của trường chưa thể sử dụng được mặc dù đã có cán bộ đến hướng dẫn. Khi được hỏi về việc có cần thiết trang bị bộ màn hình thông minh này cho nhà trường trong khi trường vẫn chưa đủ phòng học cho học sinh, cô Oanh nói: “Về lâu dài thì chúng tôi nghĩ thiết bị này là cần thiết, nhưng hiện tại do chưa sử dụng ngày nào nên cũng chưa nói được gì”. Tình trạng tương tự cũng diễn ra ở các trường khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai như Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai (huyện Kbang), Trường Tiểu học Lê Hồng Phong (huyện Ia Pa) (*Tuổi Trẻ*, 6/10/2013, *Đồ dùng dạy học công nghệ cao: Tiên ti “đắp chiếu”*).

Qua thực tế được phản ánh trên báo chí, có thể nhận ra ngành giáo dục địa phương thiếu nghiên cứu thấu đáo, thiếu các bước chuẩn bị hợp lý, chưa tổ chức thí điểm cận kề, chưa rút bài học rõ ràng để đi đến nhân rộng hơn việc áp dụng công nghệ hiện đại, “nhà trường bị biến thành thương trường” (*Tuổi Trẻ* 18/10/2014). Trước tình hình như vậy, việc kêu gọi phụ huynh đóng góp mua sắm thiết bị, phần mềm... thiếu tính thuyết phục. Hơn nữa, đứng về góc độ khoa học, nhiều người hoài nghi về tai hại cho mắt khi con nít lớp 1, 2, 3 sử dụng máy tính bảng với màn hình nhỏ, hoài nghi về sử dụng quá đáng phương tiện nghe nhìn mà xa dần công cụ phấn trắng, bảng đen, sách vở, không xem trọng viết chữ đàng hoàng, có quy cách...

Có thể các nước khác cũng có những vấn đề, kể cả nguồn lực tài chính. Xem như ở Thái Lan, chính phủ



của bà cựu Thủ tướng Yingluck Sinawatra thực hiện cấp máy tính bảng cho học sinh lớp Một đang còn lờ đờ, thì nay chính phủ quân sự đã phải ngừng chương trình đó do thay đổi quan điểm về sử dụng máy tính bảng cho trẻ em. Đồ đốc Narong khẳng định máy tính bảng không phải là công cụ học tập phù hợp mọi lúc mà các em nên học từ giáo viên của mình. Ngoài ra, vì màn hình máy tính bảng nhỏ sẽ khiến các em bị các vấn đề về thị lực lâu dài. Đó là chưa kể với máy tính bảng giá rẻ, tuổi thọ chỉ khoảng ba năm nên việc sửa chữa, thay thế máy mới không hiệu quả về chi phí (*Tuổi Trẻ*, 20/8/2014, *Đẹp máy tính bảng, xây lớp học thông minh*).

Ở Pháp, tình hình khá hơn, nhà trường trang bị đầy đủ hơn, nhưng giáo dục vẫn luôn luôn đặt ra vấn đề mới do cải tiến công nghệ. Một bài báo trên *Le Figaro.fr* ngày 1/10/2014 nhan đề "*Le manuel numérique progresse dans les écoles*" (tạm dịch: Phương tiện kỹ thuật số phát triển trong trường học) của Eugénie Bastié, cho ta nhìn chi tiết hơn về thực tế sử dụng công nghệ cao trong nhà trường ở Pháp, mà tôi xin trích dẫn dưới đây khá đầy đủ.

Công nghệ số đã tạo bước đột phá có ý nghĩa vào trường học. Một cuộc điều tra do TNS Sofres¹ tiến hành và do tổ chức Savoir-Livre xuất bản cho biết 29% giáo viên dùng phương tiện kỹ thuật số hiện đại trong nhà trường. Con số đó đã tăng lên gấp ba trong ba năm (có nghĩa là vào năm 2011, con số vào khoảng 9 hay 10%). Giáo viên trung học dùng nhiều hơn (36%), giáo viên tiểu học dùng ít hơn (20%), sởi dĩ thế vì ở cấp tiểu học, cuộc cách mạng số hóa ít tiến triển hơn ở trung học.

93% học sinh sử dụng phương tiện kỹ thuật số tại lớp như tài sản của trường, trong khi chỉ 7% trong số đó sắm được cho cá nhân. Theo bà Isabelle Magnard, Giám đốc Savoir-Livre, một tổ chức quy tụ những nhà xuất bản giáo dục Belin, Bordas, Hachette, Hatier, Magnard et Nathan, giải thích, học sinh sử dụng tập thể những phương tiện này là chủ yếu, bổ sung cho phương tiện giấy.

83% giáo viên được phỏng vấn cho biết: "phương tiện kỹ thuật số lôi cuốn sự chú ý của cả lớp", còn 74% trong số đó lạc quan hơn: "những phương tiện này khơi dậy tính tò mò của học sinh và kích thích chúng hoạt động."

Những giáo viên khoa học (Toán, Lý, Hóa) sử dụng nhiều nhất (46% trong tổng số giáo viên khoa học), tiếp theo là giáo viên Sử, Địa (38%), giáo viên dạy Văn và tiếng Pháp dùng ít nhất (24%).

"Điều thiếu thốn, chính là từ thực hành trong nhà trường bước qua lãnh hội của cá nhân. Điều đó chỉ có thể thực hiện nếu mỗi đứa trẻ có được phương tiện cá nhân tương ứng", theo bà Sylvie Marcé, trưởng nhóm giáo dục của nghiệp đoàn toàn quốc các nhà xuất bản.

Sự thiếu thốn trang bị và kinh phí là trở ngại chính cho sự lan rộng của phương tiện kỹ thuật số hỗ trợ,

trong khi chính phủ đặt ưu tiên - nhưng không biết ưu tiên thứ mấy - cho dự án số hóa trường học. Dự án đã được hoạch định bởi Bộ trưởng Giáo dục cũ Claude Allègre vào năm 2007, nhằm đưa vào nhà trường từ mẫu giáo đến đại học "những công nghệ mới của tin học và truyền thông". Đến nay, đã 17 năm, nhà trường vẫn không trở thành lâu đài của cách mạng số hóa.

Thế nhưng, chuyện số hóa có phải là cách mạng phương pháp không?

Đối với Robin Rivaton, chuyên gia kinh tế về công nghệ mới, bộ phận của thực hành những công cụ kỹ thuật số có thể chỉ là "tin tốt đẹp". "Nhưng không nên bằng lòng cho trang bị những phương tiện, mà cần phải suy nghĩ lại toàn diện một nền sư phạm mới có định hướng và thích nghi với công nghệ số". "Chưa đủ nếu chỉ chuyển cái trung gian một cách đơn giản, từ giấy sang máy tính bảng, mà phải làm sao cho học sinh quen thuộc với thế giới số", thực chất vấn đề theo ông là như thế.

"Cho đến năm 2030, một nửa những ứng dụng ngày hôm nay sẽ không còn là nguyên nhân cho cuộc cách mạng số hóa sau này. Câu hỏi đặt ra khi đó là "Làm sao cạnh tranh với những rô-bốt?". "Người ta không cạnh tranh với rô-bốt bởi rô-bốt tích hợp những kiến thức, nhưng con người hơn rô-bốt nếu học được kỹ thuật phân tích. Cần phải dạy cho học sinh tìm kiếm nhanh thông tin", ông kết luận.

Tuy nhiên, đối với một số người, không chắc rằng nhà trường số hóa là giải pháp kỳ diệu cho những vấn đề về giáo dục. Jean-Rémi Girard, một chuyên gia đầu ngành sư phạm hoài nghi: "Chuyện sử dụng công nghệ hiện đại không đi đến cách mạng chút nào". "20% học sinh lớp Sáu không làm chủ tiếng Pháp, và tôi không tin rằng ưu tiên là phải cấp cho chúng máy tính bảng!" ông nhấn mạnh. "Tôi không phải là dân bài kỹ thuật, nhưng tôi tin rằng đối với những học sinh cầm đầu thường xuyên vào màn hình, nhà trường có thể là nơi duy nhất để chúng khám phá nhiều chuyện khác, và đó phải là sách, là hiệu lực của sách". Theo điều tra Savoir-Livre, chỉ 15% giáo viên mong mỗi máy tính bảng thay thế hoàn toàn công cụ giấy.

"Chuyện sử dụng công nghệ hiện đại không đi đến cách mạng chút nào", câu nhận định của nhà sư phạm bên Pháp xem ra tương đồng với một bài báo của tờ *Tuổi Trẻ* ngày 2/9/2014, đại ý: "*Không nên lợi dụng công nghệ thông tin để làm bùa hộ mệnh cho việc đổi mới giáo dục và cũng không thể nào lấy công nghệ để đánh bóng cho cuộc đổi mới giáo dục*". Dĩ nhiên hoàn cảnh giáo dục và con người giáo dục của hai nước là khác nhau. ■

Chú thích:

1. TNS Sofres (Taylor Nelson Sofres) là công ty nghiên cứu và thông tin thị trường nổi tiếng trên thế giới.

Giữ đạo thầy trò

Bài & ảnh: HẢI TRINH



Thầy” của tác giả Dương Thiệu Tống. Nội dung bài viết, tác giả thuật lại những kỷ niệm đã ngoài sáu mươi năm qua về người thầy cũ của mình, mà bấy giờ tác giả vẫn còn nhớ rõ từng đặc điểm của thầy mình: “... Thầy còn rất trẻ, đẹp trai với đôi gọng kính vàng... Điều tôi nhớ nhất ở thầy là tiếng cười của thầy rất to, giọng thầy rất khỏe...”. Đó là thầy Hà Thúc Chính dạy môn tiếng Anh cho thầy Dương Thiệu Tống vào năm 1937, là một trong vài ba thầy người Việt Nam đầu tiên dạy tiếng Anh ở bậc trung học Pháp vào thời ấy. Sau ngày đất nước thống nhất, điều cảm động nhất là thầy Chính từ miền Bắc vào đã tìm đến thăm người học trò cũ của mình; điều mà thầy Tống cứ nghĩ “Tôi không chắc thầy còn nhớ đến tên tôi hay không trong số hàng nghìn học sinh đã thụ giáo với thầy...”. Và càng cảm động hơn khi thầy Chính đã nói lên những lời tâm huyết mà thầy đã ưu ái dành cho người học trò cũ của mình lúc thầy trò vừa hội ngộ: “Không những tôi đã không quên tên anh mà trong suốt thời gian kháng chiến, tôi đã theo dõi hoạt động giáo dục của anh trong nước cũng như ở nước ngoài. Thậm chí tôi cũng đã nghe tiếng nói của anh qua lời phát biểu về giáo dục Việt Nam trên đài phát thanh nước ngoài trong thời gian du học... Tôi rất mừng vì trong hoàn cảnh nào anh vẫn giữ được cái tâm trong sạch của một nhà giáo”.

Tám mươi tuổi, niên kỷ ta không thấy Đức Khổng Phu Tử bàn đến; vì ngài thọ 73 tuổi, Ngài chỉ nói về mình đến tuổi bảy mươi là hết, rằng: “... thất thập nhi tùng tâm sở dục bất du cử” (... đến bảy mươi tuổi thì [ta] cứ theo cái muốn của lòng mình mà vẫn không ra ngoài khuôn phép). Thế mà vào lúc đã tám mươi tuổi, thầy Dương Thiệu Tống (1924-2008) vẫn còn sáng suốt nói một câu dạt dào tình cảm: “Ở vào tuổi tám chục, tôi vẫn còn có một người thầy!”.

Trong tập san *Hàm Nghi Yêu Dấu* số 5 (năm 2008) có in một tấm hình hai lão ông đang trao và nhận quà. Họ già đến da nhăn má hóp, những đốm đồi mồi đã lộ rõ trên nền trán chống chọi với ưu tư, râu tóc chỉ còn thưa thưa mấy sợi; nên khó mà nhận biết ai già hơn ai. Càng xúc động hơn khi đọc lời chú thích dưới bức ảnh: “Thầy Dương Thiệu Tống tặng quà cho thầy Hà Thúc Chính”. Đó là hình nền của bài “Tôi Còn Có Một Người

Quả đúng như lời nhận xét của thầy mình, thầy Dương Thiệu Tống đã làm sáng danh nước nhà qua đề tài “Mô hình trường trung học kiểu mẫu”. Năm 1982, Liên Xô mời phái đoàn trí thức miền Nam đã được Âu Mỹ đào tạo qua Nga tham quan nghiệp vụ. Phái đoàn ấy gồm năm người trong đó có thầy Dương Thiệu Tống. Một hôm, chuyên gia Liên Xô trình bày một chương trình trung học kiểu mẫu rất hiện đại. Nhưng bất ngờ, thầy Dương Thiệu Tống cho biết chương trình ấy là do chính ông thiết lập cho giáo dục quốc tế từ lâu tại Hoa Kỳ. Mô hình này được xây dựng nhằm mục đích nghiên cứu áp dụng cho tất cả các trường, đặc biệt là các trường ở những thành phố nhỏ, nơi không thể mở các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề riêng lẻ. Tùy yêu cầu địa phương sẽ đẩy mạnh nghề biển,

nông, thương... Vì không phải học sinh nào học xong phổ thông cũng có khả năng vào đại học nên mục đích của mô hình này là dù học ngành gì, sau bậc phổ thông học sinh phải biết ít nhất một lãnh vực chuyên môn để có thể phục vụ cho gia đình hoặc địa phương mình sinh sống. Đây là mô hình phối hợp giáo dục phổ thông và giáo dục hướng nghiệp. Lần đầu tiên ở Việt Nam năm 1965, trường áp dụng lối thi tuyển bằng trắc nghiệm khách quan bao gồm một số bài trắc nghiệm phụ và các môn: Văn, Toán, Khoa học thường thức; chú trọng việc khảo sát trí thông minh hơn là khả năng học tập, khả năng thuộc bài, nhớ sách. Mô hình này được thực hiện tốt đẹp tại Việt Nam trong mười năm ở trường Kiểu mẫu Thủ Đức và một số trường khác trong nước, nhưng tiếc thay bị ngưng lại sau năm 1975¹.

Kể từ buổi thầy trò hội ngộ đầy cảm động ấy cho đến lúc thầy Hà Thúc Chính vĩnh viễn ra đi (26-7-2001), thầy Dương Thiệu Tống cùng các bạn bè năm xưa thường mời thầy cô Hà Thúc Chính đến chủ tọa các buổi họp mặt đầu năm của cựu học sinh Quốc Học, Đồng Khánh và Providence. Đó là niềm vinh dự của tất cả cựu học sinh. Ngày đến dự lễ tang thầy, thầy Dương Thiệu Tống đã cúi đầu tâm niệm trước vong linh người thầy kính yêu: "Nếu trong đời người mọi sự gặp gỡ may mắn đều là do duyên phận thì có lẽ tôi đã có cái duyên được gặp thầy. Riêng thầy chắc không thể nào ngờ rằng một trong những cậu học trò bé nhỏ của thầy năm xưa, nay đã trở thành một ông già tám mươi tuổi được hân hạnh đại diện lớp học đầu tiên quỳ lạy trước linh cữu của thầy, nước mắt tràn trề với đôi lông mày đã nhuộm bạc...". Thầy còn khẳng định: "Nếu tôi không có tình cảm trong nghĩa thầy trò ấy thì có lẽ tôi không còn tồn tại trong nghề thầy đến ngày hôm nay".

Gieo giống lành thì cho quả ngọt. Thầy Dương Thiệu Tống cũng đã được các thế hệ học trò cũ hết lòng kính yêu - Ngày sinh thứ 82 của thầy, các bạn đã đến chúc thọ thầy tại nhà riêng. Thầy đã bồi hồi xúc động: "Các anh đã mang lại niềm hạnh phúc cho tôi" khi nhìn về phía cầu thang, thấy một học trò cũ tóc đã đổi màu, đang khệ nệ bưng chiếc bánh sinh nhật dò bước lên gác. Trong cuộc hàn huyên tâm sự thầy trò; có hai điều gieo cho chúng tôi những ấn tượng sâu sắc hơn nữa về người thầy của mình. Trước hết là niềm tự hào dân tộc về truyền thống "tôn sư trọng đạo" mà thầy có dịp thể hiện với những người bạn quốc tế. Thầy kể: "Tôi có người bạn thân hồi còn học ở trường Đại học Columbia, Washington, Hoa Kỳ năm 1966-1969 là tiến sĩ Tim Abraham. Năm 2001 khi đến thăm tôi, ông lấy làm ngạc nhiên vì tình nghĩa thầy trò sâu đậm của học trò đối với thầy. Năm 2004 ông đến Việt Nam lần nữa, lúc này sức khỏe của tôi không được tốt, anh Phước tiếp bạn của thầy như một người thầy cũ. Ông cảm động lắm. Lúc chia tay ông ôm tôi và nói to: 'Tuyệt vời, Việt Nam tuyệt vời!'. Và thầy còn nói rõ thêm: 'Người

thầy phải trung thực, trong sạch, gương mẫu, có lòng yêu nghề mến trẻ... Và dĩ nhiên "sư" phải thế nào mới được "tôn". Điều thứ hai là lòng yêu quê hương đất nước chân chính của thầy. Trước khi chia tay, thầy nói như để căn dặn học trò mình: "Ngày xưa khi đi du học ở nước ngoài tôi có ghi lời cam kết là học để phục vụ quê hương. Tôi đã thực hiện được điều đó. Bây giờ sống đến tuổi này, nhìn lại tôi cũng có được nhiều điều đúng điều sai, nhưng điều đúng đắn nhất mà tôi đã làm là luôn luôn tự hào là đã ở lại Việt Nam".

Một người đến tuổi 80 mà trước sau giữ tròn đạo nghĩa người học trò son sắt thủy chung:

Mà nay bến cũ, con đò cũ

Ngồi nhớ người đưa lán bến sông.

(Viễn xứ nhớ nguồn - Bàn Thạch - Dương Thiệu Tống)

Hơn thế nữa, là một người thầy mà đến tuổi này vẫn chưa quên đám học trò ngày xưa tóc hãy còn xanh mà bây giờ đã hóa bạc:

Bến sông, ông lái, con đò nhỏ

Vương vấn trong tim khách bạc đầu.

(Tâm sự ông lái đò - Bàn Thạch - Dương Thiệu Tống)

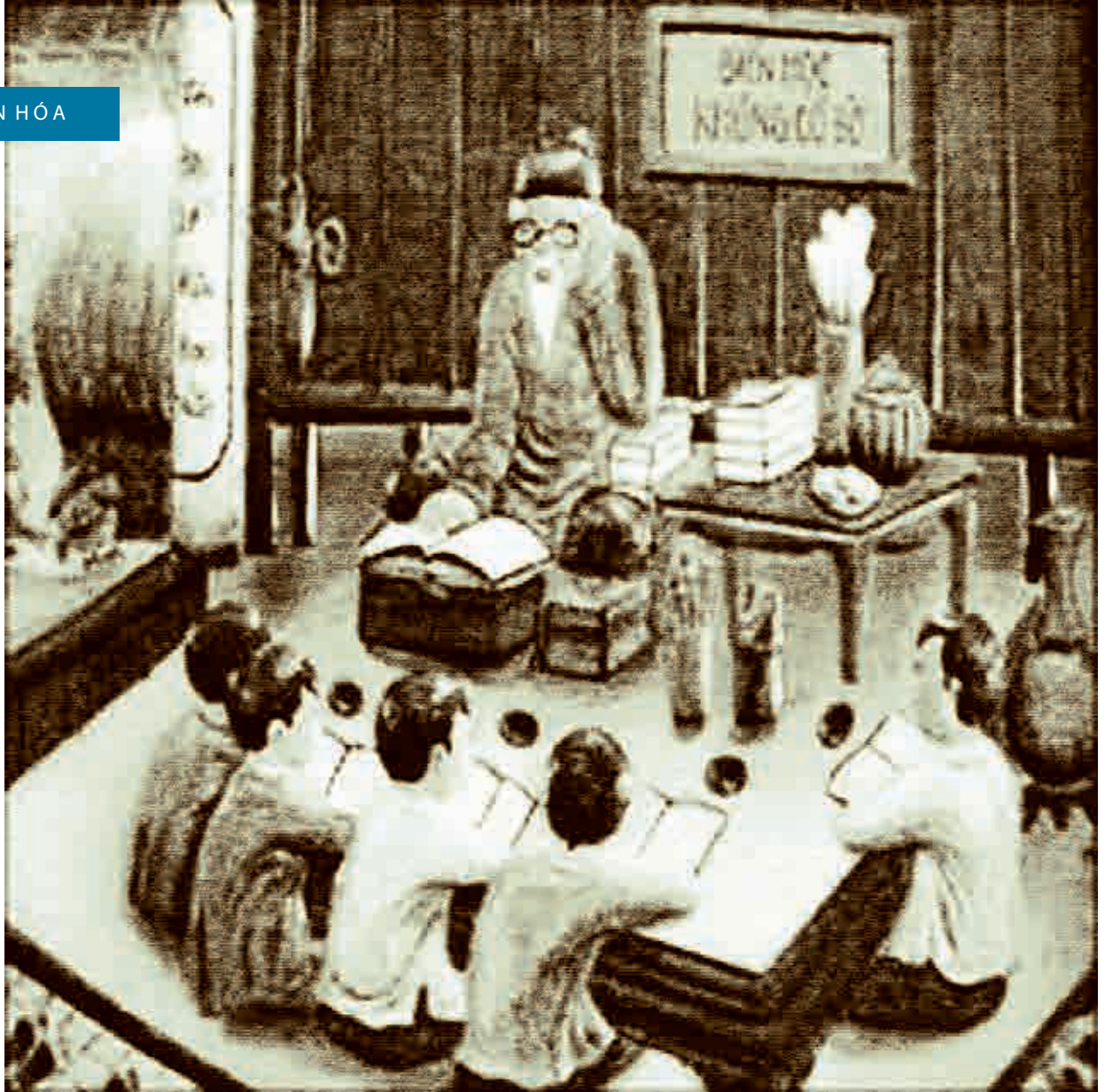
Cảm nhận được tấm lòng nhân hậu, thủy chung nơi hai vị tiền bối của nền giáo dục nước nhà; rồi nhìn lại tình trạng sa sút đạo đức đến mức trầm trọng của xã hội hiện nay. Câu nói bất hủ của học giả Lê Quý Đôn đáng là một hồi chuông cảnh tỉnh: "Lo sợ nhất cho giáo dục là trò khinh thầy, và kẻ sĩ quay lưng với thời cuộc". ■

Chú thích:

1. *Một công trình của Giáo sư Tiến sĩ Dương Thiệu Tống, Nguyễn Thiện Tống, báo Thanh Niên số ra ngày 5-9-2008.*

GS.TS Dương Thiệu Tống, sinh ngày 1-11-1925, tại làng Vân Đình - Hà Đông nay là Hà Nội; Ủy viên Hội đồng Khoa học Xã hội TP.HCM, Ủy viên Hội đồng sáng lập Trường Đại học Ngoại ngữ Tin học TP.HCM (HUFLIT), nguyên TS.Tâm lý học Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, nguyên Hiệu trưởng Trường Quốc học Huế, nguyên Hiệu trưởng Trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức, đã từ trần lúc 10 giờ 55 phút sáng 3-9-2008 (nhằm ngày 4-8 năm Mậu Tý), hưởng thọ 84 tuổi. Linh cữu GS.TS Dương Thiệu Tống quàn tại Nhà tang lễ TP.HCM (số 25 đường Lê Quý Đôn, quận 3). Lễ viếng bắt đầu từ 8 giờ ngày 4-9-2008. Lễ động quan lúc 6 giờ ngày 6-9-2008. Sau đó đưa đi an táng tại Nghĩa trang TP.HCM 2, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi.

Thầy Dương Thiệu Tống (1924-2008), là một nhà giáo dục học lớn của Việt Nam, tác giả của nhiều đầu sách nghiên cứu rất có giá trị. Năm 1982, Liên Xô mời phái đoàn trí thức do Âu Mỹ đào tạo ở miền Nam qua Nga tham quan nghiệp vụ. Trong phái đoàn năm người ấy có thầy Dương Thiệu Tống. Một hôm, chuyên gia Liên Xô trình bày một chương trình Trung học Kiểu mẫu rất hiện đại. Nhưng bất ngờ GS. Dương Thiệu Tống cho biết chương trình ấy là do chính ông thiết lập cho giáo dục quốc tế từ lâu tại Hoa Kỳ (báo Thanh Niên 5-9-2006).



Nguồn: hoiquangphidung.com

Cần có quy phạm nội dung của Lễ

LÊ HẢI ĐĂNG

Câu khẩu hiệu “Tiên học lễ, hậu học văn” phổ biến ở hầu hết các cơ sở giáo dục nước ta, từ mẫu giáo (chưa dạy chữ) đến cấp tiểu học, trung học và đại học cho thấy tầm quan trọng của việc học lễ. Thế nhưng, tương phản với việc “học văn” vốn có nội dung phong phú, cụ thể về mặt ý nghĩa, thì “học lễ” hầu như bị rỗng ruột. “Học lễ” không chỉ thiếu một cách trầm trọng, mà còn chưa khu biệt, thậm chí bị nhập nhằng với những

môn học có liên quan, như Đạo đức, Quân sự, Giáo dục Công dân...

Vào thời kỳ phong kiến, lễ đứng đầu trong sáu môn học bắt buộc gọi là lục nghệ, bao gồm: lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số. Theo đó, lễ bao gồm những quy phạm trong hành vi ứng xử giữa người với người. Trong xã hội có phân chia đẳng cấp, lễ chỉ ra tính khác biệt giữa các thành phần, thân phận. Mỗi người tùy thân phận, đẳng cấp của mình mà vận dụng những nguyên tắc

mang tính quy phạm vào hoạt động ứng xử, phục vụ nhu cầu giao tiếp. Ngày nay, nội dung “học lễ” đã bị rút ruột và chỉ còn sót lại vỏ khái niệm tồn tại dưới dạng “biểu ngữ”. Học sinh có khi bị coi là vô lễ nếu làm trái ý người lớn, thầy cô. Trên thực tế, lễ đã không được bảo lưu với đầy đủ ý nghĩa, nội dung, quy phạm và kỹ năng đi kèm. Việc quy kết cá nhân vào hành vi “vô lễ” hoàn toàn dựa trên phán xét chủ quan hoặc thiếu nội hàm lấy làm căn cứ. Chính vì lý do đó, câu khẩu hiệu “Tiên học lễ, hậu học văn” xuất hiện ở các trường học trở thành biểu ngữ nhằm mục đích trang sức hơn là tiêu chí hay tôn chỉ định hướng cho việc dạy và học.

Cũng vào triều đại phong kiến, Nội các Chính phủ có thiết lập Bộ Lễ. Trong Bộ Lễ lại có chức quan Phụng Lễ lang chuyên chủ trì, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động, sự kiện cấp quốc gia. Ngày nay, mỗi dịp tổ chức sự kiện, chúng ta thường giao phó cho hoạt động dịch vụ hoặc tổ chức nào đó đứng ra đăng cai, thực hiện dựa trên kịch bản được thiết kế, soạn sẵn với trình độ đạt tới cấp độ tùy tiện. Tâm điểm của một quốc gia mệnh danh bốn ngàn năm văn hiến nằm ở nền văn hóa trọng Lễ. Song, cùng với quá trình hội nhập nền kinh tế thế giới, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thì chúng ta hoàn toàn chưa thiết lập được quy phạm cho những chuẩn mực trong quan hệ ứng xử. Nhiều nội dung về Lễ chủ yếu dùng vào việc uốn nắn hành vi cho trẻ nhỏ chứ chưa trở thành hệ giá trị chung cho toàn thể cộng đồng, đồng thời có khả năng tham gia vào hành vi ứng xử suốt cuộc đời. Chẳng hạn như đi hỏi, về chào, gọi dạ, bảo vâng, hay ăn trông nồi, ngồi trông hướng, nhường nhịn, hiếu thảo... mỗi người tùy cảnh huống, cũng như kiến văn của mình mà ứng xử. Đứng ở góc độ coi lễ như những hành vi ứng xử tối thiểu trong giao tiếp, kỹ năng trên đã hoàn tất ở cấp mẫu giáo. Còn hiểu việc học lễ một cách rộng lớn, có khả năng đối trọng với học văn thì đa số học sinh, kể cả thầy cô đều có nguy cơ “mất dạy” ngay tại nhà trường.

Ăn uống là một nhu cầu cơ bản. Xưa nay chúng ta được dạy: “ăn trông nồi, ngồi trông hướng”. Trên thực tế, cái nồi đã tách ra khỏi bàn ăn trong gia đình của cư dân đô thị. Vì thế, nội hàm câu nói trên đã bị tước mất giá trị hiện hữu. Đi kèm với ăn bao gồm hàng loạt lễ thức, nghi thức, hành vi quy định phẩm chất từng tộc người cũng không được duy trì. Trong nhiều ngày lễ truyền thống, như Nguyên đán, Nguyên tiêu, Thanh minh, Đoan ngo, Vu-lan, Trung thu, Trừ tịch... ngoại trừ hoạt động diễn ra tại cơ sở tín ngưỡng, còn nơi bá tánh chủ yếu bảo lưu tập tục ăn, uống nhân ngày lễ. Trên thị trường, các quán ăn tiếp tục biến đổi chỉ quan tâm tới ăn gì, chứ nội dung ăn như thế nào đã trở nên mơ hồ và đầy dạng thức văn hóa này đến chỗ tù mù, không có chuẩn mực.

Quy phạm nội dung học lễ thông qua chuẩn mực hành vi ứng xử là một con đường dài đã bị đứt gãy trên

thực tế. Nhiều doanh nghiệp đứng trước nhu cầu hợp tác kinh tế với đối tác nước ngoài đã đem văn hóa ứng xử ngoại lai vào nước ta, từ công nghệ hiện đại cho đến chuẩn tắc ứng xử, đặc biệt ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhật Bản. Qua đó mới thấy nước ta thiếu đến tội nghiệp những biểu hiện văn hóa trong quan hệ ứng xử. Ngay như việc chào hỏi, ta cũng chẳng biết người Việt Nam phải thể hiện như thế nào? Vì nội dung này chưa từng được dạy, huấn luyện, thực hành và thường xuyên biểu hiện trên đời sống. Trước nhu cầu giao lưu, ta càng nhận thấy mình khiếm khuyết, thiếu thốn những giá trị làm nên sự khác biệt. Công cuộc cải cách thủ tục hành chính hầu như chỉ dừng lại ở thay đổi về nhận thức, thái độ, tác phong, quy trình thủ tục... mà chưa tiến tới xác lập chuẩn mực mang giá trị văn hóa làm cơ sở cho việc triển khai tác phong công sở. Với vị thế “La-hán” của giới công chức, lễ ra bộ phận này phải tham gia vào chuỗi giá trị làm nên tính khác biệt, sự ưu việt có khả năng cảm hóa, biến đổi văn hóa đại chúng, tạo hình mẫu đại diện cho thời đại, có sức lan tỏa, ảnh hưởng tới xã hội. Thế nhưng, đây lại là nơi chậm đổi mới, trì trệ đến mức bị quy hoạch vào vùng phải tiến hành cải cách.

Trong quá trình biến đổi xã hội, nhiều giá trị mới được tiếp nhận, cũng có những nội dung đã chuyển hóa cần định dạng lại, học lễ là một trong những dạng thức như thế. Để xứng tầm của một quốc gia văn hiến, cũng như tôn chỉ mà chúng ta khao khát được biểu hiện, học lễ cần được những nhà làm giáo dục, thiết kế chương trình nghiêm túc nhìn nhận lại, coi đây như một nội dung tiên quyết (Tiên học lễ) đang còn khiếm khuyết và ảnh hưởng đến những nội dung khác. Quá trình suy thoái đạo đức có những nhân tố lịch sử, nhưng cội rễ khởi đầu từ giáo dục và kết thúc ở văn hóa. Môn đạo đức phải được lồng ghép, tham gia vào nội dung học lễ, làm cho những chuẩn mực ứng xử đồng hiện cùng cuộc sống. Quá trình phai mờ những giá trị đạo đức theo thời gian không được định dạng lại sẽ nhường chỗ cho những khái niệm đã mất nội dung khiến cho bài học đạo đức xa rời ý nghĩa, mục đích học làm người. Trước sự du nhập các trào lưu văn hóa ngoại lai thông qua giao lưu trực tiếp hoặc gián tiếp cho ta thấy những ứng xử bất nhất, ngô nghê, thiếu nhất quán trong cách thể hiện làm cho bản sắc văn hóa người Việt mờ nhạt. Báo chí, truyền hình, internet là những kênh chủ đạo đặt ta vào bối cảnh đối sánh để nhìn lại mình. Chúng ta đã phá tan giấc mộng hỗn nhiên để đưa đất nước lên cán cân so sánh với các nền văn hóa khác. Nguy cơ hòa tan không nằm ở chỗ kẻ khác mạnh hơn, mà chính ở khoảng trống hư vô, nghèo nàn về những giá trị làm nên tính khác biệt. Từ chỗ không tạo ra những giá trị riêng biệt đó, ta dễ rơi vào cảnh huống bị đồng hóa hoặc hòa tan vào lòng thế giới đang giãn nở theo chiều biến hóa của mình. ■



Tiếng Việt, ngôn ngữ của tình cảm

Liên Hoa NGUYỄN THỊ HUỆ

Dân tộc ta không sản sinh những triết gia lớn, những nhà đạo học, thần học, những tư tưởng gia tầm cỡ quốc tế. Đa số các danh từ khoa học, triết học hay tôn giáo đều vay mượn từ chữ Hán hoặc Việt hóa từ các danh từ Âu Mỹ. Nhưng dân tộc ta đã có một tiếng nói đặc trưng, diễn tả mối quan hệ sâu sắc giữa người với người trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Đó là bản sắc, là dân tộc tính của dân ta, đã giúp ta giữ vững bờ cõi trước những lần tấn công xâm lược của phương Bắc hùng mạnh. Nhờ đâu mà dân ta không bị đồng hóa, bờ cõi không bị xóa bỏ trên bản đồ thế giới? Phải chăng vì ta đã có một ngôn ngữ sống động, đậm đà tình tự dân tộc, gắn bó ta với làng nước, quê hương?

Dân ta bản chất thực tế, hiền hòa nhưng bất khuất trước bạo quyền và quân xâm lược. Kho tàng văn học bình dân, các câu ca dao tục ngữ đã ca ngợi sự kiên cường bất khuất của dân ta, một dân tộc nhỏ bé, chống

lại các đế quốc khổng lồ (đế quốc Nguyên Mông) để bảo vệ đất nước.

Nụ cười châu chấu đá xe

Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng.

Nhưng sau khi đuổi giặc ra khỏi bờ cõi, ta lại khiêm nhường triều cống để giữ hòa khí với nước lớn, để nhân dân có thể an cư lạc nghiệp.

Khi cần bảo vệ đất nước thì mọi thành phần đều tham gia, không kể giàu nghèo, chức tước, nam nữ.

Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh.

Khi hòa bình tái lập, dân ta lại trở về với xóm làng, sống cuộc sống bình thường với những nguyên tắc ứng xử mọi người đều công nhận, quan trọng hơn cả luật lệ của triều đình.

Phép vua thua lệ làng

Bà con xa không bằng láng giềng gần.

Gia đình là nền móng của xóm làng, đất nước. Vợ chồng thuận hòa, êm ấm có thể hoàn thành bất cứ công việc khó khăn gian khổ nào.

Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn.

Cách xưng gọi trong tiếng Việt có thể nói rằng không một ngôn ngữ nào đa dạng và phức tạp bằng, đã diễn tả sâu sắc mức độ tình cảm, thứ bậc trong gia đình của những người đối thoại. Chồng hay vợ gọi nhau thân mật thì có *minh, anh, em*. Nhà tôi là để nói về người phối ngẫu chứng tỏ sự quý trọng. Ông xã, bà xã là những tiếng thân thương để nói về vợ hay chồng của người bình dân. Con gọi cha có thể là *cha, thầy, bố, bọ, bố, tía, cậu, ba...* tùy địa phương. Con gọi mẹ có thể là *mẹ, má, mạ, mợ, me, bu, u...* Nói về cha mẹ già, ta thường trân trọng *hai cụ tôi* hay thân mật *ông già, bà già tôi*. Con cái luôn xưng *con* với cha mẹ, không bao giờ xưng *tôi*. Cách gọi các anh chị em của cha mẹ còn phức tạp hơn. Anh của cha gọi là *bác*; anh của mẹ gọi là *bác* (theo miền Bắc) hoặc *cậu* (theo miền Trung và miền Nam). Vợ của bác gọi là *bác gái*; chồng của bác gọi là *bác trai*. Em trai của cha gọi là *chú*, em trai của mẹ gọi là *cậu*. Vợ của chú gọi là *thím*, vợ của cậu gọi là *mợ*. Chị của cha gọi là *bác* (theo miền Bắc) hoặc *cô* (theo miền Trung và miền Nam); chị của mẹ gọi là *bác* (theo miền Bắc) hoặc *dì* (theo miền Trung và miền Nam). Em gái của cha gọi là *cô*, em gái của mẹ gọi là *dì*. Chồng của cô và dì gọi là *chú* (theo miền Bắc) hoặc *dượng* (theo miền Trung và miền Nam). Chồng sau của mẹ gọi là *dượng* hay *bố dượng*. Vợ sau của cha gọi là *dì* hay *dì ghê*. Con riêng của vợ hay chồng gọi là *con ghê*.

Tình cảm giữa các chú, dì, cô, cậu, dượng, mợ, thím đối với con cháu của họ cũng rất sâu sắc. Dân ta thường xem chú như cha và dì như mẹ.

Sẩy cha nhờ chú, sẩy mẹ bú dì.

Người nhỏ tuổi hay thứ bậc nhỏ hơn không bao giờ gọi người lớn hơn là *nó, hắn*, hay chúng nó. Lúc nào người nhỏ cũng bắt đầu câu nói hay câu trả lời bằng chữ *dạ* hay *dạ thưa*. Khi tuân lệnh hay đồng ý thì *dạ vâng* hay *thưa vâng*. Người lễ phép không bao giờ trả lời trống không. Nói về người khác mà dùng các từ *thằng, con*, hay *đứa, tụi nó* là vô lễ hay có ý miệt thị. Không như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Hoa, chỉ có hai đại danh từ cho ngôi thứ nhất và ngôi thứ hai số ít (*I – You, Je – Tu, Ngộ – Nij*), tiếng Việt phong phú hơn nhiều. Tùy theo trường hợp và người đối thoại mà ta có thể xưng *con, cháu, anh, chị, em, tôi, mình, tớ, ông, bà, chú, bác, cậu, dượng, dì, cô, mợ, thím...* Bác, chú, cậu, dượng chỉ là *uncle* (theo tiếng Anh) hay *oncle* (theo tiếng Pháp); còn dì, cô, mợ, thím, bác gái chỉ là *aunt* hay *tante!*

Ngoài xã hội, cách xưng hô lại càng phức tạp hơn.

Tùy theo địa vị, tuổi tác và quan hệ với đối tượng mà ta phải chọn cách xưng hô cho thích hợp. Ví dụ, thông gia của cha mẹ, dù trẻ hơn ta, ta cũng phải gọi là *hai bác* và xưng là *cháu*. Bạn bè của cha mẹ ta cũng phải gọi là *bác*, trừ khi người đó quá trẻ hơn ta. Cha mẹ của bạn, ta cũng gọi là *hai bác* dù họ có thể nhỏ tuổi hơn cha mẹ ta nhiều.

Động từ *love* (tiếng Anh), *aimer* (tiếng Pháp), *ái* (tiếng Hoa) có thể được dịch qua tiếng Việt bằng các động từ *thích, mến, yêu, thương, quý* tùy theo mức độ và đối tượng của tình cảm.

Mở đầu diễn văn, diễn giả Việt thường nói *"Kính thưa quý Cụ, quý Ông bà, Cô Bác, Anh Chị và các Em, các Cháu..."* Người Mỹ chỉ vồn vện *"Ladies and Gentlemen..."* và người Pháp chỉ *"Mesdames et Messieurs...!"*. Phải chăng diễn giả Việt muốn liên hệ tới mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp của thính giả để từ đó sự thông cảm giữa người nói và người nghe dễ thiết lập hơn?

Ta thường nghe nhiều chuyện về người ngoại quốc sử dụng tiếng Việt, nhất là các đại danh từ (pronouns). Nếu dùng sai hay lẫn lộn không những không diễn tả được tình cảm mà còn tỏ ra ngây ngô, bất lịch sự hay vô lễ. Người ngoại quốc nào sử dụng thành thạo tiếng Việt, nhất là cách xưng hô, trong mọi hoàn cảnh, với mọi đối tượng, là điều đáng phục.

Chúng ta, những người Việt sống xa quê hương, không thể nào quên cội nguồn và không cố gắng gìn giữ văn hóa gốc của chúng ta. Chúng ta hãnh diện và tự hào khi thấy một thanh niên Mỹ gốc Việt, sinh trưởng ở Hoa Kỳ, vừa tốt nghiệp hạng ưu Học viện West Point, phát biểu bằng tiếng Việt rất rõ ràng và lưu loát trên ti-vi. Và tự nhiên ta thấy ấm lòng khi nghe một bé gái khoảng chín, mười tuổi nói chuyện với cha mẹ bằng tiếng Việt khi đi mua sắm ở siêu thị.

Xin các bậc ông bà cha mẹ lưu tâm giúp con cháu chúng ta đọc, hiểu và nói tiếng mẹ. Các thành phần trong gia đình nên trò chuyện với nhau bằng tiếng Việt, kể cho các em nghe các chuyện thần thoại, nguồn gốc và lịch sử dân tộc Việt để từ từ tập cho các em nghe, nói, và hiểu tiếng Việt cho đến khi các em được mười hai tuổi. Các em sẽ không quên tiếng mẹ lúc lớn khôn. Biết rành thêm một ngôn ngữ, dĩ đó là tiếng mẹ, là một lợi ích lớn cho vốn liếng ngoại ngữ của con em chúng ta. Các thầy cô giáo bậc tiểu học ở Mỹ, những vị có tâm huyết, đều khuyên phụ huynh Mỹ gốc Việt đừng để cho con em quên tiếng mẹ, đừng quên văn hóa gốc của các em.

Tiếng Việt là tiếng nói tình cảm gắn bó chúng ta với quê hương xa cách, đã giúp dân tộc ta tồn tại, không bị đồng hóa suốt bốn ngàn năm, qua bao nhiêu thăng trầm của lịch sử. Như học giả Phạm Quỳnh, nhân bài diễn văn kỷ niệm hai trăm năm ngày sinh của Nguyễn Du, đã nói cách đây non một thế kỷ "... Tiếng ta còn thì nước ta còn...". ■

Như lý giác sát

NGUYỄN KHÁNH

Như lý giác sát (*yoniso patisankhàna*) là một thuật ngữ Phật học hàm ý sự chú tâm nhận biết về thực tại tâm thức, nhận thức rõ về ý nghĩa chính đáng của mỗi việc làm hay sự việc mà mình đang thực hiện nhằm bảo đảm sự việc ấy được chân chánh, hiền thiện, phục vụ cho mục đích tu học đạo lý giác ngộ hướng đến hoàn thiện con người, hoàn thiện nhân tính. Đạo Phật được mệnh danh là đạo giác ngộ, đạo của trí tuệ, của sự nhận thức chân chánh, sáng suốt, không mê lầm, hay con đường của sự thức tỉnh đi ra khỏi khổ đau. Vì vậy, như lý giác sát (*yoniso patisankhàna*) chính là một phần của lối sống minh triết Phật giáo, tức là xem xét đúng đắn, cân nhắc thận trọng, suy tư chín chắn, nhận thức chân chánh, hiểu biết như thật hay vận dụng trí tuệ vào cuộc sống nhằm thực nghiệm nếp sống giác ngộ, nếp sống hạnh phúc an lạc, rời xa các phiền não khổ đau. Theo nghĩa này thì có nhiều cách khác nhau để vận dụng sự chú tâm nhận biết hay như lý giác sát. Chẳng hạn, trong việc sinh sống hàng ngày, người xuất gia được khuyên dạy như thế này:

*"Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo như lý giác sát, thọ dụng y phục, chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc phạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ với mục đích che đậy sự trần trụi. Vì ấy như lý giác sát, thọ dụng món ăn khát thực không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh, nghĩ rằng: 'Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn'. Vì ấy như lý giác sát, thọ dụng sàng tọa, chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc phạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ để giải trừ nguy hiểm của thời tiết, chỉ với mục đích sống độc cư an tịnh; vì ấy như lý giác sát thọ dụng dược phẩm trị bệnh, chỉ để ngăn chặn các cảm giác khổ thống đã sanh, để được ly khổ hoàn toàn. Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu vị ấy thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa."*¹.

Như vậy, ý nghĩa như lý giác sát (*yoniso patisankhàna*) đã trở nên rõ ràng trong văn cảnh trên. Ở đây, như lý giác sát có nghĩa là chú tâm vào việc ăn, mặc, ở và sử dụng thuốc trị bệnh, nhận thức rõ ý nghĩa chính đáng của việc sử dụng y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, hiểu rõ việc thọ dụng bốn nhu yếu tối thiểu hay "tứ sự cúng dường" chỉ là một phương tiện để duy trì sự sống, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, nhưng để chống lại các cảm giác khó chịu trong cuộc sống, giúp cho cuộc sống được thoải mái an ổn; đặc biệt, để hỗ trợ cho sự nghiệp tu học được tiến triển tốt đẹp, chân chánh, không lỗi lầm, đáp ứng mục tiêu cần cầu vô thượng an ổn thoát khỏi khổ ách, Niết-bàn. Với sự giác sát như vậy, người xuất gia thọ dụng "tứ sự cúng dường" một cách chân chánh, đúng pháp, không lỗi lầm, tâm không biến nhiễm (không rơi vào tham đắm hay bực phiền đối với các điều kiện sinh sống). Nói cách khác, người xuất gia cần nhận thức rõ việc ăn, mặc, ở, sử dụng thuốc men chỉ là phương tiện để đi đến cứu cánh, đó là giải thoát tham-sân-si, giác ngộ chân lý, chứng đắc Niết-bàn tịch tịnh.

Tương tự như thế, ở một phương diện khác, người xuất gia cũng được khuyên vận dụng phương pháp như lý giác sát nhằm nhận thức rõ thực tại các pháp hay những gì đang đối diện để ứng dụng sự tu tập, thực thi nếp sống sáng suốt an ổn, tránh các phiền toái trực tiếp hoặc gián tiếp xảy ra gọi là phương pháp tránh né. Phương pháp này được mô tả như sau:

*"Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo như lý giác sát, tránh né voi dữ, tránh né ngựa dữ, tránh né bò dữ, tránh né chó dữ, rắn, khúc cây, gai góc, hố sâu, vực núi, ao nước nhớp, vũng nước. Có những chỗ ngồi không xứng đáng ngồi, những trú xứ không nên lai vãng, những bạn bè ác độc mà nếu giao du thì bị các vị đồng phạm hạnh có trí nghi ngờ, khinh thường; vì ấy như lý giác sát tránh né chỗ ngồi không xứng đáng ấy, trú xứ không nên lai vãng ấy và các bạn bè ác ấy. Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu vị ấy tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa."*².



Như lý giác sát trong trường hợp trên chính là sự chú tâm nhận ra các pháp chương ngại (*àvaraniya-dhammà*) hay các đối tượng không thích đáng để tránh né, xa lánh, khiến cho các phiền não lậu hoặc không có điều kiện phát sinh gây nên khổ đau. Nhờ có sự xem xét cẩn trọng dẫn đến thái độ tránh né kịp thời các đối tượng không thân thiện, không thích đáng như vậy nên người xuất gia có được sự an ổn trong đời sống tu học, tránh được các nhân tố trực tiếp hoặc gián tiếp gây nên các phiền muộn khổ đau.

Một phương pháp khác là chú tâm nhận biết về các điều kiện gây khó chịu hay như lý giác sát về các khổ thọ mà mình gặp phải trong đời sống để vận dụng đức kham nhẫn nhằm vượt qua các phiền não lậu hoặc:

“Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo như lý giác sát, kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc phạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; kham nhẫn những cách nói mạ lỵ, phỉ báng. Vị ấy có tánh kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người. Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu vị ấy kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa.”³

Trong các trường hợp nói trên thì như lý giác sát có nghĩa là quán sát về các điều kiện gây khó chịu, nhận rõ chúng là các pháp do nhân duyên sinh, nhất thời

tạo nên cảm giác khó chịu hay khổ thọ, cần phải kham nhẫn vượt qua, không nên bực phiền hay phản ứng giận dữ khiến ô uế tâm thức. Chúng chỉ là các điều kiện nhất thời gây nên khó chịu, nhưng tất cả chúng, kể cả khổ thọ, đều là các hiện tượng do duyên sinh, chuyển biến, thay đổi, không thường hằng, không tồn tại mãi. Nhờ quán sát rõ ràng như vậy về bản chất của tất cả các điều kiện tạo nên hiện tượng khó chịu mà người xuất gia có đủ kham nhẫn để vượt qua mọi cảm giác thống khổ, khó chịu, tâm không biến nhiễm, không rơi vào sầu, bi, khổ, ưu, não.

Một phương diện khác của như lý giác sát được vận dụng trong đời sống tu tập của người xuất gia, đó là sự chú tâm nhận diện các diễn biến của tâm thức trong đời sống xúc chạm hàng ngày để kịp thời điều chỉnh. Đạo Phật nói đến hai trạng thái tâm lý đối nghịch nhau phát sinh trong đời sống hàng ngày là tham (*abhijjhà*) và ưu (*domanassa*), cơ bản do duyên sự tiếp xúc giữa các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) và các trần hay các đối tượng tương ứng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Thông thường, một người chưa có cơ duyên tiếp xúc với các pháp môn tu tập của đạo Phật thì khi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý tiếp xúc với sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, có hai tâm lý phát sinh, hoặc yêu thích hoặc ghét bỏ, khiến cho hai tâm thái bất thiện là tham (*abhijjhà*) và ưu (*domanassa*) có dịp sinh khởi và tăng trưởng. Tham là trạng thái ham muốn, thích thú, khao khát, muốn ôm ấp nắm giữ các đối tượng thích ý, hấp dẫn. Ưu là trạng thái phiền muộn, khó chịu, không thích thú, ghét bỏ, muốn xa lánh các đối tượng không ưng ý, không hấp dẫn. Theo quan niệm của đạo Phật thì đây là hai tâm lý bất thiện có chung gốc rễ là si mê hay còn gọi là phản ứng hai mặt, thuận ứng (*anuruddha*) và nghịch ứng (*pativiruddha*)⁴, của một tâm thức bị vô minh chi phối, khiến cho tâm luôn luôn bị dao động, quay cuồng, không tĩnh táo, không sáng suốt, không thanh thản, không an lạc, trở nên căng thẳng và mệt mỏi. Để ngăn tránh hai tâm lý bất thiện như vậy phát sinh kéo theo các pháp bất thiện khác đồng sinh khởi khiến khổ đau sinh khởi, Đức Phật nói đến phương pháp như lý giác sát đi kèm với pháp môn phòng hộ các căn như là giải pháp tu tập. Ngài nhấn mạnh:

“Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ con mắt. Này các Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ con mắt, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu sống phòng hộ với sự phòng hộ con mắt, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Vị ấy như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ lỗ tai... như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ lỗ mũi... như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ lỗ lưỡi... như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ thân... như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ ý. Này các Tỳ-kheo, nếu

*Tỳ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ ý, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu sống phòng hộ với sự phòng hộ ý, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa”*⁵.

Như vậy, như lý giác sát trong trường hợp trên chính là sự chú tâm xem xét và nhận biết tâm thức của mình có dao động, có rơi vào tham (*abhijjhà*) và ưu (*domanassa*), thuận ứng (*anuruddha*) và nghịch ứng (*pativiruddha*) hay không khi các căn gặp gỡ các trần để kịp thời chấn chỉnh, ứng dụng pháp môn phòng hộ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhằm chặn đứng các nguyên nhân khiến tham hay ưu phát sinh đi kèm với các ác bất thiện pháp khác đồng sinh khởi gây ra phiền não khổ đau.

Một phương diện khác nữa của sự ứng dụng như lý giác sát trong đời sống tu tập, đó là người xuất gia phải luôn luôn chú tâm theo dõi và nhận rõ dòng tâm thức của mình trôi chảy thế nào, có rơi vào dục niệm (*kàma vitakka*), sân niệm (*byàpàda vitakka*), hại niệm (*vihimsa vitakka*) hay có bị ám ảnh bởi các tư duy liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến tà kiến hay không để nỗ lực đoạn trừ:

*“Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo như lý giác sát, không có chấp nhận dục niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại dục niệm ấy; không có chấp nhận sân niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại sân niệm ấy; không có chấp nhận hại niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại hại niệm ấy; không chấp nhận các ác bất thiện pháp luôn luôn khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại các ác bất thiện pháp ấy. Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa”*⁶.

Như lý giác sát ở đây cũng mang ý nghĩa sự chú tâm theo dõi và nhận biết các hoạt động của tâm thức để nỗ lực làm trong sạch nội tâm bằng cách xua đuổi, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận các ý niệm hay tư tưởng liên hệ đến dục vọng, các ý niệm hay tư tưởng đi đôi với sân hận, các ý niệm hay tư tưởng bị ám ảnh bởi tà kiến. Đây chính là cách thức làm trong sạch nội tâm nhờ như lý giác sát (*yoniso patisankhàna*) hay còn gọi là chú tâm cảnh giác (*jàgariya-yanuyoga*), nghĩa là quyết tâm không để cho các pháp bất thiện (*akusala-dhammà*) – tham-sân-si hay các pháp chướng ngại (*àvaraniya-dhammà*) dục niệm-sân niệm-hại niệm – sinh khởi quấy rầy tâm tư. Trong các bài giảng của Ngài, Đức Phật thường khuyên nhắc các Tỳ-kheo học tập như vậy: *“Chúng ta phải chú tâm cảnh giác. Ban ngày đi kinh hành hay trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm canh một đi kinh hành hay trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư*

khỏi các pháp chương ngại. Ban đêm canh giữa, chúng ta phải nằm dằng nằm con sư tử, nghiêng bên hông tay phải, một chân đặt trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, tâm nghĩ đến lúc thức dậy lại. Ban đêm canh đầu thức dậy, đi kinh hành hay trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chương ngại”⁷.

Bên cạnh các ứng dụng mang tính cách đối trị hay trừ diệt các bất thiện pháp, như lý giác sát còn là sự chú tâm làm cho sinh khởi và phát triển các thiện pháp. Sự ứng dụng sau đây nói rõ công năng xem xét và định hướng phát triển các thiện pháp hay các phẩm chất đưa đến giác ngộ của như lý giác sát:

“Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo như lý giác sát, tu tập niệm giác chi; niệm giác chi này y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; như lý giác sát tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi; xả giác chi này y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa”⁸.

Trên đây là tiến trình tu tập, phát triển tâm thức đưa đến loại trừ các phiền não lậu hoặc, chấm dứt khổ đau, thể hiện qua sự phát triển thất giác chi (*sattā sambojjhangā*) hay bảy chi phần đưa đến giác ngộ nhờ ứng dụng như lý giác sát. Ở đây, như lý giác sát đóng vai trò chủ đạo trong việc xem xét, cân nhắc và đặt để các bước đi thích hợp cho cả tiến trình, tức sự chú tâm theo dõi và phát huy đúng đắn các năng lực nội tâm hay các phẩm chất giác ngộ – niệm-trạch pháp-tinh tấn-hỷ-khinh an-định-xả – đưa đến tuệ giác giải thoát hay đưa đến sự đoạn tận các lậu hoặc, chấm dứt hoàn toàn mọi khổ đau.

Nhìn chung, như lý giác sát (*yoniso patisankhāna*) là nhân tố hết sức quan trọng trong tiến trình tu tập đạo lý giác ngộ của người con Phật. Nó là sự nhận biết tinh táo và sáng suốt của tâm thức, có vai trò như Chánh kiến (*Sammā ditthi*), được vận dụng thường xuyên trong đời sống tu tập hàng ngày của người Phật tử nói chung, đặc biệt là trong đời sống phạm hạnh của người xuất gia, nhằm mục đích giúp cho người con Phật thực thi đúng đắn nếp sống giác ngộ hay nếp sống giải thoát mọi phiền não khổ đau mà chư Phật đã chứng nghiệm và giảng dạy. Tùy vào mỗi hoàn cảnh cụ thể mà như lý giác sát được vận dụng và thể hiện chức năng riêng biệt của nó. Một cách căn bản, như lý giác sát là trí tuệ soi đường, có công năng ngăn ngừa cái xấu và khuyến khích cái tốt, đóng vai trò như người dẫn đường có đủ kinh nghiệm sáng suốt, từng bước hướng dẫn người thực hành đi ra khỏi khổ đau, đạt đến mục tiêu cứu cánh giải thoát, cứu cánh giác ngộ. ■



Chú thích:

1. Kinh Tất cả lậu hoặc, *Trung Bộ*.
2. Kinh Tất cả lậu hoặc, *Trung Bộ*.
3. Kinh Tất cả lậu hoặc, *Trung Bộ*.
4. Chỉ cho tham và sân, tức là tham ái đối với những gì thích ý, hấp dẫn và bất mãn đối với những gì không thích ý, không hấp dẫn, hai loại phản ứng của tâm thức đưa đến phiền não khổ đau cùng có chung gốc rễ là vô minh hay si mê. Xem Tiểu kinh Sư tử hống, *Trung Bộ*.
5. Kinh Tất cả lậu hoặc, *Trung Bộ*.
6. Kinh Tất cả lậu hoặc, *Trung Bộ*.
7. Đại kinh Xóm ngựa, *Trung Bộ*.
8. Kinh Tất cả lậu hoặc, *Trung Bộ*.

Chiến thắng cái xấu ác

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Sự tiến hóa, phát triển của con người là vượt lên những yếu đuối, những bản năng cứ kéo con người xuống hàng thú vật, những lỗi lầm, những khuyết điểm luôn luôn đè nặng lên thân phận con người. Tự hoàn thiện, đó là con đường làm người (nhân đạo), và tự hoàn thiện đến mức cao nhất, đến chỗ chân thiện mỹ cao nhất, đó là con đường mà Phật giáo chỉ bày (Phật đạo).

Đức Phật có danh hiệu là bậc Chiến thắng, bậc Điều ngự. Chiến thắng là chiến thắng các lỗi lầm, khuyết điểm, xấu ác ký sinh nơi mình để trở nên toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ. Thật sự, con đường Phật giáo là con đường chiến thắng cái xấu ác làm hạ thấp con người, làm hèn yếu và tối tăm con người, khiến cho con người sa xuống thấp, tức là ba dạng sống thấp là địa ngục, quỷ đói, thú vật. Chiến thắng cả những cái xấu ác vi tế của loài bán thiên a-tu-la và chư thiên khiến

họ cũng vẫn mang thân phận chúng sanh trong vòng sanh tử.

Sự giác ngộ của Đức Phật là sự chiến thắng những cái xấu ác vi tế nhất của cả ba cõi. Hết sự xấu ác của ba cõi tức là giải thoát và giác ngộ. Do đó, Đức Phật có danh hiệu là Thầy của trời và người, Đại Y vương của ba cõi.

Với Phật giáo, những cái xấu ác rất vi tế, rất sâu và rất rộng, chúng mọc rễ trong ba cõi và bao trùm cả ba cõi. Như vô minh, không sáng suốt, không thấy được thật tánh của mọi sự, là một cái xấu ác cùng cực vi tế. Như năm độc tham, sân, si, kiêu căng, đố kỵ là những thứ xấu ác thường trực nơi con người. Giết hại, trộm cướp, tà dâm, nói dối, say sưa là những cái xấu ác mà năm giới yêu cầu phải bỏ. Như tà kiến, cái cuối cùng trong Mười Thiện là cái xấu ác trong quan điểm. Như quan điểm sai lầm và tai hại là đoạn kiến hay chủ nghĩa hư vô, không tin có nhân quả, có đời sau, thì được gọi là ác kiến... Sanh tử khi không có những cái xấu ác ấy thì đó là Niết-bàn.

Đạo Phật luôn luôn nói về sự chiến thắng cái xấu ác:

*Dầu tại bãi chiến trường
Thắng hàng ngàn quân địch
Tự thắng mình tốt hơn
Thật chiến thắng tối thượng.*

(Kinh Pháp Cú, phẩm Ngàn)

*Lấy giận thắng không giận
Lấy thiện thắng xấu ác
Lấy cho thắng keo kiệt
Lấy thật thắng giả dối.*

(Phẩm Sân hận)

Chiến trận ấy có khi là những hoàn cảnh xấu ác khiến cho cái xấu ác nếu còn nơi chúng ta dễ nổi dậy, hưởng ứng:

Ta như voi giữa trận

Hứng chịu mọi tên đạn
Chịu đựng mọi phi báng
Của những người xấu ác.

(Phẩm Voi)

Chỉ riêng kinh *Pháp Cú*, chúng ta thấy trong ấy có rất nhiều chữ “chiến thắng”, “điều phục” như vậy.

Thế nên, một trong sáu sự hoàn thiện hay sáu ba-la-mật là tinh tấn. Tinh tấn là cố gắng, nỗ lực, chuyên cần. Tinh tấn cũng chiếm đến bốn trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Giải thoát khỏi sanh tử là chiến thắng, điều phục được những cái xấu ác của sanh tử. Người chiến thắng được, chuyển hóa được những cái xấu ác, những bệnh trong tâm mình thì đạt được hạnh phúc tối thượng hay Niết-bàn. Niết-bàn là trạng thái hạnh phúc của tâm một khi đã chiến thắng, chuyển hóa những cái xấu ác, là những bệnh trong tâm gây ra khổ đau:

*Đói là bệnh tối thượng
Nấm uẩn, khổ tối thượng
Thực rõ biết như vậy
Niết-bàn, lạc tối thượng.*

(Phẩm Hạnh phúc)

Xấu ác, xét sâu xa, là sự hèn yếu, bất toàn của con người. Người lành mạnh, mạnh mẽ thì không có sự xấu ác, hèn yếu, bất toàn, do đó có hạnh phúc.

Lý tưởng của Đại thừa là Bồ-tát, tức là người tự giải thoát, chiến thắng cái xấu ác nơi mình và giải thoát cho người khỏi sự xấu ác. Do đó, Bồ-tát được dịch là người anh hùng, người chiến thắng, điều phục, chuyển hóa được cái xấu ác nơi mình và nơi thế gian.

Trong Đại thừa, một đại Bồ-tát từ bi như Quán Thế Âm thì ngoài những hình tướng từ bi lại có những hình dạng đáng sợ, hung dữ để trị cái xấu ác của những chúng sanh rất xấu ác. Trong Mật tông, trong một trăm vị bổn tôn hiện ra sau khi một người chết, có bốn mươi hai vị bổn tôn an hòa và năm mươi tám vị bổn tôn hung nộ. Hung nộ là để điều phục và chuyển hóa cái xấu ác.

Bồ-tát làm những điều tốt đẹp, hiền thiện để trang nghiêm cõi Tịnh độ của mình và khi vị ấy thành Phật, những người nào có cùng công đức ấy sẽ sanh về cõi ấy. Công hạnh và công đức ấy được làm ngay tại thế gian này, và như vậy, lý tưởng hiện tại của người tu đạo Bồ-tát là biến cõi đời này thành cõi Tịnh độ. Và Tịnh độ thì “không có cả danh từ xấu ác, huống là có sự xấu ác” (*Kinh A-di-đà*).

Cuộc đời người tu đạo Bồ-tát là làm tất cả việc tốt lành cho mình và cho xã hội, và chiến thắng cái xấu ác ở nơi mình và nơi xã hội. Khi Bồ-tát Địa Tạng nguyện rằng “địa ngục chưa trống không thì chưa thành Phật”, tức là chưa chiến thắng hết sự xấu ác nặng nề tạo thành quả báo là cõi địa ngục thì không bao giờ ngừng nghĩ.

Có một số người cho rằng đạo Phật có phần tiêu cực, tìm kiếm sự an bình ở những nơi chốn yên lặng thanh tịnh. Họ không hiểu rằng ở một mình mới là đối diện trực tiếp với kẻ thù xấu ác thường quấy nhiễu mình. Và khi đã chiến thắng được sự xấu ác nơi mình một cách căn bản, thì ra xã hội để chiến thắng sự xấu ác trong xã hội. Thế nên nếu một xã hội có nhiều xấu ác thì chúng ta có thể biết đó là một xã hội mà đạo Phật chưa thâm nhập được vào mọi tầng lớp xã hội.

Người tu đạo Bồ-tát tranh đấu cho một thế giới có rất nhiều thiện nghiệp và xóa bỏ những ác nghiệp. Đó là điều được nói là “Tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh”. Chúng ta có thể thấy điều này trong một đoạn kinh *Duy-ma-cật*:

“Bốn tâm vô lượng là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, những chúng sanh thành tựu Từ, Bi Hỷ, Xả sanh đến cõi nước mình. Thuyết trừ tám nạn là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, cõi nước của Ngài không có ba ác, tám nạn. Tự giữ giới hạnh, chẳng chê lỗi lầm của người khác, là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, cõi nước Ngài không có ngay cả từ phạm giới. Mười thiện là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, những chúng sanh thọ mạng không yếu, giàu có, cuộc sống trong sạch, nói lời thành thật, lời thường êm dịu, quyến thuộc chẳng chia lìa, có chánh kiến, sanh đến cõi nước mình”.

Kẻ thù của đạo Phật không phải là một con người, một chúng sanh, dù đó là một con ma, một con quỷ. Kẻ thù của đạo Phật là cái xấu ác, yếu hèn, bất toàn nơi con người đó, nơi chúng sanh đó khiến cho con người đó, chúng sanh đó bị lôi xuống dưới thấp, bị sa đọa và cứ trầm luân mãi trong khổ đau của sanh tử luân hồi. Những xấu ác ấy khiến người đó không sống đúng với phẩm giá làm người của mình. Hơn nữa, không sống đúng với phẩm giá “các người là các vị Phật sẽ thành” như lời Đức Phật nói.

Đạo Phật là từ bi và trí huệ. Từ bi là không loại bỏ con người, trái lại giúp đỡ con người tiến đến sự hoàn thiện. Trí huệ là loại bỏ, cắt đứt, diệt trừ những cái xấu ác đang bám vào con người để con người trở nên hoàn thiện. ■



Hội nghị Bất thường: bất thường và bình thường

MINH THẠNH

Trong một cuộc thăm viếng một vị hòa thượng trong Ban Hoàng pháp, tôi đã được vị hòa thượng giới thiệu bài viết "*Hội nghị bất thường và những điều bất thường*" của tác giả Trần Tuấn Mẫn đăng trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* số 210 và đề nghị tôi viết bài theo nội dung "*Thư tòa soạn*" số 211.

Tuy có một số quan điểm không hoàn toàn thống nhất với tác giả Trần Tuấn Mẫn và cũng thấy là dù sao nhân sự mới được suy cử từ Hội nghị bất thường mở rộng của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam sáng 11/9/2014 là có thể chấp nhận được, vì xu thế trẻ hóa lãnh đạo, nhưng tôi vẫn cảm thấy cần có bài viết, xem xét hội nghị bất thường trong những vấn đề chung của Phật giáo.

Bài đăng trên tạp chí cho thấy người Phật giáo rất dễ chia rẽ, cũng như thường không thể giải quyết những vấn đề của Phật giáo bằng những nguyên tắc đã được chấp nhận để làm việc. Tôi sẽ thông qua trường hợp nêu trong bài "*Hội nghị bất thường và những điều bất thường*" của tác giả Trần Tuấn Mẫn để tìm hiểu vấn đề quan trọng này, giúp chúng ta có một cái nhìn khách quan hơn, toàn diện hơn và lịch sử cụ thể hơn về Phật giáo.

Phật giáo có luật, nhưng luật trong Phật giáo là những giới cấm phục vụ cho việc tu tập, rất ít nội dung phục vụ cho việc quản lý, điều hành tổ chức như luật pháp thế gian, hay giáo luật của tôn giáo tổ chức theo mô hình triều đình.

Trong Phật giáo việc quản lý tổ chức dựa trên uy tín cá nhân, theo hạ lạp và chịu sự chi phối của những lực lượng bảo trợ quan trọng, mà thường là vua chúa, hoàng gia, quý tộc, đại thần, tế quan, trưởng giả.

Ngay trong thời Đức Phật, mặc dù uy tín của Đức Phật là tuyệt đối, nhưng vẫn xảy ra hiện tượng ly giáo, là một dạng chia rẽ Tăng đoàn, phân chia ra một tập đoàn riêng theo một người lãnh đạo. Lúc đó, những nguyên tắc cơ bản, có thể là bất thành văn, đã bị một số tu sĩ không thừa nhận để áp dụng. Cái mà họ theo là một người thuyết phục được họ, có được một sự ủng hộ nào đó, vậy thôi.

Tình trạng ly giáo do Đê-bà-đạt-đa khởi xướng thời Đức Phật, theo tôi, là rất nghiêm trọng. Nghiêm trọng vì diễn ra trong tôn giáo ngay khi vị giáo chủ còn tại vị. Đó không phải sự phản bội, bán rẻ như trường hợp kẻ phản Chúa, mà là một sự công nhiên đối đầu, chia tách đoàn thể Tăng-già.

Sự việc đó cho thấy phải chăng, có một lỗ hổng trong việc kiện toàn tổ chức Phật giáo có từ thời Đức Phật và là điểm báo cho sự giải quyết các vấn đề quản lý tổ chức tùy tiện về sau?

Những người Phật giáo không dễ đi đến những nguyên tắc chung, căn bản, quy định việc quản lý tổ chức. Các đoàn thể Phật giáo thường tồn tại phân tán, riêng lẻ. Tuy về cơ bản những đơn vị trong hình thái cục bộ đó không chống đối, xung đột nhau, nhưng khó đi đến một kỷ luật, một sự tự giác nhất trí, mà theo quan điểm chủ quan của những cá nhân lãnh đạo có uy tín, thường là sự gằn gỏi về tông môn pháp phái và địa phương.

Cho dù có đi đến một sự nhất trí nào đó, nếu để tự Phật giáo quản lý tổ chức, thì cũng xuất hiện tình trạng giải quyết tùy tiện, bất chấp những nguyên tắc đã cùng chấp nhận, mạnh ai nấy làm theo ý mình.

Trường hợp đối với kinh điển là một ví dụ. Dù đã thành văn bản cố định, nhưng cũng có quan điểm từ chính những vị tu sĩ Phật giáo, muốn sửa, đổi, thêm, bớt là cứ sửa, đổi, thêm, bớt theo ý mình, nghiêm nhiên tự cho làm thế là đúng.

Sự tùy tiện trong Phật giáo đã trở thành điều bình thường. Vì vậy, nếu điều đó diễn ra với những biểu hiện cụ thể như hội nghị vừa rồi, thì *trong sự bất thường có sự bình thường.*

Nhưng vì lấy sự bất thường của việc tùy tiện, không theo nguyên tắc nào cả làm bình thường, nên sự bình thường đó mang tính chất bệnh lý, là một vấn đề lớn của Phật giáo!

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam hiện đại thế kỷ XX, thì sau khi đạt đến những nguyên tắc nhất trí tạo nên sự thống nhất vào năm 1964, chẳng bao lâu sau, những nguyên tắc nhất trí đã không được tôn trọng, mà mỗi nhóm Phật giáo, với sự tùy tiện từ những nhà lãnh đạo, đã giải quyết vấn đề phát sinh không phải bằng những nguyên tắc đã đúc kết thành văn bản, mà theo những ý muốn chủ quan, riêng rẽ, tùy tiện của mình.

Điều này không chỉ diễn ra ở những trường hợp chia rẽ, mà có cả những trường hợp vi phạm những nguyên tắc đã nhất trí một cách đồng lòng, như việc trong khoảng đầu thập niên 1970, nguyên tắc Đức Tăng thống và Đức Phó Tăng thống phải ở hai tông phái khác biệt nhau đã bị một giáo hội ở miền Nam đồng lòng nhất trí vi phạm, suy cử Đức Tăng thống và Đức Phó Tăng thống cùng tông phái!

Việc quản lý tổ chức tùy tiện, dễ dàng thậm chí đồng lòng vi phạm những nguyên tắc căn bản đã được nhất trí là vấn đề lớn của Phật giáo Việt Nam và để tiếp tục chấn hưng Phật giáo, cần phải nhận thức rõ vấn đề, có thái độ dứt khoát và tìm cách giải quyết.

Thật buồn lòng phải nói ra điều này, nhưng cần phải thẳng thắn nhìn nhận rằng, tập quán giải quyết vấn đề trong sự quản lý tổ chức đoàn thể bất kỳ, nếu do cá nhân hay những nhóm người quyết định bất chấp những nguyên tắc đã đồng thuận thành văn bản, trong bối cảnh thời đại ngày nay là cách chỉ huy không văn minh, mang tính chất băng nhóm, dù không phải là “giang hồ” nhưng cũng không khác mấy kiểu “giang hồ”.

Nhưng Phật giáo Việt Nam liệu có thể tiến kịp bước tiến thời đại, thực hiện dân chủ, văn minh, hay “... là nhóm người âm thầm sắp đặt quyết định những sự việc quan trọng” (trích Thư tòa soạn, tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số 211)?

Vấn đề đặt ra trong bối cảnh tu sĩ Phật giáo Việt Nam phần lớn thụ động, vẫn tư duy theo kiểu “đóng cửa chùa đi ngủ khò”, không quen với việc suy nghĩ năng động, nhiều chiều, mạnh dạn, thẳng thắn nêu vấn đề. Còn người cư sĩ thì chỉ là đối tượng để hướng dẫn cúng dường, không có vai trò gì. Nếu có “một nhóm người âm thầm sắp đặt quyết định những sự việc quan trọng” như Thư tòa soạn tạp chí Văn Hóa Phật Giáo nêu ra, thì trách nhiệm trước hết không phải là ở “một nhóm người” nào đó, mà trách nhiệm ở cả những nhà lãnh đạo Phật giáo, những người đã tạo môi trường như vậy và chấp nhận tập quán như vậy, mà coi chừng, đã trở thành một thứ truyền thống, dĩ nhiên là tiêu cực.

Văn Hóa Phật Giáo là một tạp chí lâu nay chỉ đề cập đến những nội dung xuất thế, thoát tục, xa lánh cuộc đời, bay bổng, nay lại đi vào một vấn đề thời sự và đặt câu hỏi một cách nóng bỏng như thế là một điều bất ngờ nhưng cũng đáng hoan nghênh. Thật đáng hoan nghênh nếu đó là sự tiến bộ, vì lợi ích chung chứ không phải là phản ứng của “một nhóm người âm thầm” khác nào đó.

Đối với sự kiện “Hội nghị bất thường” mà tạp chí Văn Hóa Phật Giáo nói là “những điều bất thường”, như đã nói chúng tôi vừa coi đó là “bất thường” vừa coi đó là “bình thường”.

“Hội nghị bất thường...” chỉ là việc tiếp nối một quá trình “bất thường” đã kéo rất dài, điều mà vị hòa thượng giới thiệu tờ tạp chí Văn Hóa Phật Giáo với tôi nói là đã có từ khi trong những cuộc họp chiếc ghế Chủ tịch Hội đồng Trị sự bỏ trống nhưng vẫn được xác nhận chủ tọa. Nhưng bất thường mà kéo dài, thường xuyên diễn ra thì đâu còn là bất thường, mà đã “bình thường”. Trong quá trình đã “bình thường” như vậy, tự nhiên nay có tiếng nói khác biệt, thì lại là “bất thường”? Tự Phật giáo Việt Nam đã đưa mình vào tình thế rối rắm như vậy.

Từ đây, theo chúng tôi, chưa thể dân chủ, văn minh là một vấn đề lớn của Phật giáo Việt Nam và tạo thành

không phải chỉ là sự đe dọa, mà đã là một căn bệnh của Phật giáo, là một nguyên nhân gây suy thoái Phật giáo Việt Nam. Suy thoái vì chia rẽ, vì bất đồng ngầm ngầm, đã trở thành “bình thường”.

Nếu có thấy một sự bất thường nào đó, thì nên nhìn rõ nguyên nhân của nó, bản chất của nó, mổ xẻ để tìm cách giải quyết nó, vì những lợi ích căn bản và lâu dài của Phật giáo Việt Nam.

Tôi không coi Hội nghị bất thường có những điều bất thường là chuyện quan trọng. Vì những điều bất thường nếu có chỉ là triệu chứng của một căn bệnh. Mà trong bệnh lý, triệu chứng chỉ là sự bộc lộ cụ thể trong một thời điểm. Chữa bệnh không phải là chữa triệu chứng, làm triệu chứng mất đi, mà là phải giải quyết tận gốc căn bệnh.

Triệu chứng thường được coi là điều đáng ghi nhận, có giá trị, nếu không muốn nói là quý, vì nhờ triệu chứng, thì mới biết là có bệnh.

Cần đặt sự vững bền, phát triển và chấn hưng Phật giáo Việt Nam lên hàng đầu. Vì vậy, từ một triệu chứng, mong tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đi sâu hơn có nhiều bài phân tích căn nguyên và tìm cách giải quyết, dù có thể chỉ phần nào. ■





Lời Phật dạy về tinh thần đoàn kết

THÍCH HUỆ SĨ

Từ xưa đến nay, tinh thần đoàn kết là một trong những yếu tố quyết định sự trường tồn hay sớm bị diệt vong của một đất nước hay một tổ chức nào đó. Chính điều này đã được Đức Phật nêu ra trong kinh *Đại Bát Niết-bàn* thuộc tuyển tập *Trường Bộ*.

Kinh thuật lại sự kiện quốc vương nước Magadha (Ma-kiệt-đà) là vua Ajjatasattu (A-xà-thế) muốn chinh phục xứ Vajji (Bạt-kỳ), nên đã sai đại thần Vassakara (Vũ-

xá) đến bái yết Đức Phật, dận vị này nhân danh nhà vua đánh lễ và vấn an Đức Phật rồi nhân đó thăm dò ý kiến của Đức Thế Tôn về việc chinh phục xứ Vajji.

Sau khi nghe đại thần Vassakara trình bày ý muốn của vua Ajjatasattu, Đức Phật không trả lời trực tiếp mà quay qua hỏi Tôn giả Ananda (Ananda) về bảy vấn đề liên quan đến tình hình xứ Vajji. Khi Tôn giả Ananda đã trả lời đủ bảy câu hỏi được nêu ra, Đức Phật nói với đại thần Vassakara rằng chính Ngài đã dạy cho dân Vajji bảy vấn

để đó, được gọi là bảy pháp bất thối, và nếu dân Vajji vẫn giữ được bảy pháp bất thối ấy thì xứ Vajji sẽ được cường thịnh chứ không bị suy giảm. Bảy giờ đại thần Vassakara mới bạch với Đức Phật rằng chỉ cần dân Vajji giữ được một trong bảy pháp ấy thì cũng không ai có thể xâm phạm họ được.

Một trong những điều mà Đức Phật đã gián tiếp nêu ra với vua Ajatasattu là tinh thần đoàn kết. Nhân đó Đức Phật bảo Ananda tập hợp chư Tỳ-kheo đến giảng đường để nghe giảng về bảy điều này.

Trong kinh *Đại Bát Niết-bàn*, Đức Phật dạy:

*"Này các Tỳ-kheo, khi nào chúng Tỳ-kheo tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc Tăng sự trong niệm đoàn kết, thời này các Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm"*¹.

Ở đây chúng ta sẽ tìm hiểu thế nào là niệm đoàn kết và tại sao khi chúng Tỳ-kheo tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc Tăng sự trong niệm đoàn kết thì chúng Tỳ-kheo sẽ được cường thịnh mà không bị suy giảm.

Xét về mặt ngữ nghĩa thì từ đoàn kết mang tính tích cực, mà trong đoạn văn trên Đức Phật dùng từ "niệm đoàn kết" thì lại có nghĩa tương đương với sự hòa hợp. Vì tập hợp người với số đông mà trong tâm lúc nào cũng cùng một lòng nhớ đến mục đích chính của sự tập hợp đó thì đó cũng chính là tính hòa hợp.

Nếu mỗi người thật sự có niệm đoàn kết thì phải nhìn sự vật bằng con mắt khách quan, không nên nhìn bằng con mắt chủ quan. Tức là trong mỗi quốc gia hay các tổ chức lúc nào cũng phải "như lý tác ý"² hoặc "như thực tuệ tri"³ thì sự nhận thức của mỗi cá nhân của một tổ chức, mỗi công dân của một đất nước mới đúng với sự thật.

Đoàn kết phải xuất phát từ nội tâm, từ lòng chân thật. Nếu đoàn kết không xuất phát từ nội tâm thì tinh thần đoàn kết không tồn tại được lâu. Khi chúng Tăng tụ họp, giải tán và làm mọi việc Phật sự trong niệm đoàn kết là khi mọi người trong chúng Tăng đều cùng một tấm lòng, cùng hoan hỷ và tôn trọng những quyết định chung của tập thể; khi đó, Tăng đoàn sẽ được phát triển và tồn tại đúng theo tinh thần pháp và luật của Đức Phật mà không có một thế lực nào từ bên ngoài có thể phá hủy được.

Nguyên nhân làm cho Tăng chúng bị tổn giảm là do trong chúng có sự bất hòa, mà bất hòa thì sẽ dẫn đến mất đoàn kết. Hòa bên ngoài không thì chưa đủ vì có thể cái hòa đó vẫn che giấu những bất mãn ngấm ngấm bên trong. Ở đây, khi nói đến niệm đoàn kết, điều Đức Phật muốn nhắc chính là cái hòa trên tinh thần bình đẳng giữa những con người cùng chung sống với nhau trong một tập thể. Cái hòa ấy phải được thể hiện trọn vẹn bằng pháp lực hòa. Lực hòa là sáu phương pháp cư xử với nhau cho hòa hợp từ vật chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm của những người biết buông bỏ những dục vọng cá nhân để hướng tới mục đích cao đẹp của con đường giải

thoát. Đó là: Thân hòa đồng trụ, cùng sống hòa hợp với nhau trong một cộng đồng; khẩu hòa vô tranh, trao đổi với nhau bằng những lời khả ái, không tranh cãi; ý hòa đồng duyệt, cùng vui với nhau nhờ ý tưởng hòa hợp; giới hòa đồng tu, cùng tu tập với nhau theo đúng giới luật Đức Phật đã chế; kiến hòa đồng giải, cùng nêu ra và giải thích với nhau những hiểu biết và kinh nghiệm của từng người một cách thân tình; và lợi hòa đồng quân, cùng chia sẻ với nhau mọi quyền lợi vật chất có được một cách đồng đều. Tinh thần ấy chính là tinh thần bình đẳng.

Bình đẳng không phải mọi thứ đều được thực hiện như nhau. Trong thực tế cuộc sống, bình đẳng được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Bên cạnh những cái chung về quyền của con người như quyền được sống, quyền được làm việc, quyền có tự do tín ngưỡng... thì sự bình đẳng giữa người với người cũng được thể hiện qua từng trường hợp cụ thể; như mối quan hệ giữa nam và nữ chẳng hạn. Bình đẳng về giới ở đây không có nghĩa là người nam làm công việc gì thì người nữ cũng phải làm công việc ấy và ngược lại. Thực tế cho thấy người đàn ông thực hiện công việc của người đàn ông, như các công việc thiên về sức mạnh, ngoại giao ngoài xã hội... Trong khi đó, người nữ lại phù hợp với những công việc nhẹ nhàng, chịu khó, đảm đang như: làm mẹ, nuôi con, chăm sóc gia đình... Tất nhiên cũng vẫn có một số người nữ làm những công việc ngoài xã hội và người đàn ông làm những công việc trong gia đình, và đó là ở mức chia sẻ. Cái quan trọng không phải là mình ở vị trí nào trong cuộc sống gia đình, xã hội, mà quan trọng là mình sống có hạnh phúc, có hòa nhịp với mọi người hay không.

Ái dục, quyền lực, danh vọng, tiền tài... là nguyên nhân chính gây ra sự bất hòa dẫn đến khổ đau. Đối với người xuất gia, những điều này có những tác động rất nguy hiểm đến đời sống tu hành. Nếu mỗi tu sĩ không biết tiết chế, không có cuộc sống hòa hợp giữa những người cùng chí hướng với nhau thì những đối tượng của sự khao khát thể tục như nêu ở trên ví như cục than hồng, sẵn sàng làm phỏng tay bất cứ ai vô tình hay cố ý chạm phải khi không được bảo vệ bởi giới luật.

Trong thiên *Nhân Duyên* thuộc kinh *Tương Ưng Bộ*, chương *Lợi đắc cung kính* có nói: "*Lợi đắc, cung kính, danh vọng, này Tỳ-kheo, cắt đứt da ngoài. Sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong. Sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt. Sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt gân. Sau khi cắt đứt gân, chúng cắt đứt xương. Sau khi cắt đứt xương, chúng chạm tới tủy và đứng lại*"⁴. Và cũng chính những cái hư danh về quyền lực này mà thầy Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bất hòa với Tăng chúng và sau đó bị diệt vong, "*lợi đắc, danh vọng, cung kính khởi lên đưa đến diệt vong cho Devadatta*"⁵.

Tại sao Đức Phật dạy các đệ tử phải có tâm đoàn kết? Ngài sợ sau khi mình diệt độ, các hàng hậu học sẽ có mâu thuẫn với nhau dẫn đến sự tổn giảm về giới hạnh và sự chia rẽ trong Tăng đoàn. Ngài như một người cha dặn



dò các con trước lúc đi xa, rằng các con hãy thương yêu và đùm bọc lẫn nhau, không có một kẻ thù nào hại được các con nếu các con đoàn kết một lòng, và ngược lại.

Cũng về nội dung này, trong thiên *Uẩn* thuộc kinh *Tương Ưng Bộ*, Đức Phật đã đề cập trong chương *Tương ưng Uẩn*, phẩm *Hoa* như sau: “*Này các Tỳ-kheo, Ta không tranh luận với đời, chỉ có đời tranh luận với Ta, này các Tỳ-kheo, người nói pháp không tranh luận bất cứ ai ở đời*”⁽⁶⁾. Như thế Đức Phật dạy bản thân mỗi người đã là người nói pháp thì không nên tranh luận hơn thua được mất với đời, huống chi là những người cùng là đệ tử Phật. Nếu trên bước đường tu hành, các tu sĩ cùng ngồi lại bàn luận những vấn đề còn bị gút mắc để tìm ra chân lý giải thoát thì điều này đáng được hoan nghênh. Còn như tranh luận để tự đề cao, cho những điều mình thấy biết là đúng trong khi bác bỏ những kiến giải của người khác thì không chấp nhận mà phải trừ diệt. Nếu không, những tranh luận như thế dễ dẫn đến xung đột, mất đoàn kết và dẫn đến kết quả không tốt.

Trong kinh *Nghĩ như thế nào* (kinh số 103) thuộc tuyển tập *Trung Bộ*, Đức Phật đã dạy như sau: “*Ở đây các ông phải học tập tất cả, trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn với nhau*”⁽⁷⁾. Tuy nhiên, Đức Phật vẫn nhìn nhận rằng ngay cả khi các vị Tỳ-kheo đã học tập trong tinh thần hoan hỷ, không tranh cãi, nhưng vẫn có thể có hai vị nói khác nhau về Thắng pháp (Abhidhamma). Khi đó, tùy theo trường hợp sự nhận biết của các vị Tỳ-kheo ấy có sự sai khác về nghĩa và sai khác về văn, hoặc sai khác về nghĩa nhưng đồng nhất về văn, hoặc sai khác về văn nhưng đồng nhất về nghĩa, hoặc đồng nhất về văn và đồng nhất về nghĩa, thì nên tìm đến một vị Tỳ-kheo được công nhận là người nhu thuận để nhờ vị ấy giảng giải trong tinh thần hòa ái, không dẫn đến tranh cãi.

Cũng vậy, trong kinh *Làng Sama* (kinh số 104) thuộc tuyển tập *Trung Bộ*, Đức Phật chỉ cho chúng ta bốn điều tránh: “*Tránh sự khởi lên do tranh luận, tránh sự khởi lên do*

chỉ trích, tránh sự khởi lên do phạm giới tội, tránh sự khởi lên do trách nhiệm”⁽⁸⁾.

Cũng về nội dung này, Đức Phật đã dạy rất kỹ trong bốn điều đại giáo pháp bài kinh *Đại Bát Niết-bàn* thuộc tuyển tập *Trường Bộ*, rằng khi có một Tỳ-kheo tuyên bố một điều gì đó là do Đức Thế Tôn nói, mọi người không nên vội vàng khen chê, tranh luận mà hãy đem nó đi đối chiếu với kinh, với luật, nếu điều đó đúng thì mọi người mới xác nhận là đúng, nếu sai thì mới xác nhận là sai. Đức Phật không áp đặt hay bắt buộc mọi người phải tin những gì Ngài nói là đúng, mà Ngài thường khuyên mọi người hãy tìm hiểu kỹ trước khi tin một vấn đề nào đó. Điều này cũng nói lên tinh thần bình đẳng giữa những người tranh luận để truy tìm sự thật. Mỗi nơi có phong tục tập quán khác nhau, không nơi nào giống nơi nào. Mỗi tôn giáo có tôn chỉ khác nhau, không tôn giáo nào giống tôn giáo nào. Như Phật giáo đề cao tinh thần “tử bi”. Là một Phật tử thông minh thì không nên tranh luận tôn chỉ của tôn giáo mình là đúng, còn của tôn giáo kia là sai. Vì sự tranh luận về vấn đề tôn giáo không có hồi kết và dễ gây mất hòa khí giữa những người cùng chung sống trong một xã hội.

Tinh thần đoàn kết là bài học rất lớn cho cuộc đời tu hành của mỗi hành giả, khi có những việc gì không như ý muốn trong cuộc sống thì hãy bình tâm soi xét để tìm ra những ưu khuyết điểm, rồi từ đó chọn cho mình một hướng đi đúng. Còn nếu như trong cuộc sống của chúng ta thường hiện diện sự tranh cãi, mâu thuẫn thì nó sẽ mất đi yếu tố tình thương giữa những người đồng đạo. Người cùng chung chí hướng mà chúng ta không có tình thương, không có sự cảm thông thì chắc chắn đối với những người ngoài chúng ta khó có một tình thương thật sự dành cho họ. ■

Chú thích:

1. *Kinh Trường Bộ*, tập 1, bài kinh *Đại Bát Niết-bàn*, HT.Thích Minh Châu dịch, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1991, tr.539.
2. Như lý tác ý có thể hiểu là sự suy xét đúng đắn và sáng suốt về bất cứ điều gì có thể trải nghiệm, từ đó giúp ta nhận định đúng những gì cần chú tâm, những gì không nên chú tâm.
3. Như thực tuệ tri có nghĩa là nhận biết về mọi sự mọi vật đúng như thực thể thực trạng của chúng.
4. *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 2, thiên *Nhân Duyên*, chương *Lợi đắc cung kính*, HT.Thích Minh Châu dịch, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1993, tr.413.
5. *Sđđ*, tr.419.
6. *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 3, thiên *Uẩn*, chương *Tương ưng Uẩn*, phẩm *Hoa*, HT.Thích Minh Châu dịch, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1993, tr.249.
7. *Kinh Trung Bộ*, tập 3, bài kinh *Nghĩ như thế nào*, HT.Thích Minh Châu dịch, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1992, tr.56.
8. *Kinh Trung Bộ*, tập 3, bài kinh *Làng Sama*, HT.Thích Minh Châu dịch, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1992, tr.70.



Toàn cảnh đình Kim Long

Đình làng Kim Long

Bài & ảnh: TRẦN VĂN DŨNG

Trải qua hơn 700 năm, đô thị Huế đã có những bước phát triển trên vùng đất nông nghiệp, nhưng đô thị Huế vẫn còn lưu giữ trong lòng mình những ngôi đình làng cổ kính. Trong đó nổi tiếng về giá trị lịch sử và kiến trúc nghệ thuật phải kể đến đình làng Kim Long tọa lạc tại phường Kim Long, thành phố Huế. Sau nhiều lần được tu sửa đến nay đình vẫn giữ được những nét kiến trúc ban đầu.

Từ kinh thành Huế, theo bờ sông Hương ngược lên chùa Thiên Mụ trên con đường Kim Long, du khách sẽ bắt gặp ngôi đình làng Kim Long cổ kính. Cũng như bao làng quê khác ở xứ Huế, cùng với sự hình thành của làng, hệ thống thiết chế văn hóa đình - chùa ra đời. Các công trình kiến trúc tín ngưỡng này dù lớn hay nhỏ cũng đều là sản phẩm của sự đóng góp chung trong cộng đồng dân cư từ những buổi đầu lập ấp dựng làng. Dựa vào các nguồn tư liệu lịch sử, người ta được biết đình làng Kim Long có thể do các tộc trưởng trong làng xây dựng cách đây gần 400 năm. Đình làng Kim Long có mối quan hệ gắn bó mật thiết với quá trình hình thành và phát triển của thủ phủ Kim Long - trung

tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự của xứ Đàng Trong vào thế kỷ thứ XVII. Với chũm ấy thời gian tồn tại trải qua mưa bão và chiến tranh phá hoại, đình Kim Long đã được dân làng tiến hành trùng tu nhiều lần nhưng vẫn giữ được những nét kiến trúc cổ truyền thống. Minh văn chữ Hán khắc trên tấm bảng đóng ở cột đình cho biết đình được tiến hành đại trùng tu vào các năm Giáp Thân đời vua Thiệu Trị thứ 4 (1844) và năm Canh Thân đời vua Khải Định thứ 5 (1920).

Diện tích tổng thể đình làng Kim Long khoảng 1.200m² (dài 60m, rộng 20m). Trên bình đồ kiến trúc, đình làng Kim Long được bố trí theo nguyên tắc đơn tuyến, các công trình từ trụ biểu, bình phong đến tòa đại đình đều nằm trên một trục đứng đạo, tạo sự đăng đối, có chiều sâu, càng tăng thêm vẻ thâm nghiêm của ngôi đình. Từ ngoài đi vào là cổng đình với kiểu thức là bốn trụ biểu hình vuông. Hai trụ biểu giữa, mỗi trụ cao 5m, rộng 0,67m. Hai trụ biểu hai bên, mỗi trụ cao 4m, rộng 0,67m. Trên đỉnh các trụ biểu có hình tượng con sư tử biểu thị cho quyền uy. Bốn mặt của mỗi trụ biểu trang trí các câu đối chữ Hán bằng kỹ thuật khảm sành sứ có nội dung ca



Binh phong đình Kim Long

ngợi cảnh sắc, vị thế của đình làng. Câu đối ở hai trụ giữa mặt ngoài viết:

金玉章相聖澤漸完香水北
龍雲契會神功啓闢御屏南

*Kim ngọc chương tương, thánh trạch tiệm hoàn
Hương Thủy bắc,*

Long vân khế hội, thần công khai tịch Ngự Bình nam.

Nghĩa:

Vàng ngọc lấp lánh, ơn thánh xuôi theo bắc Hương Thủy, Mây rồng khéo hội, công thần mở lối nam Ngự Bình.

Hai câu tả hữu mặt ngoài:

堂哉皇哉卓爾如有所立
仰止行止由然其堂之偕

*Đường tai! Hoàng tai! Trác nhi như hữu sở lập,
Ngưỡng chỉ! Hành chỉ! Do nhiên kỳ đường chi giai.*

Nghĩa: Rực thay! Rỡ thay! Đứng vững như có chỗ dựa, Trông lên! Đi lên! Lý ấy cảnh đẹp nhà này.

Cách trụ biểu khoảng 35m là tấm bình phong. Bình phong có dạng hình chữ nhật, cao 2,36m, rộng 3,65m, dày 0,56m. Bình phong có hình cuốn thư nằm ở giữa, mặt trước đắp hình nổi “*Long mã hà đồ lạc thư*” ở giữa, hai bên có trang trí cảnh trạng nguyên vinh quy bái tổ về làng được khảm sành sứ rất công phu và cầu kỳ. Tiếp đến có hai trụ biểu cao bằng nhau, mỗi cột cao 3m. Hai mặt của mỗi trụ đều được ghép các câu đối chữ Hán bằng sành sứ:

山高水清共陶聖域
人康物阜永賴神庥

*Sơn cao thủy thanh cộng đào thánh vực,
Nhân khang vật phú vĩnh lại thần hư.*

Nghĩa: Núi cao nước trong, cùng hun đúc nên đất thánh, Người vui vật thịnh, mãi cậy ơn thần.

Tòa đại đình nằm ở cuối sân, làm theo kiểu nhà rường truyền thống, dạng ba gian hai chái với tường xây, mái lợp ngói âm dương. Đình dài 15,40m, rộng 13,30m (diện tích 204,82m²). Từ bên ngoài nhìn vào thấy mái đình

không lượn cong, để tạo cho các đầu đao bay lên trông thật nhẹ nhàng. Do có mái đua cả bốn phía nên không gian đình bên trong thoáng, lòng đình rộng rãi. Mặt trước thêm được hạ thấp xuống sâu cho mái đình bay lên, tạo ấn tượng cao ráo, thanh thoát cho ngôi đình. Hệ thống bờ nóc, bờ quyết được gắn bộ tứ linh: long, lân, quy, phụng; hai bên có đắp hoa lá, cây cối cách điệu, hai mặt đầu hồi đắp nổi hình mặt dơi hình tượng chữ “*phúc*” đã phản nào phản ánh tâm tư, tình cảm và ước vọng của dân làng quê Việt, với mong muốn cầu mưa thuận gió hòa, cuộc sống ấm no, xã hội an bình, thịnh vượng.

Kết cấu bên trong tòa đại đình chính là bộ khung gỗ mộng sít sao. Do đại đình thường có ba gian chính nên theo hàng cột dọc từ trước ra sau, có bốn “*vòi*” hay vì. Các “*vòi*” nối với nhau tạo thành mối liên kết ngang gồm thượng lương xà và hoành tử. Thượng lương ở đây gồm hai lớp trên và dưới song song với nhau gọi là trùng lương, thường có lắp khung rộng ở khoảng giá cách. Các xà thượng ở hai đầu cột cái, xà trung ở đầu cột quân và xà hạ ở đầu cột hiên đều được gọi là xuyên. Song song với các xà (ở trên đầu cột) do kèo (hoặc kẻ ở phần mái đua) đỡ, là các hoành tử. Do các thành phần tham gia kết cấu kiến trúc, từ cột đến xà, hoành... đều thanh thoát, có phần nhỏ, vốn đẹp ở bào trơn, đóng bén nên không có cảm giác nặng nề phải nhờ đến điêu khắc quá mức. Vào hiên nhìn lên có những hình khối, những hình rồng cách điệu từ các kèo hiên. Đặc biệt là kỹ thuật chạm trổ đầu cù của mỗi vì kèo, phía trên các kèo hay đòn tay có chạm nổi hoa văn bát bửu và phổ biến nhất là những loại cây hóa rồng. Ngoài vân xoắn ở đầu trên, con tôm và áp quả... tập trung vào những chiếc kẻ dưới thuộc mặt trước đỡ mái hiên. Đầu kẻ trên có chạm lá cuộn, mây bay. Cả hai mặt đều chạm vật báu ở bốn kẻ hợp thành bộ bát bửu, chiếc kẻ dưới cùng được hóa thân thành một con rồng có đủ đầu, mình và đuôi, trên mình phủ đầy hoa lá. Đây là một nguồn sử liệu vật chất trực tiếp, một dấu ấn văn hóa sâu đậm góp phần đáng kể vào việc tìm hiểu kiến trúc gỗ dân gian truyền thống thế kỷ XIX.

Nội thất đình Kim Long chia làm ba gian, gian giữa thiết trí ba hương án. Mặt hương án liên kết thành một đai dày phủ rộng ra ngoài thân. Đai ngang trên chạm nổi hình hổ phù. Trên hết là hương án, chạm hình rồng chầu nhô cao lên ở hai góc. Toàn bộ thân hương án chia làm ba giải ô hộc, chạm các hình tượng tứ linh: long, lân, quy, phụng, tất cả đều được sơn son, thếp vàng.

Gian giữa, phía trên có treo bức đại tự khắc chạm ba chữ Hán đề: “*金龍亭 Kim Long đình*” và dòng lạc khoản: “*啓定甲子年冬本社恭鑄 Khải Định Giáp Tý niên đông bốn xã cung thuyên*” Mùa đông năm Giáp Tý (1924), triều vua Khải Định, bốn xã kính khắc. Đối diện cũng có treo bức hoành phi sơn son thiếp vàng đề dòng chữ: “*高廟 Cao Miếu*” và dòng lạc khoản “*保大十二年十月吉日恭造 Bảo Đại thập nhị niên thập nguyệt cát*

nhật cung tạo" - Ngày tốt tháng Mười năm Bảo Đại thứ 12 (1937) kính tạo. Các trụ hàng nhất, hàng nhì (phía trong) còn giữ được các cặp câu đối bằng chữ Hán:

至治馨香在上神明可感
和風鼓蕩些間榦止條寧

*Chí trị hình hương, tại thượng thần minh khả cảm,
Hòa phong cổ đãng, ta gian cán chỉ điều ninh.*

Nghĩa: Chăm lo hết lòng, hương hoa tỏa khắp, thần sáng suốt ở trên có thể cảm ứng, Phong tục hòa hiếu, tiếng trống vang lừng, mấy gian thờ trang nghiêm đầy đủ mãi bình yên.

Hàng cột tiếp theo cũng có treo câu đối:

默相感必通億載金峯鐘介福
承庥將無斁千秋木本奠丕基

*Mặc tướng cảm tất thông, ức tải kim phong chung
giới phúc,*

*Thừa hưu tướng vô dịch, thiên thu mộc bản điện
phi cơ.*

Nghĩa: Im lặng cùng cảm ắt thông, mãi mãi núi vàng vang hội tụ phúc, Nương theo đức tướng không chán, nghìn thu gốc rễ yên nền.

Dòng lạc khoản đề: "保大庚辰年孟夏 *Bảo Đại Canh Thìn niên mạn hạ* - Đầu mùa hạ năm Canh Thìn triều vua Bảo Đại; 富榮縣遠程社枚族仝奉供 *Phú Vinh huyện, Viễn Trình xã, Mai tộc đồng phụng cúng* - Họ Mai ở xã Viễn Trình, huyện Phú Vang đồng phụng cúng.

Sau hương án là hai giá lổ bộ, gồm: Thanh long đao, trường côn, chùy dài, tay văn (tay võ)... Tiếp đến vào hậu cung có bốn khám thờ xây sát vách. Khám giữa trang trí đề tài tứ thời: mai, lan, trúc, cúc... Hai khám thờ hai bên trang trí các đề tài hoa lá, cây cỏ... phần chân đế các khám thờ trang trí hai con dơi châu vào chữ "thọ" cách điệu ở giữa. Trong khám thờ thiết trí một bài vị thần Thành hoàng bằng gỗ sơn đỏ, bài vị chữ Hán ghi: "高閣靈應大王加贈鴻謨偉畧惇厚孚佑濯洋卓偉上靈神 *Cao Các Linh ứng Đại vương gia tặng Hồng Mô Vĩ Lược Đôn Hậu Phu Hựu Trạc Dương Trác Vĩ Thượng Linh Thần* - Cao Các Linh Ứng Đại vương được tặng thêm là Hồng Mô Vĩ Lược Đôn Hậu Phu Hựu Trạc Dương Trác Vĩ Thượng Linh Thần. Các ban thờ có các câu đối như sau:

立功立德有三不朽
在左在右得一以貞
*Lập công lập đức, hữu tam bất hủ.
Tại tả tại hữu, đắc nhất dĩ trinh.*

Nghĩa: Lập công lập đức, có ba điều bất hủ, Ở phải ở trái, được một lòng trinh thuận.

地靈原有自
天眷本無私
*Địa linh nguyên hữu tự,
Địa linh nguyên hữu tự,*

Thiên quyến bốn vô tư.

Nghĩa: Địa linh nguyên tự có, Thiên quyến vốn không riêng.

儀式克欽止

來格可歎思

Nghi thức khắc khâm chỉ.

Lai cách khả dịch tư.

Nghĩa: Nghi thức được cung kính, Cảm thông đáng nghĩ suy.

承祭祀如在

貽忠信可儀

Thừa tế tự như tại,

Di trung tín khả nghi.

Nghĩa: Cúng tế thờ tự như còn sống, Đem lòng trung tín, nên lễ nghi.

Trải qua gần 400 năm tuổi, thời gian và điều kiện khí hậu khắc nghiệt đã làm phai dần những sắc màu sơn son, thếp vàng xưa nhưng những nét chạm khắc trên cấu kiện gỗ đình làng vẫn còn rất tinh xảo, đó chính là biểu tượng, là sức mạnh của làng. Đình Kim Long mãi mãi động lại trong tâm thức dân làng, là nơi thờ thần linh, thủy tổ, vừa là nơi dân làng hội họp, tế lễ, hội hè, chia sẻ niềm giao cảm tinh thần, củng cố mối quan hệ bền chặt của con dân trên một vùng quê cha đất tổ. Từ ngôi đình này định vị cho con người một cuộc sống đầy trách nhiệm không những cho từng cá nhân, gia đình mà cả cộng đồng, chan hòa trong tình làng, nghĩa xóm nhằm kế tục truyền thống trong hiện tại và tương lai. Xét về giá trị kiến trúc nghệ thuật: Kim Long là mẫu mực của kiến trúc đình làng thời Nguyễn. Khảo sát, nghiên cứu đình Kim Long, chúng ta có cảm tưởng rằng, những ưu thế kỹ thuật, mỹ thuật của nhà rường Huế đã hội tụ ở đây. Bổ sung vào những nét đẹp thanh tú của các bộ phận cột, kèo, xà, trính và các mộng vòng, những mẫu chạm hoa lá, long hóa điêu luyện, bay bướm. Tất cả như gợi lên tình cảm của dân làng đều dồn vào một điểm đồng quy nơi đình làng. Hàng năm tại đình Kim Long thường diễn ra hai lễ chính, đó là Lễ xuân kỳ và Lễ thu tế để dâng cúng các phúc thần, các thủy tổ khai canh khai khẩn tỏ lòng báo đáp công ơn. Những sinh hoạt này đến nay vẫn được dân làng duy trì, gìn giữ như một nét đẹp truyền thống.

Qua bao biến thiên, thăng trầm, một số ngôi đình làng khác ở thành phố Huế đã bị hủy hoại và rồi được làm mới, riêng ngôi đình cổ xưa Kim Long vẫn bảo tồn được giá trị nghệ thuật kiến trúc truyền thống cùng với những hiện vật quý hiếm là một chứng nhân chứng kiến bao sự đổi thay của lịch sử, đánh dấu quá trình đô thị hóa của phường Kim Long nói riêng, thành phố Huế nói chung. Do vậy, đình Kim Long có vị trí quan trọng trong hệ thống đình làng và hệ thống thiết chế văn hóa hóa dân gian cổ truyền ở xứ Huế; một bộ phận hợp thành, gắn bó với quần thể di tích cố đô Huế, di sản văn hóa nhân loại. ■



Thả thả diều

của người Khmer ở Bình Phước

Bài & ảnh: VŨ ĐÌNH TÂM

Diều cũng là một loại khí cụ có thể bay trên không trung nhờ vào sự cân bằng của áp lực không khí tác động vào cả ở phía trên lẫn phía dưới cánh diều khiến con diều có thể trôi lướt theo hướng gió trong lúc vẫn được neo chặt dưới mặt đất bằng những đoạn dây thả dài tuy mảnh mai nhưng lại phải rất bền chặt. Nghệ thuật thả diều đã có từ thời cổ đại, có lẽ bắt đầu là một phát minh của người Trung Hoa thời Xuân Thu; có tài liệu cho rằng hai người đầu tiên chế ra diều có thể bay được là Mặc Tử và Công Thâu Ban. Diều đã được

du nhập Ấn Độ và nhiều nước ở châu Á từ khá sớm, nhưng đến tận thế kỷ XIII thì diều mới vào tới châu Âu, có lẽ là do Marco Polo giới thiệu. Việc thả diều cũng phổ biến trong vùng Đông Nam Á, từ Thái Lan đến Lào và Campuchia, lan ra cả những vùng hải đảo trong khu vực này; tất nhiên là diều cũng có mặt Việt Nam. Thả diều thường được coi như một thú giải trí nhưng việc thả diều cũng có nhiều công dụng khác. Một số tài liệu cổ của người Trung Quốc cho rằng diều đã được thả để xác định khoảng cách giữa các địa điểm, kiểm chứng về chiều gió thổi hoặc chuyển thông tin giữa các đơn

vị quân đội. Điều để thả thường được trang trí theo những chủ đề có tính thần thoại và có mang những hình ảnh của truyền thuyết. Nhiều người còn gắn vào điều những chiếc sáo để khi gió thổi phát ra những nhạc điệu trầm bổng rất thú vị. Tuy nhiên, điều không chỉ là một trò giải trí mà đối với nhiều dân tộc, thả điều còn trở thành một phong tục cổ truyền với những ý nghĩa sâu xa. Trong cộng đồng người Khmer ở Bình Phước, việc thả điều còn mang cả ý nghĩa tâm linh.

Điều thả được người Khmer gọi là Khlèn, có nghĩa gốc là chim điều hâu. Là cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, mọi hoạt động sản xuất nông nghiệp của người Khmer đều gắn với điều kiện thời tiết. Trong ý niệm của người Khmer, chim điều hâu là biểu tượng của mặt trời. Có chim điều hâu xuất hiện trên bầu trời là có nắng ấm. Từ đó, việc thả điều mang ý nghĩa cầu trời nắng.

Thả điều sáo được thực hiện theo thú chơi của từng người và phụ thuộc điều kiện thời tiết, đôi khi còn dựa vào hoàn cảnh sinh sống. Người Khmer ở Bình Phước thường thả điều vào tháng Kádek (tương ứng với khoảng tháng Mười âm lịch), đây là thời điểm gió nhiều và người nông dân Khmer đang vào thời kỳ nông nhàn, lúa ngoài đồng bắt đầu chín, lúc này cũng là khi gió mùa đông bắc tràn về xua tan mây mù. Thả điều trong lúc này là một hoạt động mang tính biểu tượng, họ thả điều để cầu nắng lên, để hạt lúa chóng chín, để sớm được gặt hái, để cầu mong trời quang mây tạnh, mưa thuận gió hòa, lụt lội không xảy ra. Lúc bấy giờ người nông dân cần khô ráo để thu hái, phơi phóng thóc lúa đồng thời cũng tự thưởng cho mình những phút giây thư giãn bên tiếng sáo điều vi vu trên bầu trời. Cánh điều và tiếng sáo điều lúc này đã trở thành sứ giả đem đến những điều tốt đẹp trọn vẹn cho mùa màng.

Quá trình tìm hiểu thông qua một số vị già làng người Khmer sống ở xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước trong thời gian vừa qua cho thấy người Khmer có thú chơi điều có từ lâu đời. Sau khi đã sinh hoạt ổn định trên vùng đất Bình Phước, người Khmer đã đưa vào địa bàn sinh sống mới của họ tất cả những phong tục tập quán cũ, đồng thời cũng sáng tạo những hình thức sinh hoạt tập thể mới phù hợp với hoàn cảnh vùng cao. Nói chung, thả điều là phong tục xưa của dân tộc mình đã được người Khmer ở Bình Phước ứng dụng trong điều kiện vật liệu địa phương để chế tác những chiếc điều bay cao, bay ổn định trên bầu trời; trong lúc bay lượn, chiếc điều liên tục phát ra những âm thanh cuốn hút.

Để có được chiếc điều bay cao và ổn định, người Khmer phải bỏ ra một ít công sức; người chế tác phải là người có đôi tay khéo léo, thường là những người ở độ trung niên. Già làng Lâm Poch, Hội đồng Già làng ấp Sóc Lớn ở xã Lộc Khánh huyện Lộc Ninh cho biết: Điều thả của người Khmer có khá nhiều loại, nhưng phổ biến nhất là Khlèn phnon (điều mẹ-con).

Điều được làm bằng các loại vật liệu thu gom quanh các buôn sóc như lồ ô và vải trúc bầu, tơ chuối hoặc tơ dâu; lồ ô dùng làm khung, vải trúc bầu làm thân điều, còn các loại tơ dùng để khâu thân điều và tết thành dây thả điều. Những cây lồ ô được đốn về để làm điều cũng được người Khmer chọn lựa khá kỹ càng. Người ta thường chọn cây lồ ô già, ít mấu; sau khi chặt về, họ chẻ ra làm lát và nan; bằng những kinh nghiệm dân gian để cho lồ ô có độ dai người Khmer phơi rất kỹ để lồ ô vừa có độ khô, vừa có độ ẩm, nhờ vậy, khi vót làm lát hay nan, lồ ô không bị gãy. Trong việc khâu thân điều, người Khmer không dùng chỉ mà dùng một loại tơ chuối. Đối với tơ chuối, người Khmer cũng lựa chọn rất kỹ càng. Để tìm được những tơ chuối có độ dai đảm bảo đúng kỹ thuật, sử dụng được lâu dài, người Khmer thường chọn những cây chuối già có bẹ lớn; sau khi chọn được những tơ chuối ưng ý, phù hợp, họ đem tơ chuối ra phơi nắng, phơi sương cho mềm và dai. Sau khi hoàn tất, họ quét lên toàn bộ phần thân điều một lớp nước sắc dây "cây chân bò" già nát, kể đó đem phơi ngoài trời cho khô. Kỹ thuật làm điều theo kiểu khlèn phnon (điều mẹ con) thường trải qua nhiều công đoạn, tuy có sự khác nhau ở mỗi vùng miền về cách tạo dáng cho thân điều, nhưng công đoạn làm một cánh điều thì tương đối giống nhau là đều công phu từ cách chọn vật liệu và hoàn thiện. Khung điều khlèn phnon cần chắc và nhẹ nên phải được làm bằng những cây lồ ô già, khi vót phải đều tay, gò khung phải cân đối uốn đều như cánh cung. Giữa khung điều là một "sống điều" bằng tre cứng to bản, nhô dài ra hai bên khung, Điều thường có kích thước lớn, dài 1,50m đến 2,40m, có hình dáng giống như một con thuyền, mảnh trắng liềm hay giống như một chiếc lá, ở đuôi điều gắn hai dải dài từ 10m đến 20m kết bằng lá thốt nốt gọi là Kraman hoặc Kantuy. Điều thường được phết hai mặt bằng các loại giấy bản, túi bóng... Dây thả điều thường được làm bằng sợi tơ, sợi gai hoặc các loại sợi cây khác. Một trong những bộ phận không thể thiếu được trong điều khlèn phnon là sáo điều (ék). Một chiếc điều khlèn phnon thường được gắn hai ống sáo; một ống sáo lớn dài bằng cả sải cánh của chiếc điều được gắn trước mũi điều, sáo bé được gắn ở hông điều. Âm thanh phát ra từ hai ống sáo này hòa vào nhau. Sáo điều cũng được làm bằng những cây lồ ô già, chắc, có đốt ống dài. Già làng Lâm Poch cho biết, trong vùng thường không có nhiều người làm được Sáo êk, bởi vì Sáo êk đòi hỏi sự chuyên môn cao, tinh tế trong thao tác, sáo có độ ngân dài, kêu vang, âm thanh của các sáo được các nghệ nhân định vị giống như âm thanh quen thuộc của tiếng cồng, tiếng chiêng. Về kỹ thuật làm sáo ek, người Khmer thường lấy một thân lồ ô già dài uốn cong thành một cánh cung, chuốt mỏng hai đầu, khoét một cái mấu ở một chỗ trên thân lồ ô làm sao để móc được các sợi dây tơ tầm hoặc tơ chuối



dùng buộc lưới gà cân đối, chặt chẽ vào thân cây lồ ô nhằm tạo ra được âm thanh mong muốn.

Lưới gà được làm bằng thân cây mây chẻ ra, chườt mỏng, mài trơn bằng thóc hoặc giấy nhám thủy tinh rồi hơ nóng trên lửa. Có khi chỉ cần khoét ba lỗ nhỏ ở hai đầu để xỏ dây buộc. Hai đầu mút lưới gà và các dây buộc đều được nhúng sáp ong. Để thử âm thanh của sáo êk, người ta buộc dây vào cây sáo rồi quay nhanh quanh người. Nếu âm lượng chưa đủ thì cho thêm sáp ong vào. Lưới gà cũng có thể làm bằng cây thốt nốt hoặc lá chuối, song âm thanh không vang bằng. Để làm ra tiếng vang cho điệu khlèn phnon, người Khmer còn biết ứng dụng kỹ thuật tạo âm thanh bằng cách khiến cho các phiến mỏng dao động với tần số cao. Người ta dùng các phiến lá gắn vào mũi điệu, gió thổi khiến các phiến lá ấy dao động và phát ra âm thanh. Thường thì các loại lá được sử dụng là lá thốt nốt hay lá buông. Những chiếc lá được chọn phải là những lá to, dày, thẳng; sau khi cắt lá về người Khmer cắt theo độ vát, chéo của lá, sau đó cài lên mũi điệu. Âm thanh có vang, có hay không, phụ thuộc vào sự điều khiển của người nghệ nhân đối với chiếc lá. Thường thì âm thanh của chiếc lá được điều chỉnh chủ yếu là kỹ thuật cắt hai mép của chiếc lá, nếu sự điều chỉnh có độ chuẩn thì âm thanh phát ra từ hai chiếc lá này nghe rất vui tai.

Bên cạnh điệu khlèn phnon, người Khmer còn chế tạo ra điệu đèn (khlèn kôm) cũng gọi là đèn bay (kôm hòk) hình hộp hoặc hình ống trụ. Có chiếc cao đến năm mét, đồ sộ như một chiếc khinh khí cầu và phải cần đến bốn, năm người để thả.

Vào ngày mùa, ban ngày điệu sáo vi vu trên trời cao, ban đêm điệu đèn lung linh trong ánh trăng thanh khiến cho người Khmer thêm yêu cuộc sống và hằng say lao động.

Gần đây, người Khmer ở Bình Phước không còn duy trì thú chơi thả điệu thường xuyên bởi đời sống xã hội của người Khmer đã có biến đổi, những chiếc điệu khlèn phnon hay sáo ek không còn được lưu giữ. Có thể nói chiếc điệu khlèn phnon đã đi vào tiềm thức của người Khmer, chỉ còn in hình bóng vào trong tâm

trí của những già làng, người dân Khmer ở Bình Phước. Người dân Khmer không còn được hàng ngày thả điệu như ngày xưa, không còn được nghe thấy tiếng sáo êk du dương trên bầu trời, mang cả mong ước bay theo cánh điệu trong những tháng ngày thu gặt lúa. Hình ảnh cánh điệu giờ đây chỉ thấy xuất hiện trong các dịp lễ hội như Ok om bok, Chol Chnăm Thmây... Những chiếc điệu hiện nay được làm giống như những cánh điệu của người Việt, đơn giản hơn. Điều không còn được làm bởi các già làng hay những người am hiểu; mà thay vào đó là những đứa trẻ trong các buôn sóc. Những chiếc điệu của người Khmer hiện nay chủ yếu phục vụ lễ hội; do không làm cầu kỳ cho nên mỗi lần thả điệu trong lễ hội người Khmer thường thả cho cánh điệu bay đi. Điều trở thành như một vật phóng sinh, là chiếc cầu nối để người Khmer cầu mong điều tốt đẹp cho gia đình, cầu quốc thái dân an, phong điều vũ thuận, phong đăng hòa cốc; đi kèm với những nghi thức tụng ôn, tụng phong để bảo vệ buôn sóc.

Có thể nói rằng tục thả điệu để cầu mong cho lúa ngoài đồng được chóng chín với quan niệm có cánh điệu là có ánh mặt trời của người Khmer xưa đã trở thành thú thả điệu để giải trí; mặc dù có đi kèm một số ý nghĩa tâm linh, nhưng cánh điệu ngày nay đã khác xưa. Hình ảnh những chiếc điệu khlèn phnon tuy còn in đậm trong tâm thức những người Khmer lớn tuổi ở Bình Phước, nhưng có lẽ cũng chỉ là những kỷ niệm của một thời đã qua. Tuy nhiên, hàng năm, vào lễ hội thả điệu, khi người Khmer vẫn tập trung quanh ngôi chùa của mình với tâm thức hướng về điệu thiêng liêng trong các nghi thức cầu an, thì cũng có thể một lúc nào đó, trên bầu trời lại xuất hiện những cánh điệu khlèn phnon. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Lê Thanh Bình (2013), Điệu sáo Việt Nam truyền thống và hiện tại, Tạp chí *Thế giới di sản*, tr.60-61.

2. Tô Huệ, *Thả Điệu - Nét đẹp văn hóa của người Khmer*, <http://vhttdlbinhphuoc.gov.vn/Tha-Dieu-sao-Net-dep-van-hoa-cua-nguoi-Khmer-246>, truy cập ngày 04/10/2011.

Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân thời ở Huế

NGUYỄN ĐẮC XUÂN

Lời tòa soạn: *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa nhận được tập sách “Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân, thời ở Huế” của nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân, do tác giả gửi tặng. Đây là một tập sách nghiên cứu nhằm giải đáp một số nghi vấn về cuộc đời của Lê Ngọc Hân, hoàng hậu vua Quang Trung. VHPG xin giới thiệu đến quý độc giả bằng cách đăng toàn văn bài Lời nói đầu được in ở trang 9 của sách.*

Văn Hóa Phật Giáo

Từ lâu người ta đã quan niệm nếu xem anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ – vua Quang Trung là Rồng thì công chúa Lê Ngọc Hân – Bắc cung Hoàng hậu trẻ đẹp, nhà thơ Nôm hiếm có là Phụng. Nhưng oái oăm thay thông tin lịch sử về cuộc đời của cặp Rồng Phụng này nhập nhằng đen trắng lẫn lộn nhiều việc, mà giới Việt Nam học Việt Nam chưa có dịp làm rõ.

Nguyên nhân một phần vì tài liệu lịch sử gốc về nhà Tây Sơn bị nhà Nguyễn đốt sạch hoặc làm sai lệch đi. Đối với vua Quang Trung là về vấn đề lăng mộ của ông ở đâu(?); đối với Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân có nhiều chuyện tốt xấu trái ngược lẫn nhau nhan nhản trên sách bao hơn nửa thế kỷ qua ở miền Nam, đặc biệt trên mạng toàn cầu ngày nay.

Trước tình hình đó, gần ba mươi năm qua, với nhiệt tình của một người nghiên cứu triều Nguyễn và Huế xưa, tôi đã cố gắng khẳng định được khi vua Quang Trung qua đời, để giữ bí mật, triều đình đã táng ông ngay trong phủ Dương Xuân thời các chúa Nguyễn đã được vua Quang Trung xây dựng lại thành cung điện Đan Dương tọa lạc trong khu vực các chùa Thiên Lâm, Vạn Phước, Diệu Đức và Kim Tiên ở hai bên bờ suối Tiên, thuộc phường Trường An, thành phố Huế ngày nay¹.

Từ năm 1992, ngoài khám phá cung điện Đan Dương là sơn lăng của hoàng đế Quang Trung, công trình là nghiên cứu của tôi cũng đã nêu lên vấn đề *Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân* đã ở và viết *Ai Tử Văn tại chùa Kim Tiên*. Sau đó tôi lại quá bận vào nhiều đề tài lịch sử khác nên chưa đi đến cùng chuyện *Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân* đã ở chùa Kim Tiên.

May sao, sau đó nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tiếp tục nghiên cứu theo hướng đó.

Năm nay (2014) chuẩn bị kỷ niệm 215 năm *Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân* qua đời tại Huế (1799 – 2014), tôi viết cuốn sách nhỏ này khẳng định *Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân đã sống và chết ở chùa Kim Tiên*, để đặt vấn đề chùa Kim Tiên ngày nay² nên có một *bát hương* phụng thờ Bà và đến mồng 8 tháng 11 âm lịch hằng năm có một mâm cơm cúng giỗ Bà, để cho đồng bào Việt Nam ở trong và ngoài nước đến thắp hương tưởng nhớ Bà.

Và cũng nhân đây tôi sao lục những bài viết chính đưa ra những thông tin hai chiều về cuộc đời *Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân* kèm theo những bài mang tính phản biện để có thể bác bỏ vĩnh viễn những thông tin sai trái do thiếu tài liệu hoặc do tham vọng cá nhân về *Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân* gây nên.

Những vấn đề cần làm rõ như *Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân* có làm vợ vua Gia Long không? Bà qua đời năm nào? Về số phận hai người con của *Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân* với vua Quang Trung; *Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân* với quê ngoại làng Nành (nay là xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm); chuyện mồ mả của *công chúa Ngọc Hân* ở làng Nành, Bắc Ninh.

Trong sách sao lục một số bài viết của các tác giả mà tôi chưa có điều kiện liên lạc để xin phép. Vì sự nghiệp khoa học phục vụ cho lịch sử cuộc đời *Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân*, kính mong các tác giả vui lòng cho phép.

Xin cảm ơn.

Tháng 8 – 2014 ■

Chú thích:

1. Tác phẩm *Đi tìm mộ vua Quang Trung*, Nguyễn Đắc Xuân, Viện Sử học Việt Nam, Hà Nội, xuất bản 1992.

Tác phẩm *Đi tìm dấu tích cung điện Đan Dương sơn lăng của hoàng đế Quang Trung*, Nguyễn Đắc Xuân, NXB Thuận Hóa, xuất bản năm 2007.

2. Chùa Kim Tiên tọa lạc ở số 184/14, đường Điện Biên Phủ, phường Trường An, thành phố Huế. ĐT: 054.3885712, 054.3826061.





Mỗi người một que diêm...

MANG VIÊN LONG

Tuần vừa qua, người bạn dạy Triết năm xưa gửi thêm cho tôi một tập “Viết Cho Nhau”; tập sách này do cô và những học trò “cũng năm xưa”, mà ngày nay có người đã là ông bà nội ngoại đang công tác ở nhiều lãnh vực, cùng nhau thực hiện bằng in vi tính, phổ biến trong nhóm và gửi “làm quà” cho bằng hữu; trong đó có tôi! Mỗi kỳ, cô chọn một chủ đề, để “học trò” đóng góp bài vở, chia sẻ tâm tình, cùng nhau học hỏi... Tập một có chủ đề “Chuyện Lưu Bình & Dương Lễ”; tập hai “Mừng Tuổi & Đời Sống Quanh Tôi”; tập ba “Minh Với Ta Tuy Hai Mà Một / Ta Với Minh Tuy Một Mà Hai”...

Tôi đã rất hân hạnh được nhận đủ cả ba tập của cô gửi cho. Có thể nói, đây là một “quyển sách” (hay tờ báo) mà tôi đã rất phấn khích đọc hết ngay sau khi vừa

nhận được từ tay người bưu tá, tuy hình thức trình bày thật đơn giản! Những trang viết đầy ắp tình thân, tình người; những người viết đã trải lòng hồn nhiên “vui chơi” cùng nhau, chân thành như thuở còn “cấp vở đến trường”, không chút câu nệ, giấu giếm; cho dầu tôi biết có nhiều người trong số họ đã là giảng viên, bác sĩ, kỹ sư, nhà doanh nghiệp, luật sư, khiến tôi rất trân quý...

Sau khi đọc xong mỗi tập, tôi đều gọi điện thoại bày tỏ đôi điều cảm nhận về việc làm “tuy nhỏ mà không nhỏ chút nào” của cô và các học trò, đồng thời cảm ơn lòng ưu ái của cô đã dành cho tôi; nhưng lần nào cô cũng khẽ cười, khiêm tốn nói: “Chúng tôi ‘viết cho nhau’ cho vui thôi. Đó cũng chỉ là những que diêm nhỏ, chia nhau chút ánh sáng, chút hơi ấm, giữa cuộc sống bộn bề và tẻ lạnh!”

Cô nhắc đến “que diêm nhỏ” khiến tôi nhớ đến câu chuyện về đêm diễn thuyết của John Keller¹ ở sân vận động Los Angeles trước một trăm ngàn người đến tham dự.

Chuyện kể:

“(…) Đang diễn thuyết, bỗng ông dừng lại, đồng dục nói: “Bây giờ xin các bạn đừng sợ! Tôi sắp cho tắt tất cả đèn trong sân vận động này. (Đèn tắt. Cả sân vận động chìm sâu trong bóng tối âm u). Ông John Keller nói tiếp: “Bây giờ tôi đốt lên một que diêm. Những ai nhìn thấy ánh lửa của que diêm đang cháy thì hãy hô to: “Đã thấy!”. (Một que diêm được bật lên), cả sân vận động vang rền: “Đã thấy!”.

Sau khi đèn được bật sáng trở lại, ông John Keller giải thích: “Ánh sáng của một hành động nhân ái - dù nhỏ bé như một que diêm - cũng sẽ chiếu sáng trong đêm tối tăm của nhân loại, y như vậy!”.

Một lần nữa, tất cả đèn trong sân vận động lại được tắt. Một giọng nói vang lên: “Tất cả những ai ở đây, có mang theo diêm quẹt, xin hãy đốt cháy lên”. (Bỗng chốc, cả sân vận động rực sáng...). John Keller kết luận: “Tất cả chúng ta cùng hợp lực nhau, có thể chiến thắng bóng tối, chiến tranh, khủng bố, cái ác và oán thù... bằng những đốm sáng nhỏ của tình thương, sự tha thứ, và lòng tốt của chúng ta...”².

Bóng tối âm u của sân vận động khi được tắt tất cả đèn cũng giống như sự “vô minh” ngàn đời của con người mê muội, chìm đắm trong dục vọng, trầm luân. Hơn hai ngàn năm trăm năm trước, Đức Phật đã từng dạy: Chỉ cần một sát-na tỉnh thức nhìn lại mình, giác ngộ, ắt sẽ thấy ngay được ánh sáng của thật tướng, bản tánh (hồi đầu bĩ nạn) mà trải qua bao ngàn kiếp hằng bị đọa đày trong biển khổ luân hồi đen tối! Đó là một sự thật hiển nhiên, như que diêm trên tay ông John Keller... Hay chính đó cũng là “con đom đóm” mà Blaga Dimitrova đã từng mơ ước: “Tôi xin đổi chín vương quốc lấy một con đom đóm bay trên ngưỡng cửa”.

Kinh Pháp Cú có câu: “Chớ khinh điều lành nhỏ cho rằng ‘chẳng đưa lại quả báo cho ta’. Phải biết giọt nước nhiều lâu ngày cũng làm đầy bình!” (Câu 122 - Phẩm Ác [Papavaggo]).

Nếu mỗi người đều tự mình làm việc lành, mỗi ngày, thì xã hội sẽ trở nên an hòa, hạnh phúc biết bao! Giống như một trăm ngàn người, một trăm ngàn que diêm được đốt lên ở sân vận động Los Angeles đã rực sáng vậy! Những mảnh tâm từ bi nhỏ nhỏ của mỗi chúng ta sẽ tiếp nối, sáng mãi, như những que diêm, đem tình yêu thương, sự chở che, đùm bọc đến sưởi ấm cho tất cả; sẽ đủ sức mạnh để xóa tan dần bóng tối u ám, lạnh lẽo của tội lỗi, và cái ác...

Ngược lại, nếu chúng ta chỉ biết ngồi than khóc, thì đêm dài khổ đau, bất hạnh sẽ ngự trị mãi mãi. Ngạn

ngữ phương Tây cũng đã nhắc nhở: “Thà thấp lên một ngọn nến, còn hơn ngồi nguyên rùa bóng đêm!”. Một ngọn nến (hay một que diêm) sẽ được chuyển ánh lửa sáng cho những ngọn nến khác, tiếp tục soi rọi, để làm nên một bầu trời trong sáng, yên lành! Nhiều cánh chim én sẽ làm nên mùa xuân cho tất cả!

Cũng như ngày hôm nay, dầu tôi đang ở xa những người “học trò nhỏ” của người bạn văn dạy Triết năm xưa hơn bảy trăm cây số, nhưng tôi cũng đã và đang nhận được ánh sáng tươi mát nồng ấm của “những que diêm” trong từng trang “viết cho nhau” rất thiết thực mà tôi rất hân hạnh được gửi tặng, chia sẻ...

Xin trân trọng cảm ơn những tấm lòng! ■

Chú thích:

1. John Keller là một diễn giả nổi tiếng ở Los Angeles, Mỹ, rất nhiều bài diễn thuyết của ông được mọi người ở khắp nơi trên thế giới biết đến.

2. Theo giftforlife.



Lang thang
trong chữ

Thứ bậc và chữ Lễ



HỒ ANH THÁI

Trong một nền văn hóa cộng đồng có thứ bậc, ngôn ngữ cũng phản ánh tôn ti trên dưới. Trên đối với dưới gia trưởng đàng hoàng. Dưới đối với trên nhún nhường lễ độ.

Một nhóm sinh viên vây quanh vị giáo sư, và một em nói: *Chúng em rất muốn biết thiên ý của thầy trong việc này.*

Sao sinh viên lại ăn nói như thế với giáo sư. Chắc là nói thầy cho biết ý kiến thì bình thường quá, muốn ăn nói cho ra vẻ người có chữ, sinh viên bèn dùng chữ thiên ý. Nhưng muốn tỏ ra nhún nhường, người ta phải dùng chữ thiên ý cho chính mình mới hợp lễ.

Rồi ông cơ quan A nói với ông cơ quan B: *Chúng tôi đã đặt yêu cầu và đang chờ phúc đáp của cơ quan ông.* Hai người ngang cấp ngang vai, hai cơ quan cũng bình đẳng, nhưng bên bạn phải phúc đáp cho bên ta. Cứ như là ta đang có lợi thế, đang ở tư thế cao hơn, cơ quan bên kia phải có phúc có phận mới được đáp lại, mới được phản hồi.

Rồi những từ như hầu chuyện. Ngồi chuyện trò nhiều khi cũng là một cách ngồi hầu. *Hầu chuyện*. Cháu hầu chuyện ông chứ hiếm khi lại nói ông hầu chuyện cháu. Đừng có vô ý mà viết rằng hôm qua sếp đã hầu chuyện nhân viên, trừ một văn cảnh hài hước giễu cợt.

Thời đi sơ tán tránh bom Mỹ, có lần lũ trẻ chúng tôi được một mẻ cười vỡ bụng. Hai anh sinh viên nông nghiệp đi thực tập, vào nhà bác chủ nhà của tôi. Một anh lễ phép hỏi cụ bà bảy mươi tuổi: *Cụ năm nay lên mấy?*

Cụ năm nay lên mấy, hoặc cụ năm nay mấy tuổi, đều có thể gây cười. Người ta thường hỏi thế với trẻ con chứ không hỏi người già đã có một đồng tuổi trên người. Mà không chỉ là chuyện cười của một thời xa xôi, bây giờ vẫn có người nói và viết vô ý như vậy.

Nhân chuyện này cần nói chính người già nhiều khi cũng không muốn nghe từ người già. Chuyện trò trực diện, chưa biết đối tượng tính tình thế nào, ta dùng từ

người cao tuổi, người có tuổi. Dân Anh - Mỹ cũng vậy, tôi không hỏi bà già đi với anh là ai đấy mà hỏi *Who's that aged lady?* Bà có tuổi đi với anh là ai đấy? Không phải *old lady* mà là *aged lady*.

Ngôn ngữ Anh - Mỹ, he she it đều ổn. Anh ta, chị ta, nó. Ông ấy, bà ấy, nó. Người ta dùng từ it, chỉ việc tự động dịch ra là nó. Nó. Nó. Nó.

Nó, như trong câu này: *Cô nhìn chăm chăm vào khuôn mặt mẹ... cứ như lần đầu tiên được nhìn thấy nó* (Hãy chăm sóc mẹ, Lê Hiệp Lâm và Lê Nguyễn Lê dịch, tr.33). Chữ Nó đã làm hỏng ngay không khí yêu mến kính trọng mà tác giả đang tạo dựng. Vậy chữ viết thế nào? Có thể dịch giả sẽ chất vấn. Mong là người dịch thừa khả năng nghĩ ra phương án sửa chữa, tiếng Việt đủ từ vựng để gỡ bí cho trường hợp này.

Cũng thế, gia phong Việt, ngôn ngữ Việt không dung chuyện gọi người trên là ông ấy bà ấy, đặc biệt là gọi ông bà cha mẹ. Cũng không gọi ông bà cha mẹ là họ, họ thế này họ thế kia. Người ta sẽ thấy chối khi gặp những câu như thế này: *Mẹ cháu đã bán phòng thu nhạc. Bà ấy chỉ giữ lại có một món nhạc cụ* (Kẻ trộm sách, Cao Xuân Việt Khương dịch, tr.233).

Nhưng phim ảnh truyền hình bây giờ dịch từ tiếng nước ngoài, hầu như đều gọi cha mẹ là ông ấy bà ấy, là họ. Sách báo dịch vội bây giờ cũng gọi cha mẹ là ông ấy bà ấy, là họ. Không dịch vội thì các dịch giả cũng đã quen tay quen mắt quen tai, thẳng thừng ra thì he she là ông ấy bà ấy. Ngôn ngữ nói với nhau hàng ngày thì gọi là ông ý bà ý. Chị bạn đồng nghiệp có con trai mới lấy vợ, được dăm bữa nửa tháng chị kể, có hôm nghe con dâu nói chuyện với bạn bè đến chơi nhà. Nhắc đến mẹ chồng, cô con dâu nói với bạn là bà ý thế này bà ý thế nọ. Chị bình luận: Tôi đang là người Á bỗng hóa thành người Âu, tôi đang là người Việt tự dung biến thành người Ý. Cô ấy gọi tôi là bà ý bà ý. ■



Nhận định về một khiếm khuyết trong giáo dục Phật giáo Việt Nam

Giác Đạo DƯƠNG KINH THÀNH

Trong suốt quá trình phụng sự Đạo pháp, theo sở kiến chủ quan, người viết bài này nhận thấy rằng mạng mạch Phật giáo Việt Nam (PGVN) có phát triển ổn định và xứng tầm giá trị trong các bối cảnh lịch sử hay không tùy thuộc ở hai mấu chốt quan trọng, mang tính quyết định cho những thành tựu, đó chính là *Hoàng pháp* và *Văn hóa Phật giáo*. Nhưng trước khi có hai khái niệm *Hoàng pháp* và *Văn hóa Phật giáo* ấy, *Giáo dục Phật giáo* (GDPG) chính là cơ sở ban đầu quyết định cho tất cả những thành tựu khác. Điều đó có nghĩa rằng GDPG luôn đóng vai trò tiên phong, cực kỳ quan trọng, nhất là trong thời đại tiên tiến về mọi mặt như ngày nay.

Một phần nương thừa vào truyền thống GDPGVN có từ thời chấn hưng rực rỡ ở đầu thập kỷ 1930 và dần mở rộng ra theo nhịp độ phát triển xã hội – đáng kể nhất từ năm 1964 đến năm 1975 – GDPGVN ngày nay đã nhân lên gấp bội những thành quả ấy và từng bước đi vào quỹ đạo chung của tri kiến xã hội. Những Tăng-Ni sinh được đào tạo, xuất thân từ trong môi trường này hiện

đã có những vị thành danh, đóng góp cho Phật pháp nhiều lợi lạc. Nếu biết rằng từ thuở ban đầu, chư tôn đức thời chấn hưng đã miệt mài hoạt động không biết mệt mỏi để trang bị cho Tăng-Ni PGVN những kiến thức cần thiết trong công cuộc hóa đạo khiến cụm từ *Nội điển* và *Ngoại điển* trở thành điều hiển nhiên trong các ngôi trường Phật học thì chúng ta cũng thấy rằng bước *cách mạng GDPGVN* không đơn giản chút nào.

GDPGVN ngày nay thừa hưởng tất cả những thiện duyên đó và hiện không ngừng phát triển đi lên, song hành cùng bước tiến xã hội. *Định hướng - Chủ trương* đã rõ và cũng từng bước nâng đỡ sở học của Tăng-Ni qua từng cấp học, từ sơ-trung đến cao cấp (hiện giờ là *Học viện Phật giáo*).

Tuy nhiên, trong một nền GDPGVN đa dạng hôm nay, dường như chúng ta đã để thiếu vắng một *tiết học* (người viết không dám dùng từ *môn học*), đó là chưa trang bị cho Tăng-Ni sinh một ít kiến thức tối thiểu về *Nghệ thuật* nói chung và *Nghệ thuật Sân khấu Phật giáo* (NTSKPG) nói riêng. Có thể vẫn còn có ai đó quan niệm



rằng đây chỉ là chuyện *ăn chơi bên lề*, nhưng với riêng người viết thì đây là vấn đề nằm trong ý thức hệ văn hóa; hơn nữa, thực tế cho thấy đã có ít nhiều tác hại từ việc xem thường lãnh vực này ở chư vị Tăng-Ni trú xứ, mỗi khi có văn nghệ hay lễ lạt. Đây mới chính là mấu chốt quy kết cho GDPGVN chúng ta.

PGVN đã và đang được thừa hưởng một nền văn hóa-nghệ thuật dân tộc rất đa dạng và phong phú, một phần cũng do chính PGVN gây dựng nên trong quá trình hòa nhập mà có; một phần do chính tự thân PGVN đã là xương thịt bản thể văn hóa dân tộc không thể cắt rời. Những bộ môn kịch hát dân tộc, ngay cả loại hình múa rối nước cũng đều có bàn tay gián tiếp hoặc trực tiếp của chư Tổ sư xưa đóng góp gây dựng. Ở phía Nam, bộ môn nghệ thuật dân tộc được cho là hình thành và phát triển mới nhất là *Cải lương*, mà khởi phát từ bài *Dạ cổ hoài lang* và phong trào *Ca ra bộ* cũng có công sức đóng góp của *thầy tu* (*Sư Nguyệt Chiếu* - 1882-1947). Vì vậy, có thể nói, chưa có một tôn giáo nào ở Việt Nam mà các bộ môn nghệ thuật dân tộc đều dễ dàng dung nạp nội dung, tư tưởng một cách rất thuận lợi như Phật giáo chúng ta. Đó là khía cạnh lịch sử quan trọng để chúng ta có đủ niềm tự hào, ung dung bước vào thế giới nghệ thuật dân tộc một cách đường hoàng và đĩnh đạc.

Chỉ riêng phần NTSKPG thôi. Tất nhiên, trước tiên chúng ta cũng nhận thấy rằng NTSKPG không phải là một trong những thanh quy tu học của giới xuất gia, và trong các khóa tu học mang tính trang nghiêm (thí dụ như khóa tu Bát quan trai của cư sĩ cũng thế) không ai ca múa hát bao giờ. Nhưng NTSKPG lại rất quan trọng khi nó nghiêm nhiên nằm trong hành trang của hành giả hoằng pháp và còn là tiêu chí phát triển, định hình của văn hóa Phật giáo. Bởi lẽ trong công cuộc hóa đạo

hoàng dương, chúng ta buộc phải va chạm trực tiếp với nhiều giai tầng xã hội, trước khi các thành viên thuộc các giai tầng đó trở thành một trong tứ chúng trọn vẹn ý nghĩa của Phật giáo chúng ta. Đây là lý do tại sao chúng ta đặt ra nhiệm vụ phải trang bị kiến thức về mặt này cho Tăng-Ni sinh trong GDPGVN.

Về vấn đề NTSKPG, người viết đã rất nhiều lần trình bày trên các diễn đàn Phật giáo. Ở đây chỉ xin được nói tóm lược rằng, NTSKPG là nền tảng dựa trên những thành quả các công trình do chính *Văn hóa Phật giáo* đầu tư và chịu trách nhiệm. Thật ra PGVN chúng ta chưa bao giờ có một nền NTSKPG đúng nghĩa, nếu có chẳng là từ đầu thập niên 90 thế kỷ trước, là những công trình - chương trình nhỏ lẻ mang tính tự phát, không có ai kiểm soát dù được dán nhãn *Văn hóa Phật giáo*. Một mặt khác, chớ nên nhầm tưởng *sự có mặt* của NTSKPG vốn là những tác phẩm ngoài xã hội xưa nay trong các bộ môn Hát bội, Chèo, Kịch nói, Cải lương và Tân nhạc... tuy cũng được mệnh danh là *tuồng Phật tuồng Tiên*, là của Phật giáo. Như đã thưa, đó chính là những sản phẩm tự phát, ngoài tầm kiểm định của Phật giáo chúng ta. Vì vậy những sai sót, bất cập không ai chịu trách nhiệm trước Giáo hội, và trước trách nhiệm *Giáo dục* và *Văn hóa Phật giáo*. Nói một cách khác, trong thời đại bùng nổ thông tin và nhu cầu thường thức - với Phật giáo đó còn là một phương tiện hoằng hóa rất quan trọng - do chúng ta chưa đặt NTSKPG thành mối trọng tâm để phát triển nhằm phục vụ mục đích hoằng pháp hóa đạo, nên thả lỏng và thờ ơ với một cửa ngõ quan trọng này là một thiếu sót lớn lao, cần nên xem lại.

Những chư Tăng-Ni trú xứ, đặc biệt những vị hành giả hoằng pháp đã vô tình hay cố ý chấp nhận những sai sót này khiến nó còn tồn tại đất sống. Trong khái niệm ý

thức tối thiểu cũng đã để đi vắng khi chúng ta biết rằng có những vị vì muốn chùa mình có nghệ sĩ này ca sĩ nọ mà dễ dàng chấp nhận những bài hát, tuồng cải lương họ mang đến với nhãn mác *cúng dường*, mà không chú ý đến chất lượng cũng như nội dung của nó nói đúng sai những gì. Tác tệ này đã nhiều lần xảy ra mà cho đến hôm nay chưa có dấu hiệu kết thúc.

Có thể lấy ra một vài thí dụ:

Ngày khánh thành một ngôi chùa, và cũng là nơi được gọi là *Trung tâm Văn hóa Phật giáo* - xin lặp lại hai chữ *Khánh Thành* - người ta muốn có mặt đôi nghệ sĩ cải lương ăn khách đến diễn nên bất chấp tiết mục, nội dung là gì. Nam nghệ sĩ đóng vai một anh chàng say xin, nói với người nữ rằng *"Cô muốn không? Tôi sẽ đập nát cái chùa này luôn!"*. Đây là câu nói *cương*, không có trong kịch bản (tuồng *Trà Hoa nữ*), chúng tỏ họ xem thường chúng ta đến mức nào!

Một chuyện khác, ngày tạ pháp, mãn hạ của một ngôi chùa Ni, cũng một đôi nghệ sĩ thuộc hàng "sao" khác diễn trích đoạn *"Chuyện tình Lan và Điệp"*. Trong đó có câu *"Lan ơi tội tình chi em đây đọa xác thân nơi chốn am thiên..."*.

Lời một bài ca khác có câu *"tín nữ hãy về đi - Còn tuổi xuân là còn phấn đấu - chùng nào mắt mờ tai điếc, miệng chán chê mùi đỉnh chung danh lợi, khi ấy hãy vào đây, cửa chùa rộng mở chào đón..."*

Và đây, chỉ bốn câu đạo đầu của một bài ca khác, chúng ta sẽ thấy điệp trùng sai sót. Những Tăng-Ni sinh có sở học rộng rãi ngày nay nên lưu ý và phân tích hộ rằng thời kỳ Phật tại thế hay thời kỳ Phật giáo Trung Hoa mà có nhân vật Mục Kiền Liên này: *Cõi Thiên Trúc miền Tây phương Cực lạc - Chùa Lô Âm vang vọng mấy hồi chuông - Một nhà sư trong lớp áo nâu sồng - Đang kính cẩn quỳ dưới chân Phật Tổ."* Rồi khi xuống âm cung, chúng ta hãy nghe Diêm Vương *phán hỏi* một vị đại đệ tử Đệ Nhất Thần Thông của Phật rằng: *"Ngài là kẻ ở miền dương thế - Có việc chi mà đến tận nơi đây - Mau phân tỏ cho trẫm đây hẳn tường cơ sự..."*.

Đó là chưa nói đến mảng Tân nhạc, Kịch nói... mà những câu nhan nhản như *"Hoàng hậu dẫn sanh Đức Phật nhân từ"* còn tồn tại nhức nhối.

Tưởng cũng cần nói thêm điều này để những Tăng-Ni sinh không ngộ nhận giữa NTSKPG đúng nghĩa với nhiều chiêu bài lạm dụng khác nhau. Trên mặt bằng văn hóa phẩm Phật giáo hiện nay, chúng ta thấy lãnh vực nghệ thuật cũng đã có nhiều chủng loại từ tân nhạc, cải lương, cổ nhạc đến phim truyện đều hiện diện có mặt rất phong phú. Đã có những cố gắng từ phía những vị trú xứ và bằng khả năng, trách nhiệm của mình thực hiện. Những công lao đó rất đáng được ghi nhận. Tuy nhiên những sản phẩm ấy chỉ dừng lại ở ngưỡng tự phát, *tự biên tự diễn*, chưa qua một hệ thống kiểm duyệt độc lập, đáng tin cậy nào, nên nội dung cũng như chất lượng rất chủ quan, vẫn còn mang dáng dấp hời hợt, không chuyên nghiệp.

Từ trước đến nay, ở Học viện Phật giáo, lác đác có mời thỉnh giảng những đề tài liên quan đến NTSKPG đang được nói đến, nhưng các diễn giả này, có người cũng là nghệ sĩ tên tuổi, cũng chỉ trình bày theo sở kiến cá nhân và những hồi ức, kinh nghiệm sống nghề; chưa có ai đặt thẳng vấn đề giữa NTSK khác với NTSKPG như thế nào và mở lối vận hành, hay ít nhất trang bị kiến thức nhất định cho Tăng Ni sinh làm hành trang hóa đạo ngày mai. Nhìn vào hàng ngũ Tăng Ni tốt nghiệp nhiều khóa trước, nay ra làm việc, nhất là các vị có chân trong đội ngũ hoằng pháp, chưa thấy có vị nào nói đến NTSKPG một cách chuyên sâu, đủ để trả lời sự thiếu vắng kiến thức này trong hệ thống giảng dạy của GDPGVN chúng ta như thế nào. Một vị giảng sư trẻ cầm đưa cho người viết một xấp giấy bản thảo một vở cải lương, hỏi tôi có ý kiến chi về vở này. Tôi thưa với thầy rằng đây không phải là nhiệm vụ của tôi và tôi cũng không được hỏi trực tiếp. Vị thầy giảng sư này thật thà nói: *"Tôi không rành lắm về cải lương. Có lẽ người ta đưa tôi xem để xin ý kiến vì nghĩ trước nhất tôi là một thầy tu..."*. Như vậy, theo quan niệm thường tình, một *thầy tu* có nghĩa là tất cả, được tin tưởng tuyệt đối là điều đáng mừng! Thế nhưng tự trong sâu thẳm của từng cá thể *thầy tu* ấy nào đâu phải ai cũng đã thông nhiều lãnh vực. Khiếm khuyết một lãnh vực nào đấy mà vẫn được trao trọng trách như là *trình duyệt* thì hết sức nguy hại. Chẳng lẽ rồi chúng ta đổ lỗi cho nhà trường rằng *tại ngày xưa trường không dạy cho tôi biết điều này* thì thật là đáng buồn!

Ngay từ bây giờ, có lẽ cũng chưa quá muộn để bổ khuyết cho GDPGVN chúng ta khía cạnh tương nhỏ này nhưng liên quan rất nhiều đến phương tiện hóa đạo ngày nay. Trước mắt, giúp cho Tăng-Ni sinh thấy được những khác biệt cũng như các mối nguy hại do chính hệ lụy thờ ơ, phó mặc lâu nay đối với một nền NTSKPG đúng đắn. Không phải ai cũng lý giải được nội dung truyện *Sái Vãi* của *Nguyễn Cư Trinh* để dặt dìu nhận thức quần chúng Phật tử về hướng thuận lợi nhất trong hoàn cảnh nào đó của trú xứ hóa đạo. Ngay như bài ca dao *"Ba cô đội gao lên chùa..."* cũng thế; thậm chí phân tích được *Chuyện tình Lan và Điệp* theo chiều hướng nhân quả - ái lụy... đã là đáng mừng lắm rồi. Như vậy cũng tức là trang bị cho Tăng-Ni sinh có đủ kiến thức và khả năng để chống chọi với những sản phẩm NTSK ngoài xã hội do vô tình hay hữu ý công kích giới Tăng sĩ Phật giáo như đã trình bày trên: *Đi tu là chán đời - thất tình - làm ăn đại bại - không chốn dung thân...*

Một cách tổng quan: Khi nào GDPGVN chưa quan tâm đến lãnh vực NTSKPG, khi ấy những xáo trộn nhận thức về chính Phật giáo và chính bản thân mỗi vị xuất gia là điều sẽ phải còn tiếp diễn. Vì NTSKPG chính là cửa ngõ đầu tiên, mở lối cho nhiều tầng lớp, thành phần đến với Phật đạo một cách dễ dàng nhất. Trước nhất GDPGVN phải hiểu NTSKPG, đánh giá đúng giá trị tồn tại của nó trong sự nghiệp hoằng hóa PGVN thời đại mới. ■



Nhớ đồng đội cũ - Vọng cổ

HUỲNH NGỌC PHƯỚC

Nói lời

*Nhìn bức ảnh này tao nhớ tuổi đôi mươi
Tuổi tao với mày phơi sương ngoài biên giới
Áo rách đôi vai, chân trần phủ bụi
Hai đứa cười lấp lánh hạt sương buông.*

Vọng cổ

Câu 1. Mày còn nhớ chăng lúc tao với mày ngoài biên giới, cùng hái trái rừng cùng chia từng ngụm nước uống đỡ cảm hơi cất bước... lên... đường. Mũi súng trên vai tiến thẳng chiến trường. Mặc cho sương khuya bao trùm cả không gian, tao với mày cứ bước từng bước trên con đường mòn nơi góc núi. Dốc đá cheo leo hai thằng tay nắm chặt, chung nghĩa, chung tình cho vui lòng non núi.

Câu 2. Nhớ những đêm khuya hai thằng ngồi bên đống lửa, nướng củ khoai lang và kể chuyện đời mình. Ở cái tuổi đôi mươi chưa ai có gia đình. Một mảnh tình vắt vai còn không trọn vẹn, chứ nói gì đến một cái hôn. Chỉ gặp em lúc đã về đêm lúc trăng nghiêng chìm vào giấc mộng. Mộng chỉ thành khi hòa bình chớm nở, chiến thẳng ta về em có đợi chờ ta?

Nói lời

Hòa bình rồi không cảnh chiến tranh

*Không đạn bom đêm khuya gào thét
Giải phóng tao về mẹ mừng bật khóc
Sao mày còn ở lại chiến trường xưa.*

Câu 5. "Anh bạn dãi dầu không bước nữa, gục lên súng mũ bỏ... quên... đời"^(*). Bỏ lại nơi đây nỗi nhớ cuối chân trời. Mẹ gầy gò sớm hôm ra đầu cửa, đợi con về chung một bữa cơm no. Gió ngoài trời xô xao lá trúc, có phải bước chân con về trên ngõ. Ngọn đèn chột tắt chén cơm đã nguội, nén nhang thơm giờ thành nhúm tro tàn.

Câu 6. Buổi chiều buồn đứng ngã ba sông, nhìn cánh cò nghiêng, nhìn dòng sông lững lờ xuôi hướng. Ánh mắt xa xăm nhớ thằng bạn cũ, đã đi rồi nhưng cứ ngỡ đâu đây. Có phải mày buồn khóc trận mưa ngâu, lục bình quặn thắt không buông mình theo hướng gió? Rượu tiễn bước mày tao cạn nửa chung, chưa nhấp lên môi mà nước mắt chảy đôi hàng.

Giọng nói ai vang vọng bên tai sao giống quá tiếng đồng đội cũ.

*"Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh!"^(*) ■*

^(*) Tây Tiến, thơ Quang Dũng

Hoà ồc tồch niên

LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG

Tôi chắc rằng mình không phải là một họa sĩ bất tài, với những màu sắc thiếu sự thật, mà đích thị là kẻ nuối tiếc những ký ức ấu thơ nằm lại đây đó trên đất Trầm. Tất cả đã sống lại lừng chừng trong cái hình hài quá khứ. Tôi nhớ mùi hương của đất, những trái dưa ngọt, màu xanh của khoai, vị cay của ớt, sự nhọc nhằn của rẫy sắn và cả màu xanh ngút mắt của nương bãi xa xa nhấp nhô giữa màu cát trắng đầy ân huệ. Đứng trước ruộng dưa xanh lấm chấm những trái non vươn mình trong gió sớm, gợi lên mùi đất cát trong trẻo xa xưa, tôi ngập trong rừng ký ức của khoảng trời mệnh mông thơ ấu nơi đất Trầm. Điều này có chút đồng dạng nào đó khi nhắc đến Marcel Proust: "... một hương thơm, một mùi vị tìm thấy lại trong những trường hợp khác lại thức dậy trong ta, và ngoài ý muốn của ta, một cái

quá khứ... thật khác biệt với cái quá khứ do ta cố tình vẽ ra, giống như những họa sĩ bất tài, với những màu sắc thiếu sự thật..."

Vùng Trầm có những đặc tính của một thung lũng. Ba mặt Tây, Nam, Bắc là núi đồi bao phủ. Phía Tây, cồn Giăng và cồn Sứ nhô lên với bạt ngàn lãng mộ bao đời của người làng, nhuộm lên cái vẻ u buồn vĩnh hằng. Núi Châu Sơn ở phía Bắc luôn xanh mát với những rừng cây, đứng ở đó sẽ thu trọn Trầm vào tầm mắt, thấy được nhịp sống không ngừng nẩy nở nơi đây. Hướng Đông, ga tàu Hương Thủy ngày đêm inh ỏi những tiếng còi đi - đến. Tiếng còi là âm thanh duy nhất phá vỡ bầu không khí yên tĩnh của Trầm mỗi sớm mai. Nó làm cuộc chia ly thêm nghẹn ngào và sự tưởng tượng sân ga vắng bóng người khi ta ngồi trên đất Trầm khiến cho cái không khí ấy thêm phần ảm đạm. Tiếng

còi ấy đi vào lòng Trầm, vào tôi, vào nỗi xa vắng đầy khắc khoải. Nhưng Trầm lại có một thứ tinh thần, ở đây tôi mượn tạm thứ “Tinh thần thung lũng” của Taitetsu Unno để nói rằng: “Trong thung lũng, sự trù phú được nuôi dưỡng và sáng tạo năng động được sinh ra”. Đúng với Trầm, với những người nông dân chân chất quê tôi, cần mẫn gieo màu xanh lên vùng đất người ta bỏ quên vì chiến tranh. Taitetsu Unno lại nói: “Thung lũng cuối cùng là nơi an nghỉ cho mọi sự bị trôi từ đỉnh núi, thu gom mọi loại bị từ chối và rác rưởi của xã hội và chào đón cái không cần đến, cái thừa, cái gây thất vọng, cái tan nát”. Trầm chứa đựng sự bao dung, cố vun vén cho sự mưu sinh đầy lao khổ của những con người cần cù. Trong sự tĩnh tại, một ngọn gió Trầm khởi sinh một niềm an lành, cộng hưởng cùng tiếng chuông chùa Thần Phù ngân vọng giữa đêm sâu.

Mỗi độ tháng Năm, tháng Sáu, gió Lào bắt đầu tràn về Trầm. Cái lưới bông rực của nó liếm lên núi đồi, lên cả vùng đất cát cày sâu cuộc bể. Gió Lào hùng hực tấp lên những cây tràm hoa vàng già cỗi, những bụi sim và đau đớn nhất là những ruộng dưa khoai đang mùa thu hoạch. Nó hung hăng quật những bóng mát ngả nghiêng, làm nhiều luống dưa khô lại trên những vồng cát. Mặt trời tháng ấy như thỏa hiệp cùng gió Lào, mặc sức buông nắng xuống Trầm, như thể ban phát một ân huệ mà không ai muốn nhận. Giữa nắng trưa cháy rất, gió Lào hòa theo nắng làm khô cát, cuốn chúng nhảy múa vô hồn giữa nương rẫy. Những đợt gió tràn về mỗi lúc mỗi lớn, cày xới từng hạt cát, vồng dưa, bụi cỏ khiến quang cảnh mịt mù như trước một cơn giông. Tôi hãy còn nhỏ lắm, ngồi trong trại canh nhìn ra ngoài với sự bất lực và sợ hãi. Bà tôi ngồi cạnh đẩy nhai trầu như thể thách thức với gió Lào, với nắng. Bà quen rồi, quen cái nắng gió nóng bỏng, hách dịch ấy và cách duy nhất là chịu đựng. Da bà tôi đã nhăn như một tàu lá chuối khô, dần sạm đen trong những ngày gió Lào khốc liệt. Tôi thương bà quá, thương rách cơm trắng với dăm miếng cá kho, dưa vại, dưa lên miệng đã rện rạo cát khô.

Độ bốn, năm giờ chiều, gió Lào yếu dần, mệt mỏi thổi những hơi nóng còn lại lên vùng đất bị giằng xé sau một ngày dài. Đến khi sức lực của gió không đủ xô nghiêng một ngọn cỏ, nó âm thầm chìm vào núi đồi ngủ nghỉ, để rồi trưa mai, một trận gió Lào hung hăng khác lại điên cuồng xung trận, gieo khô hanh, nóng rẫy xuống vùng đất tội nghiệp. Ngày nắng cháy là thế nhưng khi chiều xuống, cả vùng Trầm dịu đi một cách lạ thường. Tôi nhỏ bé đứng trên cồn đất dựng trại nhìn Trầm yên ả một màu xanh. Những làn gió núi thổi ra nhẹ, làm bay bay những cọng tranh vàng trên mái. Một vài con ong đất cần mẫn chích mật những bông cỏ trai cuối ngày. Nắng bắt đầu nhạt đi, thay vào đó là màu vàng của tơ non rải rác buông xuống những ruộng dưa hãy còn khô khát. Giờ này nhìn về cồn Giăng, nơi yên giấc nghìn thu bao đời của người làng, một màu

buồn dại phủ lên. Nắng chiếu thấp qua những lăng mộ, để lại bức họa cảnh xám xịt, nhấp nhô những trụ biểu đâm lên trời mây thấp. Mỗi lần nhìn về hướng ấy, lòng tôi thất lại trước bao cuộc vinh hằng chia phôi. Ông nội tôi ở nơi ấy, bà bảo thế mỗi lần tôi nhìn về Giăng. Tôi đã đến thăm mộ ông mấy lần, một mộ đất đầy cỏ dại với một bia xi-măng mòn tên mòn tuổi.

Những kí ức về Trầm bị xé mảnh, vỡ vụn đi khi đám mây kéo đen bầu trời Huế, một ánh chớp lóe lên, tiếng sấm ầm ầm giận dữ trên hàng cây đương hoa mùa hạ. Trong cơn mưa vỗ vập của phố, tôi sống lại thời bé thơ, trong cơn giông dữ dội đổ xuống trên đất Trầm năm xưa. Đó là một ngày đầy u ám của những ruộng dưa cuối mùa, phơi trong cái nắng gay gắt mùa hè. Tôi cùng em trai mang giỏ vào mót những quả dưa còn lại để về bỏ muối. Chúng tôi chạy tung tăng trên những ruộng dưa suốt buổi trưa. Dưa cuối mùa quắt queo tội nghiệp, nhiều trái vàng hoa đi, rữa ra. Cái giỏ mang theo bòn mót vất vả lắm chỉ được dăm trái. Giữa chiều, nắng nhạt đột ngột, một bóng mây đen u ám kéo về che khuất mặt trời. Bầu trời bỗng dung tối đi như thể có ai đó choàng lên một tấm áo đen ngọt ngọt. Những con chim rừng dáo dác bay bay trên cao, màu trắng của chúng in đậm trên cái phông nền đen kịt. Bốn bề im lặng và núi đồi tự nhiên xa thăm thẳm. Mây mỗi lúc mỗi dày hơn, có cảm giác như trời sắp sụp xuống Trầm. Phía cồn Giăng, một vài ánh chớp lóe lên dài nhằng như sợi dây điện. Ầm... ầm... ầm, sét đánh kinh thiên bằng thứ âm thanh khô khốc, nhói buốt. Những tiếng í ới gọi nhau khắp Trầm, người ta dùng việc vác cuốc về nhà. Hai anh em tôi ngỡ ngác trước sự đổi thay nhanh chóng đó, không biết đi đâu vì còn phải chờ ba vào đón. Một vài giọt mưa nặng hạt rơi xuống Trầm, nhỏ vào mặt tôi lời cảnh báo. Những giọt nước mưa đầu cơn giông to như viên cuội ném lên người tôi. Những tia chớp bây giờ chạy từ cồn Giăng lên đồi Châu Sơn, lại kéo nhau chạy về phía ga, khiến cho cả đất Trầm ngập tràn ánh chớp giằng xé. Mưa bắt đầu ào ạt trút xuống. Chúng tôi chạy nhanh đến trại lá đã tả tơi sau một mùa dưa. Hai ba đứa trẻ khác cũng chạy đến trú, mặt đứa nào đứa nấy tím tái vì sợ. Sấm nổ như trái phá, đùng đoàng khắp nơi. Sự sống bấy giờ rất mỏng manh nếu chỉ một tia sét giáng xuống trại, chúng tôi tựa vào nhau bó gối nhìn ra ngoài. Mưa mỗi lúc mỗi lớn, rào rạt phủ lên mặt đất. Gió thổi như bão, thốc từng dây dưa khô héo, cuốn những hạt cát chưa thấm nước mưa chạy sà sạt dưới chân. Mưa gió thốc lên mái tranh, chỉ phút chốc chúng tôi đã sũng nước, lạnh run người.

Ngoài kia, sét đánh gãy những thân cây tràm hoa vàng. Sét ngày ấy dạy cho tôi bài học về sự chịu đựng, lắng nghe tiếng thiên nhiên thét gào, thấy được những trạng tính tự nhiên đang bị chìm sâu. Một tiếng sét hần lên thung lũng hay ý niệm về sự thức tỉnh, là linh ảnh ta nắm giữ, khai mở một khoảng ngộ trong một thời khắc giao hòa giữa bình yên và cuồng nộ. Những tiếng

sét vô tri phút chốc bỗng trở thành thứ ngôn ngữ ám gợi, siêu năng. Giờ đây, tôi có thể hiểu tiếng sét là một trong những cái duy nhất có thể biến chuyển sự mặc định. Nó làm biến đổi những thứ vốn dĩ bằng lòng với thực tại, sự yên bình hay đau khổ. Sét cắt xé và chia những tính phận của tôi, chúng ta, nhân loại hay tự nhiên này.

Trong cái trại nhỏ, mưa thốc bốn bề và những tia sét cày trên mặt đất, tôi bé thơ không đủ can đảm để chạy đi nơi khác, mà chạy đi đầu giữa mệnh mỏng Trầm, xối xả mưa và đầy sấm sét. Tôi nghĩ là sét thờ than, sét quát tháo, sét điên cuồng... vì một ẩn ức nào đó. Sau này cơn giông qua, nhiều cây cối bị mưa gió quật gốc, sét đánh gãy, một vài trâu bò chết tức tưởi bởi những tia điện trời. Sự sống thật khốc liệt và không lường được. Chưa bao giờ tôi lạnh, sợ và bất lực như thế. Mưa lạnh ngấm vào tận xương, người run bắn như một kẻ sốt rét. Chúng tôi dựa vào nhau để chống chọi, nhưng rồi những cơ thể nhỏ bé chỉ làm cho màn cộng hưởng run, sợ kia dữ dội lên thôi. Mưa trắng xóa đất trời, và đó là nỗi thê lương gieo lên Trầm chất buồn bã hiếm khi. Gần hai tiếng đồng hồ chịu đựng cơn giông, chú Phùng, một người bạn của ba bằng mưa gió vượt đến trại bé em tôi và dắt tôi cùng mấy đứa khác đi ra xóm. Những bóng người xiêu vẹo trong mưa, chân đi như muốn xô ngã, chéo lệch trên mặt đất đã bị bõm nước. Tôi ngoái nhìn đằng sau, màu xanh của Trầm biến mất,

chỉ còn một khoảng bao la mưa phủ và nước bao vây trắng màu nương bãi.

Cơn giông ấy đã qua đi, để lại một niềm mãnh liệt trong tâm hồn tôi, nuôi dưỡng những cảm thức không bao giờ quên lãng về Trầm. Nơi cả nhà tôi, bà con, chòm xóm tôi bao ngày tháng chăm chút cảnh xanh, trái ngọt. Tôi nhớ ba những sáng chở bao dưa to tướng bằng chiếc xe đạp còi cộc để lên tận chợ An Cựu. Nhớ những ngày ba vác cuốc xới từng thớ đất trồng dưa, vun vồng trồng khoai, mỗ hôi ba chảy xuống đất Trầm, làm mận đi giầy phút đất lạnh. Giờ ba đã về cõi vĩnh hằng, chọn đất cỏn Sứ xa xa, ngoảnh đầu thấy Trầm mỗi sáng chiếu, thấy hồ Châu Sơn nước đong đầy bên mát. Sống ở Trầm và chết về Trầm, ba ơi, cát bụi chân ai còn bay mãi giữa đất Trầm mệnh mỏng. "Những ngày và những tháng đều là kẻ lữ hành của thiên thu", tôi xin ký thác tất cả vào Trầm, vớt vát những gì của ấu thơ còn lại, của mùi mỗ hôi ba ấm nồng trong đêm ngủ giữa ruộng dưa ngập ánh trăng hiền.

Tim cách gợi lại những bóng hình của quá khứ, là việc không phải của riêng tôi, kẻ đã thất lạc mình giữa những xa vắng lung linh, mà là nỗ lực của tất cả những ai từng sống trọn vẹn trong dung ảnh xa xưa của một thời nào đó, đến không bao giờ nhòa xóa đi, không bao giờ quên lãng. Tôi chắc mình không hoài công khi cố lục lọi những gì còn lại của Trầm, của gia đình tôi, của những con người đánh đổi thời gian và sức lực trên màu xanh vĩnh cửu hoa màu. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miền Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,
 Q.5, PD: Diệuh Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triểu, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakin.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên,
 CT TNHH Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
CT Nền Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ

CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngành : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận
 (namgiaio1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **452 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**

Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập



Những truyền kỳ về địa danh Vàm Đồi Ma!

MINH THƯƠNG

C ho đến nay các nhà khoa học vẫn chưa thể lý giải thỏa đáng, cũng như chưa thể trả lời dứt khoát được rằng trên đời này có ma quỷ hay không.

Có lẽ đến khi nào con người chưa thể trường sinh bất lão, chưa lý giải được hết phía sau cái chết là gì, thì chuyện... ma quỷ vẫn tồn tại. Cũng như những nơi khác, dân gian đồng bằng sông Cửu Long còn lưu giữ nhiều chuyện mang đậm màu sắc liêu trai. Lần theo sách sử và thực tế điền dã, chúng tôi xin có đôi điều suy ngẫm về địa danh Vàm Đồi Ma thuộc địa phận Gia Định xưa, gọi là mua vui với thân hữu xa gần!

Cách Vàm Nhựt Tảo khoảng vài trăm thước tây, hướng về phía thượng lưu có một con sông nhỏ là chi lưu của sông Vàm Cỏ Đông, nằm ở bờ Nam, thuộc địa phận huyện Cần Đước, trên bản đồ ghi là rạch Đồi Ma. Nơi hợp lưu giữa rạch này với sông Vàm Cỏ Đông được gọi là vàm Đồi Ma. Rạch Đồi Ma chảy qua địa phận của các xã Long Cang, Long Sơn, Phước Vân, Long Hòa, Tân Trạch của huyện Cần Đước, thuộc Long An ngày nay.

Những người già sống trọn đời ở vịnh Đồi Ma cho biết, nơi đây xưa kia rộng và sâu hơn bây giờ rất nhiều, ghe tàu thường xuyên ra vào. Thuở ấy, cách nay hàng trăm năm trước, hai bên bờ rạch chỉ toàn dừa nước mọc

kín, hoang vắng và thưa người. Ngay vịnh nước chảy rất xiết, một mình không ai dám lội qua vùng nước xoáy.

Xung quanh cái tên Đồi Ma, có rất nhiều giai thoại ly kỳ khác nhau. Câu chuyện mà người dân hay kể lại nhất, là câu chuyện tình yêu đầy ngang trái của một đôi trai gái. Thuở xưa có gia đình họ Nguyễn và họ Phạm ở hai bên bờ vịnh. Họ Nguyễn chết để lại người vợ góa bụa và cậu con trai côi cút tên là Nguyễn Nghị. Bà góa phụ họ Nguyễn từ đó thủ tiết thờ chồng, tần tảo buôn bán nuôi con ăn học. Cậu bé Nguyễn Nghị từ nhỏ đã hiếu học, nổi tiếng là một nho sinh ưu tú khắp vùng. Nhà họ Phạm thấy Nguyễn Nghị học giỏi nên yêu quý, hứa gả con gái là Phạm Thị Nữ cho, còn chu cấp tiền bạc cho Nguyễn Nghị ăn học. Không may mẹ Nguyễn Nghị bị bệnh nặng rồi qua đời, mọi việc chôn cất tang ma đều do nhà họ Phạm lo.

Sau cái chết của mẹ, Nguyễn Nghị phần do đau buồn quá, phần do lo học thi quá sức nên mắc bệnh nan y. Nhà họ Phạm lo thuốc thang chạy chữa mãi nhưng bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Cô con gái Thị Nữ muốn xin phép gia đình qua nhà Nguyễn Nghị chăm sóc người yêu nhưng không được chấp thuận, vì theo lễ giáo phong kiến thời ấy, khi chưa cưới hỏi thì chỉ được thăm hỏi chúc lát mà thôi.

Một thời gian sau thì Nguyễn Nghị chết, nhà họ Phạm lo đám tang cho cậu, rồi chôn ngay trong nền nhà vì nhà họ Nguyễn không còn ai. Nguyễn Nghị mất, Thị Nữ nhớ người yêu mà sinh bệnh thất tình, cha mẹ khuyên nhủ thế nào cũng không được. Mặc tâm bệnh một thời gian, cô gái cũng theo người yêu mà đi. Trước khi chết, Thị Nữ trăng trối muốn được chôn cạnh mộ Nguyễn Nghị. Cha mẹ làm theo lời cô, chôn cất đôi trẻ ở cạnh nhau. Kể từ đó, vào ban đêm, thỉnh thoảng lại có người kể rằng bắt gặp đôi uyên ương thơ thẩn cùng nhau bên bờ rạch. Tiếng đồn bay khắp một vùng nên mọi người gọi tên đoạn kênh đó là vịnh Đồi Ma.

Còn có một câu chuyện tình khác được kể ở vịnh Đồi Ma này. Theo bản dịch "*Nam Kỳ lục tỉnh dư địa chí*" của Duy Minh Thị¹, sự tích về vịnh Đồi Ma được ghi lại như sau: Một đôi trai gái yêu thương nhau; chàng là học trò nghèo, nàng là tiểu thư lá ngọc cành vàng. Cha mẹ nàng không ưng thuận mối nhân duyên này, mặc dù nhà chàng đã nhiều lần cạy người đến cầu xin. Rất tiếc cha mẹ nàng nhất quyết từ chối cuộc hôn nhân. Nhưng nàng đã quá yêu chàng; đáp lại, chàng cũng nguyện cùng sống chết với người yêu.

Chờ đợi, thuyết phục mãi mà cha mẹ cô gái vẫn nhất quyết không đồng ý, còn ra sức cấm cản đôi trai gái yêu nhau, không còn cách nào khác, một ngày đợi đêm xuống, hai người dắt nhau lội qua rạch, toan tìm đường trốn đi nơi khác để được ở bên nhau. Chẳng may cả hai đều chết đuối. Khi xác nổi lên, đôi trai gái vẫn còn nắm chặt tay nhau. Cha mẹ hai bên động lòng thương xót, chôn họ chung một chỗ.

Ít lâu sau, nhiều người kể rằng đôi nam nữ này thường hiện lên gần đoạn rạch mà họ bị chết. Nơi vịnh này, người ta thường thấy có bóng uyên ương kể cặp nhau lúc trời trưa đứng bóng, hoặc lúc trời chạng vạng tối có đôi đom đóm lập lòe trên cành cây, mé rạch. Vì thế dân trong vùng đặt tên là vịnh Đồi Ma hay Song Ma, còn có cả miếu thờ ở khoảng đất trống ngay mé kênh. Sau này đến tên ấp họ cũng lấy tên là ấp Đồi Ma.

Trong *Đại Nam nhất thống chí* quyển V² trang 217, chép như sau: "Cách huyện Cửu An 22 dặm về phía nam có một con sông gọi là sông Song Ma. Tương truyền ngày trước người con gái nhà giàu, tuổi cập kê, mê người học trò họ Nguyễn, mà người học trò thì người nhà nghèo, không dám nhờ mối lái nói việc kết hôn, vì thế người con gái mắc bệnh tương tư trầm trọng rồi chết; cha mẹ cô rất đổi thương tiếc, không nỡ chôn vội, bèn làm cái rạp sau nhà làm chỗ quàn; vì cô gái đã chết, cậu học trò bèn thất cổ chết ở cạnh chỗ quàn, người ta quàn chung họ lại với nhau. Do đấy âm khí kết tụ lâu ngày thành yêu tinh. Sau đó cha mẹ cô gái ấy đều chết, không ai chôn cất thành ra chỗ quàn xác hai người, cây cối mọc lên như rừng, yêu khí càng ngày càng thịnh, người ta khó chịu, bèn gọi chỗ ấy là xứ Song Ma, để bảo nhau xa tránh. Sau quân Tây Sơn

đánh chiếm cứ khu vực này cho thiêu hủy nhà quàn, yêu quái mới hết hẳn".

Dù sự thật thế nào thì địa danh ấy cũng được dân gian tạo và lưu truyền đến ngày nay. Cũng từ địa danh ấy, hậu thế có thể nhận thấy rằng những ngày đầu cư dân xa xứ đến đây dựng làng, lập ấp cảnh vật quá hoang sơ, rừng rậm, cỏ hoang ngút đầu người.

Đúng là:

*Cỏ mọc thành tinh
Rắn đồng biết gáy.*

Trong cái không gian rợn ngợp ấy, kết hợp với sự tò mò, có thể dân gian đã hư cấu nên những chuyện ly kỳ nhằm giải thích những sự kiện mà khả năng tư duy của thời bấy giờ chưa thể lý giải, từ đó góp phần hình thành một tên gọi.

Ở một góc độ khác, chúng ta có thể khẳng định rằng tình yêu lứa đôi là khát vọng muôn đời của con người. Ngay cả khi rơi vào nghịch cảnh trái ngang, họ vẫn bền lòng chung thủy, vẫn thực hiện trọn lời thề non hẹn biển, sống không đồng tịch đồng sàng, thề quyết đồng quan, đồng quách. Về đẹp trong tâm hồn của người xưa như vậy đó.

Hơn một thế kỷ đã trôi qua, người dân ấp Đồi Ma vẫn còn giữ lại đó những giai thoại nhằm lý giải về một khúc sông gắn liền với sự ra đời tên ấp, tên làng, gắn liền với một thời kỳ lịch sử đã lùi xa vào dĩ vãng. Việc thuật lại những mẩu chuyện truyền kỳ như trên cũng không ngoài mục đích thể hiện sự trân trọng đối với tư tưởng, tình cảm của người dân ở những địa phương khác nhau trên đất nước ta. ■

Chú thích:

1. Duy Minh Thị, *Nam Kỳ lục tỉnh dư địa chí*, Thánh Mẫu in năm 1944 - 105 trang. Nhà văn Duy Minh Thị tên thật là Trần Quang Quang viên chức hành chánh thời Pháp mới chiếm Nam Kỳ, nguyên quán huyện Duy Minh (tên cũ của phủ Hoàng An, tỉnh Vĩnh Long) sau là tỉnh Bến Tre, tên Nôm xưa gọi là Rạch Nước Trong, (nay thuộc huyện Mỏ Cà, tỉnh Bến Tre) không rõ năm sinh, năm mất.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* in trong *Tổng tập dư địa chí Việt Nam*, Nxb Thanh Niên, 2012.



Tinh hoa ẩm thực từ Sắn

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

Đối với người Việt Nam chúng ta, tuy hạt gạo là lương thực chủ đạo nhưng những loại nông sản khác như ngô, khoai, sắn... cũng có một vị trí nhất định trong đời sống.

Văn học dân gian Việt Nam có câu:

*"Được mùa chớ phụ ngô khoai
Đến khi thất bát lấy ai bạn cùng".*



Sở dĩ được ca ngợi như vậy một phần vì có thời gian chúng trợ đói tích cực cho con người những ngày "giáp hạt", phần khác vì những món ăn chế biến từ chúng được người Việt ta trân quý như những món quà quê gọi là "lộc đất" chan chứa bao kỷ niệm.

Ví như củ sắn hay còn gọi củ khoai mì, hẳn cũng ít người biết gốc gác của nó từ tận châu Mỹ xa xôi, theo bước chân du hành của con người đến Việt Nam rồi trở thành cây lương thực phổ biến, nhất là ở các vùng miền núi và cao nguyên, song nói đến món sắn luộc hay sắn nướng thơm mùi thì hầu như ai cũng biết bởi nó nhắc nhớ tới miền ký ức tuổi thơ một thời của bao người.

Có dịp ở Huế mấy năm nay, tôi được mở mang hơn về nhiều thứ, nhất là những kiến thức về văn hóa ẩm thực. Người đầu bếp Huế vốn được biết đến là vừa giàu kinh nghiệm như những nghệ nhân dân gian lại vừa tài hoa như người nghệ sĩ. Ngay cả những nguyên liệu đơn sơ, bình dân như búp chuối, quả vả, quả cà, con hến, con tôm... khi đã qua bàn tay của họ, những thức ấy đều có thể trở thành những món ăn vừa ngon vừa

trinh tế. Không nói đâu xa, chỉ cần nguyên liệu chính là củ sắn, bằng nhiều cách thức chế biến, người đầu bếp Huế đã tạo ra một bữa tiệc thịnh soạn với những món ăn vừa quen lại vừa lạ, vừa dân dã lại cao sang: sắn luộc, sắn hấp cốt dừa, bánh canh cá lóc, bánh bột lọc, bánh phu thê, chè bột lọc... mà món nào cũng đem đến một dư vị đặc biệt khi thưởng thức.

Sắn luộc thì ở đâu cũng có, nhất là nơi thôn quê, song nó là món ăn theo mùa. Riêng ở Huế, dường như sắn luộc có mặt quanh năm. Ở bất kỳ góc chợ nào cũng có một đến hai người ngồi bên mẹt khoai sắn luộc nhanh tay cắt bán cho mọi người. Sắn luộc ở Huế thường là sắn trồng ở đất đồi khô cần sỏi đá nên củ nhỏ nhắn thon dài. Khi đã được luộc, sắn có màu trắng đục, đầu to thì bở thơm, đầu nhỏ lại dẻo ngọt đến lạ. Những dịp cúng cấp ở Huế như cúng 23/5 (cúng cô hồn), cúng đất hàng năm... trên mâm lễ vật có thể thiếu nhiều thứ cao lương mỹ vị chứ không thể thiếu một đĩa khoai sắn luộc thanh đạm. Người ta bảo đó là món "lộc đất" thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đến những bậc tiền nhân có công khai canh khai khẩn.

Câu kỳ hơn món sắn luộc là sắn hấp cốt dừa. Để làm món "ăn chơi" này cũng là một quá trình tỉ mỉ. Sắn được chọn là những củ to, gọt vỏ, ngâm nước rồi cho vào nồi luộc hoặc hấp. Khi sắn chín, chỉ những củ bở trắng mới được chọn để xắt thành miếng vừa ăn. Xong đâu đấy mới cho sắn ngâm vào thau nước cốt dừa đặc đã được lọc sắn cho thấm đều. Lúc này, bắc nồi nước hấp sắn lên bếp là vừa. Người đầu bếp Huế còn kỳ công mua cho được dăm bảy lá dứa (lá cơm nếp) để cho vào nồi nước. Khi nước hấp sôi lên, tỏa ra hương thơm mát như mùi cốm mới, thì vớt sắn từ thau nước cốt dừa cho vào nồi. Khoảng mười lăm phút là có được một món ăn mang đầy đủ mùi vị bụi và ngậy. Ăn sắn hấp cốt dừa phải có thêm đĩa đậu phộng rang giã nhỏ trộn với đường trắng. Vị thơm của đậu, sắn và dừa quyện vào nhau tạo nên một hương vị gần gũi thật ngon và lạ miệng, có thể ăn đến no bụng mà không ngán. Những buổi trời se lạnh, rong ruổi trên những con đường vắng, bắt chợt gặp mùi thơm từ xe bán sắn hấp cốt dừa ngang qua đã thấy cồn cào đến nao lòng.

Ngoài những món chế biến trực tiếp từ củ sắn, người Huế còn sơ chế sắn củ bằng cách mài thành bột lọc. Rồi từ bột lọc có biết bao đặc sản lại ra đời.

Bánh canh là món ăn ngon có thể nấu với tôm, xương heo và thịt heo, song phổ biến nhất là nấu với cá lóc đồng vì nó cho nước dùng vị ngọt thanh mà đậm đà. Món ăn này đắt khách nhất là mùa mưa bởi vào bất kỳ quán bánh canh bình dân nào ở Huế cũng có cái cảm giác ấm áp từ hai bếp than hồng với hai nồi nước lúc nào cũng lăn tăn sôi bốc khói. Khi có khách vào ăn, đầu bếp mới cán mỏng bột lọc vào một vài ống tuýp nhựa rồi dùng dao sắt thành sợi cho vào nồi nước sôi. Đợi bột lọc chuyển thành màu trắng đục thì vớt ra tô, gấp thêm mấy miếng cá lóc đã rim gia vị và một chút hành tằm thái nhỏ vào bát, chan nước dùng đang sôi vào là có một tô bánh canh cá lóc độc đáo. Thực khách thường thích tô bánh canh ấm nóng lúc trời Huế đổ mưa đêm rả rích thì không có gì thích thú bằng.

Huế còn nổi tiếng với nhiều thức bánh trái, song bánh bột lọc là chiếc bánh thân quen nhất. Nó là món quà dân dã theo chân các o, các mẹ đi khắp các nẻo đường từ nông thôn đến phố thị. Bánh thì có loại gói lá chuối sù nhân tôm thịt, bánh nhồi trần nhân tôm thịt, bánh nhồi trần nhân đậu xanh ráo mặn...

Để làm được mớ bánh bột lọc ngon trước hết phải nuôi bột trong nước nhiều lần bằng cách bóp bột vào thau nước sạch, để lắng rồi gạn hết phần đục và chua đi. Bột nuôi xong phải nhồi thật khéo léo. Bóp bột thật mịn rồi vo tròn một phần tư số bột cho vào nước đun sôi. Khối bột chín tái thì vớt ra để nhồi với ba phần tư số bột còn lại cho đến khi mềm và dẻo thì thôi. Nhân bánh bằng đậu xanh hay tôm thịt cũng đều được chế biến kỹ với hành, tiêu, mắm muối, dầu phi hành thơm vừa vị. Khâu nặn bánh hay luộc bánh mới thật tỉ mỉ và nhẫn nại. Vo tròn bột đã nhồi cỡ viên bi giữa hai lòng bàn tay rồi tán mỏng, tiếp đó cho nhân vào giữa rồi khẹp mí sao cho chặt mà không nát vỏ bánh mỏng manh. Xong đầu đũa mới cho bánh vào nồi nước sôi có nêm chút muối và dầu. Khi bánh nổi lên là chín thì vớt nhẹ ra thau nước lạnh rồi cho vào tô lớn rưới thêm chút dầu phi hành làm cho bánh vừa thơm lại không dính vào nhau.

Chiếc bánh bột lọc chín, phần vỏ bánh có màu trắng trong veo như thủy tinh, nổi lên phần nhân hồng hồng của tôm hay vàng ruộm của đậu xanh. Nhìn đĩa bánh bột lọc nõn nà, đẹp mắt bên chén nước mắm ngọt hay xì dầu điểm thêm mấy lát ớt đỏ tươi dù chưa ăn cũng thấy thèm rồi!

Cũng là bột lọc, đậu xanh, dừa nạo sợi, người đầu bếp Huế còn làm ra một thức bánh thường xuyên xuất hiện trên mâm lễ vật mỗi khi cưới hỏi, đó là bánh phu thê. Nguyên liệu làm bánh giản đơn được kết hợp với nhau tinh tế rồi đặt gọn vào một chiếc hộp vuông nhỏ xinh tét bằng lá dừa tươi, sau đó đậy nắp lại và cho vào nồi hấp. Khi bánh chín có màu trong suốt như miếng thạch, ăn rất mềm, ngọt và bùi. Nếu như bánh bột lọc



là món ăn dân dã thì bánh phu thê lại được “quý tộc hóa” để chuyên chở một ý nghĩa tinh thần, đó là cầu mong âm dương hài hòa, cầu mong cho những đôi lứa trăm năm vuông tròn, hạnh phúc.

Bữa tiệc ẩm thực từ nguyên liệu sẵn sẽ là thiếu sót nếu như không nhắc thêm đến món chè bột lọc. Bột lọc nhồi được vo tròn bằng viên bi nhỏ, nhân bên trong là một miếng dừa tươi xắt hạt lựu. Nước đường đun sôi thì cho bột lọc đã nặn vào. Bột lọc và nhân dừa chín có màu trắng trong như hạt ngọc cho thêm chút gừng tươi thái sợi vừa tạo vị cay nhẹ và độ thơm khi thưởng thức. Đây là món quà đơn sơ, bình dị mà không kém phần ngon miệng, ngọt ngào mỗi khi có dịp đến Huế.

Có thể nói, từ củ sắn thô sơ đến những món ăn rất đời thường của xứ Huế, tất cả đều thể hiện một trong số những triết lý ẩm thực của vùng đất cố đô; đó là sự đa dạng, phong phú hay độc đáo trong hương vị của món ăn không hẳn do sự phong phú của nguyên liệu mà phụ thuộc rất nhiều vào tính sáng tạo trong việc chế biến của người đầu bếp. Vì vậy, ai đã đến Huế và thưởng thức qua vài món ăn chế biến từ sắn hẳn sẽ rất ngạc nhiên để sẽ có lòng trân quý hơn đối với những loại nông sản bình dị của đồng đất quê hương Việt Nam; và càng biết ơn những con người tài hoa, khéo léo đã tạo ra những món ngon xứng đáng là tinh hoa ẩm thực cho đời. ■

Ngày về

ĐẶNG THỊ HOA



Tôi trở về, sau một năm đàng đẵng xa quê. Quê tôi mùa này con nước lên cùng với những cơn mưa dai dẳng, rả rích đêm ngày. Từng hạt mưa nhẹ nhàng buông mình giữa đất trời, mang theo chút ưu sầu, vô tình rơi thấm vào da thịt kẻ đi đường, cả sống lưng tôi tê tái, lạnh ngắt. Một nỗi buồn sâu thẳm, chôn chặt lâu ngày bỗng trở dậy, hiện hình thành giọt lệ trên đôi mắt trong veo.

Tôi đã về đến con suối đầu xóm nhỏ. Lặng nhìn quê hương đã đổi thay rất nhiều. Cây cầu bê-tông bắc ngang dòng suối. Tôi rảo bước trên từng nhịp cầu mà nghe lòng man mác buồn, như một cơn gió vô tình thoảng qua đem cái giá lạnh mùa đông gieo vào lòng người.

Tôi nhớ đến ba tôi, nhớ những ngày miền Trung lũ lụt. Sao quên được một thời ấu thơ mà con đường đến lớp được đổi bằng tính mạng cả cha và con. Thuở ấy, mỗi buổi sáng đi học là một cuộc phiêu lưu. Tôi tưởng mình là chàng hoàng tử được cỡi trên mình con “bạch mã” như trong những câu chuyện cổ tích mẹ thường hay kể. “Bạch mã” của tôi không phi nước đại để đi qua đại ngàn, “bạch mã” chỉ lội suối, con nước lớn lắm, găm giữ và hung bạo. Tôi không ngồi trên lưng, vì “bạch mã” luôn đong đòng tôi trên vai, hai tay tôi ghì chặt mái đầu có chỏm tóc muối tiêu đã dày dặn nắng mưa ấy. Bạch mã rướn mình gồng hết sức, chiến đấu với dòng nước như những con giao long khổng lồ đang lên cơn giận dữ điên cuồng, để đưa tôi sang được bờ bên kia đi tìm cái chữ. Mùa này đôi bàn chân “bạch mã” chi chít những vết hà ăn mà tôi chẳng bao giờ đếm hết bằng mấy phép toán tuổi thơ, như hàng hà sa số những nỗi vất vả từng ngày, từng ngày “bạch mã” phải trải qua. Lớn lên, tôi mới hiểu hết rằng những ngày ấy không phải trò phiêu lưu trong câu chuyện cổ tích, đó là những giờ phút đối mặt với tử thần. Đôi lúc nghĩ lại tôi chợt rùng mình khiếp sợ và thấy thương ba - “bạch mã” của tôi nhiều hơn.

Tôi vào đại học, ba tôi lại phải đi xa, cả năm trời ba không về thăm quê. Quê tôi miền Trung quanh năm nghèo đói, hạn hán lũ lụt liên miên, bao đời nay vẫn vậy. Chả trách sao con người miền Trung cục mịch nóng nảy. Ba tôi rời bỏ quê hương, nơi chôn chặt những đau thương, mất mát lẫn những niềm vui con trẻ của ba từ thuở bé. Ba đi xa, đi để kiếm tiền lo cho hạnh phúc, tương lai của con. Ngày ba đi, tôi ngậm ngùi không dám nhìn theo, tự hứa với lòng “con sẽ cố gắng”...

Lặng lẽ suy tư, mưa đã làm tôi ướt sũng. Qua hết cây cầu, tôi chẳng biết mình đã đi đến đâu. Chợt chùn bước, một cảnh tượng thân quen quá đỗi, kia cây xoài to tướng ngang ngõ, cây xoài mà những trưa hè tôi mắc võng đu đưa, nghèo ngao hát những bài đồng dao, rồi kè kè cầu muối ớt cay xè, đợi những trái non rụng xuống, vội vàng phủ nhẹ lớp bụi rồi cho vào miệng cắn nghe giòn tan. Hẳn vẫn đứng đó, trầm ngâm trong cơn mưa chiều. Hẳn đang đợi tôi, phải rồi hẳn đợi đứa bạn thân mà lâu lắm hẳn không còn được nghe tiếng rủ rì đọc bài mỗi trưa hè nắng gắt.

Mẹ! Tôi cất tiếng nghẹn ngào. Mẹ tôi nay đã già đi nhiều lắm, những tháng ngày chờ chồng mong con mòn mỏi đã hằn in thêm trên trán mẹ chẳng chịt những nếp nhăn. Mẹ vẫn vậy, vẫn đội chiếc nón cời tà tơi, cũ kĩ. Nhiều lần tôi nhắc mẹ bỏ đi mua lấy cái nón mới mà đội, mẹ vẫn khư khư giữ lấy nó, như giữ một món kỷ niệm không bao giờ rời bỏ. Dưới cơn mưa chiều, thân mẹ gầy liêu xiêu, khoác tấm áo tơi tự chế, mẹ một mình cặm cụi bên giàn khổ qua. Nghe tiếng con gọi, mẹ tưởng mình đang mơ, nỗi nhớ con khắc khoải bỗng vỡ òa trong hạnh phúc. Nhìn sâu thẳm vào đôi mắt mẹ, tôi hiểu được phần nào giọt nước mắt mặn chát, ứ đọng chứ chẳng bao giờ lăn dài trên má...

Tôi về nhưng không báo mẹ biết. Tôi muốn dành cho mẹ hạnh phúc bất ngờ, hơn nữa tôi cũng không muốn mẹ biết tin mình về, để mẹ khỏi vất vả chuẩn bị những thức ăn ngon cho tôi. Từ ngày hai chị có chồng, ba đi xa, tôi đi học, mẹ thui thủi một mình, lấy con gà, con vịt làm bầu bạn, mình mẹ lo toan hết mọi việc từ ruộng nương đến giỏ chạp. Ngày hai bữa cơm, mẹ chỉ ăn với bát canh khổ qua xắt lát. Thuở nhỏ, tôi chẳng bao giờ ăn được cái thức ăn đắng nghét ấy. Chiều nay, quanh mâm cơm, có tôi và mẹ, vẫn bát canh khổ qua như mọi ngày, nhưng tôi thấy sao ngọt dịu chứ không còn đắng chát nữa. Nhìn tôi ăn ngon lành, mẹ cười hiền và bảo rằng: “Con của mẹ nay đã lớn...”. Tôi đáp lại lời mẹ bằng một nụ cười trẻ thơ.

Ngoài trời mưa đang tí tê gì với mái hiên thì phải; nhẹ nhàng và êm ái, từng hạt mưa nghiêng nghiêng giữa ánh điện hắt ra từ trong nhà. Tôi thấy lòng mình ấm ran khi được về với mẹ, được trở thành đứa con nít ngây ngô như ngày nào. Cuộc sống ngoài kia bộn bề những lo toan, tính toán, một lần trở về thấy sao lòng bình yên lạ kỳ.

Ước gì ba cũng về, mẹ nhỉ! ■

Tôi sẽ viết về một dòng sông

VÂN GIANG

Ảnh: Thu Sang

Tôi đã đi qua đi lại biết bao lần trên chiếc cầu này. Lần nào, tôi cũng quay ngang, quay ngửa, nhìn dọc nhìn xuôi phía dòng nước thao thiết chảy bên dưới. Tôi nghĩ rằng một ngày nào đó, tôi sẽ viết về nó, tôi sẽ cố gắng đặc tả cho bằng được cái vẻ đẹp nên thơ đã đi vào biết bao nhiêu trang sách, bao nhiêu áng văn chương của những người sinh ra và lớn lên ở đây, hoặc vài kẻ chỉ mới dùng chân ghé lại vài ba ngày thôi, vậy mà cũng bị ám ảnh bởi cái cảm giác quất quay trong kiểu thương nhớ, tương tư, ghen ngào khi xa cách.

Tôi sẽ viết, tôi sẽ tìm kiếm xem trên mặt nước bình lặng không một gợn sóng vào mỗi mùa hè kia, có những gì mà cuộn trào lòng người đến vậy? Tôi sẽ thử hỏi những cặp đôi đã từng hẹn hò trên chiếc cầu này nhìn thấy điều bí ẩn nào đó không ở phía dưới kia, phía một dòng trôi, phía một đêm trăng man mác bóng con đò xuôi theo tiếng hò mái nhì mái đẩy, σ hơ giọng Huế khi trầm khi bổng, khi dục dằng thánh thót như tinh không đêm mùa thu gió thổi. Tôi sẽ thử hỏi những bến bờ tấp nập buổi chợ cuối sông, có thấy người quăng lưới, kẻ khua tay chèo đập cá ở đâu hay không khi mùa lũ tràn về cuộn trào xiết chảy? Chân cầu ngập nước. Nước đục và nước trong? Mặn mòi giọt ngấn giọt dài rơi xuống lòng sông.

Tôi sẽ hỏi về những tháng năm âm thầm xưa cũ khi bắt gặp một cụ già tóc trắng bạc phơ đi ngang cầu buổi chiều tà, bắt giặc dùng chân đứng lại nhìn đăm chiêu vào một hướng khi mặt trời vừa xuống. Tôi sẽ hỏi thêm vài đứa trẻ dân vạn đò, mái nhà là những con thuyền neo buộc dưới bến, sân chơi là lòng sông, mặt sông lấp lánh ánh nắng, về tháng năm tuổi thơ, khi nhìn thấy chúng cười đùa, vang cả một khúc sông quanh vắng người lại qua. Trên chiếc cầu này, phải rồi, có một kẻ luôn phải chứng kiến và đón đưa những chuyến đò đã được mặc định sẵn trong đời mà không thể nào thay đổi.

Tôi đã định sẽ hỏi, và hỏi rất nhiều câu hỏi nữa mỗi lần đi qua chiếc cầu để viết về nó, để được trải nghiệm những cảm giác của nó. Ấy vậy mà, tôi vẫn bất lực trước sự lặng im của chính mình, chỉ biết ngó nhìn, chỉ biết phân bua rằng: ngôn từ những lúc cần lại chẳng thêm nháy múa với tôi trên bàn phím. Còn nó, nó đợi chờ tôi hỏi thăm xa gần, nó đợi chờ tôi reo ca hát mừng. Tôi thì lạnh lùng. Có gì để nói với nó, mỗi lần bước chân qua chiếc cầu này? Có

gì để phân trần mỗi lần nghe dưới đáy thẳm sâu kia một tiếng rơi khe khẽ mà nặng lòng xót đau. A ha, tôi cũng chỉ là một kẻ ngốc nghếch trên đời. Nó thì không.

Mùa thu, khi trời chỉ lay phay vài cơn gió nhẹ, tôi cùng chồng tản bộ trên chiếc cầu này, rồi tự nhủ: mình sẽ viết điều gì đó về cái dòng chảy miệt mài miên man ở bên dưới, vậy mà, thêm vài bước chân, tôi bỗng thấy dòng đục, dòng trong lũng lờ giao nhau bằng những hình ảnh hết sức kỳ lạ. Tôi vội vã lướt qua, không định hình nổi từng câu chữ nữa.

Mùa đông, chắc chắn gió rất lạnh lùng. Mưa sẽ tấp tểp vào mặt. Và, bão có lẽ giạt liên hồi ở phía sau lưng. Tôi vẫn chạy qua chiếc cầu này hàng ngày, mỗi sáng, mỗi trưa, mỗi chiều cho đủ tám tiếng một ngày. Tôi vẫn ngoài nhìn xuống, nhìn xa, nhìn về phía nó, và rồi tự nhủ với mình: phải viết cái gì đó. Nhưng, hôm qua, tôi thấy cả một bầu trời đen kịt in hằn trên mặt sông như sương phủ mờ mặt gương. Tôi mờ mịt, đầu óc trống rỗng, đầy những hãi sợ. Vậy là thêm một lần nữa tôi thất hứa. Chẳng dễ gì để viết về một dòng sông.

Mùa xuân, tiết trời đẹp lạ lùng. Hoa cỏ hai bên bờ mơn mớn non tơ. Tôi chỉ mong đêm mau qua, để bình minh ửng hồng sự phấn khởi, hớn hờ của đôi mắt đầy háo hức kiếm tìm điều mới lạ nào đó trên con sông, trên chiếc cầu quen thuộc này. Tôi nghĩ, tôi sẽ ngồi một góc, hẩn dưới chân cầu, bên vệ cỏ, đối diện gần hơn với dòng chảy của sông và bắt đầu miên man trôi theo những tầng sương mờ phủ loang loáng trên mặt nước. Tôi quên khuấy mất việc đuổi bắt câu chữ trong từng ý nghĩ để viết về nó. Tôi mãi mê ngắm nền trời xanh biếc, bắt giặc giật mình nhận thấy có một hình hài thoát ẩn thoát hiện giao hòa với dòng sông. Chỉ là những nhánh cây khô gầy, mỏng manh, trợ trụ lá đang lặng yên. Tôi gặp chiếc máy tính lại. Hình như, món nợ này, tôi sẽ không bao giờ trả nổi. Tôi nợ một dòng sông. Tôi nợ những khắc khoải yêu thương giữa chốn gian trần.

Có lẽ, tôi sẽ chẳng cần phải đợi thêm một mùa hè nóng bỏng nữa làm gì, khi tôi đã nhìn thấy trong quả tim mình cũng đang tồn tại một dòng chảy miên man, gần gũi, một dòng chảy xuyên suốt từ khi tôi mới chào đời.

Có lẽ, tôi sẽ thôi cái ý tưởng viết về một dòng sông hiển thị trước mắt tôi và ở phía dưới chân cầu này. ■

Cung bậc trường xưa

TK.VY TIẾU

Trôi theo ngày tháng mệt nhoài,
Điểm danh bè bạn còn ai mấy người?!
Cuộc trần bèo giạt mây trôi,
Tìm nhau tám hướng đây vơi nỗi niềm.

Trường xưa ký ức lặng yên,
Còn đâu bụi giăng trắng viên phấn tình?!
Dặm dài ngõ vắng u linh,
Đi tìm cung bậc lòng mình năm nao?!!

Về nhìn hàng phượng gầy hao,
Lá xơ xác rụng cành cao rũ buồn,
Ghế sân trường - vắng trống trơn,
Giờ ra chơi - mắt đổi hồn - tránh nhau.

Trông trường im bật từ lâu,
Hè sang mấy bận phai màu áo bay,
Lung linh cách biệt bao ngày!!
Nhớ thương chín rụng vòng tay bẽ bàng,

Về tìm lưu bút từng trang,
Nghe đau từng đoạn, từng hàng... nhớ thương,
Dấu rằng đời vốn vô thường,
Làm thân “nghiep giáo” khôn lường... đó đây...

Thu buồn nhìn lá vàng bay,
Trắng tóc vì bụi phấn dày vương vương.
Bao nhiêu ký ức ngôi trường,
Vẫn còn đậm nét thân thương giữa đời.

Cô giáo

NGUYỄN CÁT CHUYỀN

Mỗi ngày cô đến lớp
Chăm đàn con từng giờ
Lời ngọt ngào đầm ấm
Yêu thương đâu bến bờ.

Mong mầm non mọc thẳng
Cô vin lúc còn thơ
Những tâm hồn trong trắng
Cô gieo mầm ước mơ.

Ấn cần cô dạy dỗ
Từ câu ca dao xưa
Dịu dàng như cô Tấm
Lặng thầm giữa nắng mưa.

Chân trời luôn rộng mở
Mai bước giữa biển đời
Có công cô dạy dỗ
Cho con nay thành người.

Biển mẹ và mười khúc sông con

SÔNG HƯƠNG

Mẹ tưới yêu thương qua mười khúc ruột
Mười khúc sông trong biển mẹ vô bờ
Sờn vạt ngày, khát thực cả cơn mơ
Vại dưa muối thấm nồng mồ hôi mẹ

Mười khúc con chảy qua thời thơ trẻ
Suốt cuộc người lại về biển mẹ thôi
Có khúc sông mắc cạn ở bên đời
Đau biển mẹ, giấu vào lòng con sóng

Thương mỗi chiều mưa gió gào biển động
Nước mắt xô bờ tìm khúc ruột đau
Bước gậy run, đêm bạc trắng mái đầu
Nón mê lệch quạt vào mệnh mỏng nhớ

Đêm biển thức lắng nghe từng hơi thở
Khúc sông nào dang dở chẳng về xuôi?
Trợn dòng thương sao chẳng thể là mười?
Sao chẳng thể ngọt bùi chung biển mẹ?

Như mạch nước ngầm tìm về rất khẽ
Chờ ngọt ngào xoa nhẹ những cơn đau
Trái yêu thương trên sợi tóc phai màu
Sông con lại gói đầu bên vai biển.

Khúc ru thu

KIM HOA

Mưa rơi... chạm ngõ ru chiều
Hoàng hôn ngả tím liêu xiêu bước đời
Rớt tình vào tiếng mưa rơi
Vẳng nghe... khúc hát ru nôi! Thuở nào.

Gió thu vờn lá lao xao
Mưa thu róc rách nghe đau đầu lòng
Mây thu lãng đãng tầng không
Hương trời vô định khéo bông bênh trôi.

Ngẫm... nhìn... từng hạt mưa rơi
Nhâm nhi ngậm đắng... ru hời dẫu xưa
Thoáng nghe xào xạc lá khua
Mà như... có tiếng thu vừa...! Đi qua.



Phấn ngấn tình dài

TRƯỜNG KHÁNH

Kiếp phấn mồn phận mỏng,
Cho em chữ để đời,
Tỏa kiến thức sâu rộng,
Mang em về ngàn nơi.

Mai rặng ngời khai trí,
Phấn mỏng dần - hư hao,
Cho trí em hoàn mỹ,
Chấp cánh vượt tầng cao.

Phấn cô trao bụi mỏng,
Phủ trên bảng đen gầy,
Tình cô thầy đồng vọng,
Gieo hạt mầm đó đây.

Trong vơi đầy phấn trắng,
Cho con chữ tinh anh,
Ngày lại ngày phấn ngấn,
Có tình thương dỗ dành.

Mái trường xinh còn đó
Cùng tháng năm trôi hoài,
Tiếng trống trường bỏ ngõ,
Lặng dẫu buồn tương lai.

Phấn mồn - dài con chữ,
Nâng bước em vào đời,
Chạnh buồn nơi viễn xứ,
Nhớ Cô Thầy đầy vơi...

Cả một đời phấn bạc,
Dài đưa em đến trường,
Tháng năm mồn xơ xạc,
Tình thầy trò vương vương...

Qua nhà anh hiền

NHỤY NGUYÊN

Tôi không dính líu đến dòng đời nữa. Không điện thoại, không ti-vi, không internet, không con đường trở về. Cơ ngơi mới: ngôi nhà lộng lẫy, mái vòm uốn lồi cổ, cửa kính sáng choang, nền gạch bóng, một cái hiên đầy gió mỗi sớm tôi ngồi nhấp trà nhìn ra núi đồi và sông nước mênh mang.

Hành lý ngoài những bộ quần cũ, người ta thương tình dúi cho tôi một gói cơm nắm muối hạt, với bộ ấm chén. Tôi ăn hết cơm giữa chặng. Bộ ấm chén mang theo bên mình cứ sợ rơi vỡ, không có nó tôi sẽ trống tên, quần. Lúc mọi người bái biệt trở về, tôi một mình nhấp nhồm. Chạy theo vẫn còn kịp, sợ rằng tôi có thể mục rỗng, vì buồn. Nhưng rồi tôi không chạy theo.

Lão hàng xóm cách mấy chục bước, ngôi nhà lẻ loi cũ nát, chân què chống gậy thường qua chơi rất sớm. Buổi đầu tiên lão mang theo vốc trà kèm luôn nước sôi. Tôi bày ra bộ ấm chén đất màu đà, gã nhìn không lạ, bảo trước cũng có một bộ như vậy, thợ nung chưa tới, được mấy năm đất nhũn ra. Tôi tráng hai lần trà vẫn còn mùi mốc. Tầm nửa buổi, phía đối diện mặt trời có một vị đầu trọc bước ra vươn vai. Lão què bảo, sư. Đến tìm thanh vắng tu tập. Sáng nào ông cũng dậy trước mặt trời ngồi thiền.

Tôi bắt đầu chú ý, thường xuyên quan sát vị sư qua khe cửa. Ngôi nhà của ông hình ngôi tháp, cánh cửa chớp phía sau đóng kín, cửa chính thì luôn mở, trong mấy ngày liền ông đều ra sân vào lúc ánh nắng chéch trên nóc nhà. Theo lão què, vị này chuyên tu, không đi đâu, không nấu nướng, mỗi tuần ăn có một lần. Kính ngạc. Tôi nghĩ phải đến thọ giáo. Nhân hôm ông ra xả thiền, tôi lần đến theo vào luôn. Không giường chiếu, nền mát lạnh nhí nước. Nhìn quanh, tôi cố hình dung nơi nằm của ông. Ở đây, ở kia, góc này, góc khác, hay có cái hầm đầu đó dưới nền? Vị sư khoan thai ra hiệu tôi ngồi, rồi ông ngồi bắt chân kiết-già, nếp áo phủ lên.

- Bác mới đến chắc cũng buồn.

Gọi tôi là bác, trong lúc sư hơn tôi vài chục thu tàn. Phải xưng hô lại thế nào? Băn khoăn, cuối cùng tôi nghĩ đến chữ Thầy, bao hàm được hai nghĩa, thầy giáo và thầy tu.

- Dạ cũng hơi hơi. Thú thực không tưởng nổi nơi này lại tuyệt tịnh đến vậy. Thưa, lúc nào rồi mời thầy qua nhà dùng trà.

Sư cười.

- Mình trước ghiền trà lắm, lúc ra đi họ cũng dúi trà, nhưng quyết tâm ăn cầm hơi, uống trà vào xót ruột. Để rồi mình qua, ngồi bên nghe chuyện cũng thú.

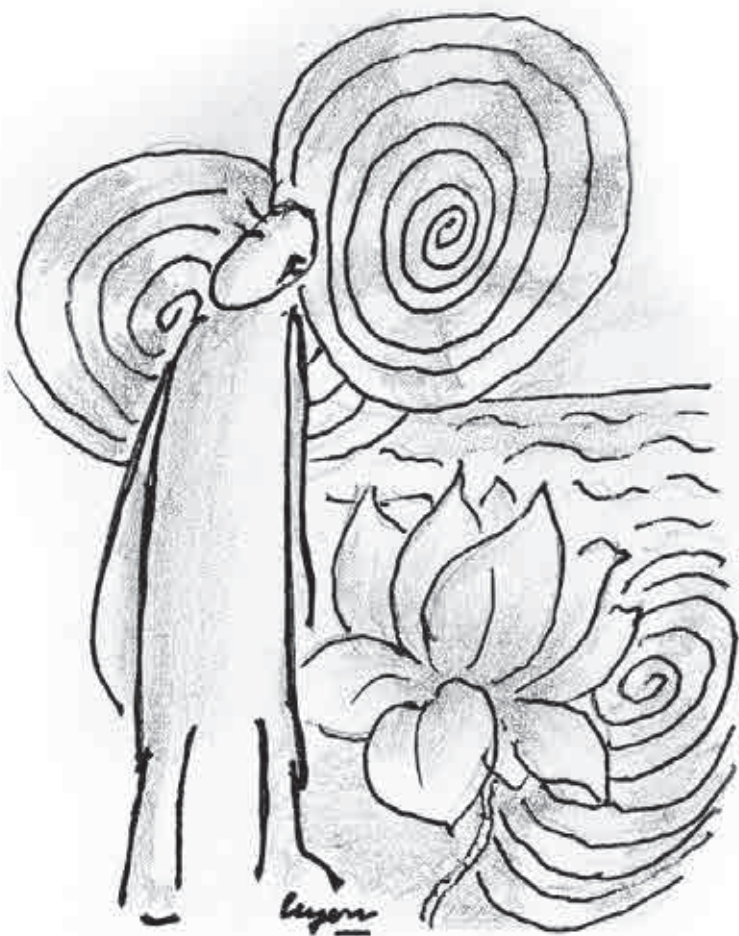
Sư lui cui múc ra một ly nước trong. Tôi đẩy nhẹ cánh cửa sổ, ánh sáng ủa vào, thấy rõ ngôi nhà mới toanh của mình bên kia, nắng đầy hiên. Tôi uống một ngụm. Không mùi vị. Nước thánh. Ngôi nhà hình tháp của sư chân tường rêu mọc, nhiều vết rạn kéo dài. Chủ nhân của nó chuyển đi, hoặc là họ đã về một thế giới khác.

- Vùng này nhiều nhà bỏ hoang quá thầy nhỉ.

- Có chủ cả đấy chứ, bác chưa thấy đó thôi.

- Thế à...

Tôi từng được nghe công phu của vị sư. Có đêm trên đỉnh ngôi nhà hình tháp bốc lửa, lão què hốt hoảng, cháy



cháy; nào hay đó là hào quang phát khởi từ công phu tam-muội.

Không hiểu sao tự dưng tôi lại hỏi: “Thầy chắc sắp xuống núi?”.

Sư nhìn ra, không nói.

Tôi định hỏi thêm: “Sư đến đây làm gì?” Và tưởng đến cảnh sư hỏi lại tôi đúng câu đó. Còn nói: “Ai đến đây chẳng với mục đích giống nhau”. Lúc đó trong đầu tôi xuất hiện hình ảnh lão què, chẳng lẽ với mục đích như tôi và sư?

Hơn ai hết, vị sư hiểu hai chữ “xuống núi” trong câu hỏi của tôi, bèn tránh đi và dẫn một câu chuyện thiền:

- Ngày xưa Huệ Năng chứng ngộ, được Hoàng Nhẫn trao y bát; lúc đó ngài còn trẻ, Ngũ tổ bèn khuyên nên tạm trốn. Ngài nghe theo ẩn mình trong đám thợ săn mười sáu năm. Lần nọ ngài ngang qua một ngôi chùa, thấy đám người xúm lại tranh luận gió động hay phướn động chẳng bên nào chịu thua, ngài mới thả một câu: Là tâm các người động. Nghe vậy sư trụ trì lập tức mời ngài vào an tọa. Cơ duyên hóa độ của Lục tổ xem như đã chín.

- Lỗi phép cho hỏi, trước thầy ở chùa nào?

- Minh dạy học, giáo án không, toàn giảng ngoài khuôn phép nên bị đình chỉ, phân vào thư viện trông sách. Mấy năm trời làm mọt; chạm đến *Đại trí độ* mới biết những gì học trước nay đều thừa thãi. Được phân dạy trở lại, mình thường tranh thủ đem Phật pháp ra giảng, đối sánh với thượng tầng xã hội, mở cái nhìn về chân tướng vũ trụ nhân sinh, thế là tai vạ ập đến... Bỏ trường. Có lẽ túc nghiệp quá nặng, mình xuất gia nhằm một nơi thầy trò đều mê tín, bóp méo lời Phật. Tuổi trẻ thật nông nổi...

Vị sư cúi mặt trầm tư, tiếng thở dài chùng được nén lại. Nắng chiếu vào khung cửa sổ, bóng sư vươn dài. Cuộc đàm đạo kéo đến giữa ngộ. Tôi trở lại nhà trong cơn đói, còn sư tiếp tục cuộc thiền. Cánh cửa sổ mở vẫn nguyên như vậy, sư không đóng lại. Tôi nhớ tới công án thiền giữa nhà trí thức và một vị sư. Anh ta đến xin thỉnh giáo, được tiếp trà, vị sư cứ rót nước vào ly tràn trề. Nhà trí thức liền nhắc, vị sư mới ngừng tay, nói: “Trong đầu thí chủ chứa đầy kiến giải thế gian, giờ kẻ tu hành này có nói gì cũng như với ly trà này thôi. Thưa thí chủ, điều vi diệu luôn được sanh khởi từ cái không...”. Bao năm tôi đắp bờ thành ao tát nước thiên hạ vào, lâu ngày tù đọng ô nhiễm. Không như thứ trí huệ lòng giếng càng mức càng trong. Tôi muốn dốc mình đổ hết ra.

Đêm trần trở. Tại sao phải nằm trên giường chực chờ giấc ngủ. Tôi bật dậy khoác áo dạo quanh nơi mình mới nhập cư. Đúng là có một số nhà toang hoang, nhìn vô nào có ai, hay họ tạm thời đi vắng? Nhớ lời vị sư: “Bác chưa thấy đó thôi”; mắt tôi có vấn đề, hay họ ở trong cảnh giới khác. Tôi rảo tới ngôi nhà hình tháp. Ánh trăng rọi ngược cửa chính. Ở đấy hiển hiện một hình khối mảnh mai, vẻ nghiêm trang toát ra loại từ trường ấm áp khiến chân tôi bủn rủn muốn khuỵu. Vị sư chấp tay. Không ai lên tiếng.

Tôi vào ngồi cũng lặng lẽ, mãi mới mở miệng xin được làm đệ tử. Sư lắc đầu.

- Không dám. Nếu bác muốn, mình có thể truyền dạy Phật pháp.

- Dạ. Tri ân thầy. Học thiền có khó không ạ?

Sư lại cúi mặt chiêm nghiệm.

- Minh chuyên tu Thiền Minh Sát. Nhưng xét thấy bác chắc không theo nổi. Kính dâng một lời: bác nên trì chú. Có câu: tụng kinh không bằng trì chú, trì chú không bằng niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Lại xét thấy bác thuộc hàng trí thức tiêu biểu thường nghĩ mình tài giỏi hơn cổ đại đức, chắc xem thường pháp môn Niệm Phật thậm thâm, nên sẽ truyền cho bác câu chú *Án ma ni bát di hồng* trong Mật tông. Chẳng cần hiểu nghĩa, bác cứ suốt ngày niệm câu nào tai nghe rõ câu đó, tâm với khẩu hợp nhất, chắc sẽ nhiệm mầu.

Tôi nhắm lại từng chữ *Án - ma - ni - bát - di - hồng*.

- Hễ ý niệm nào khởi lên bác liền tục niệm, ba câu, năm câu làm thành một khối. Rồi những thứ rác rưởi trong tâm sẽ tự khắc được chuyển hóa. Một khi tâm trong lặng, trí huệ lòng giếng sẽ khơi thông.

Tôi mừng khôn xiết, nhắm niệm không ngừng câu chú, lắng tâm nghe rõ từng chữ.

- Đó là yếu quyết. Nếu miệng niệm tai không nghe, tức tâm lăng xăng vọng động. Ý niệm phát xuất từ tâm, là một dạng sóng dao động không ngừng trong vũ trụ. Tâm khởi điều thiện là tâm thánh, chiêu cảm phước đức; tâm khởi điều xấu ác là tâm phàm, chiêu cảm nghiệp lực.

Vội chào ân sư, tôi về ngôi ngay ngắn giữa nền, nhắm mắt trì niệm. *Án ma ni bát di hồng. Án ma ni bát di hồng...* Lạ. Hoàn toàn tác dụng ngược. Bao cảnh xưa người người cũ phút chốc ùn ùn hiện lên. Tôi theo lời vị sư niệm thành khối ba câu, năm câu, cố lắng nghe, nhưng càng niệm vọng tưởng càng trởi dậy mạnh mẽ. Những trường đoạn nối nhau. Rồi nguyên một cuộn phim chiếu qua mànng nào.

Tôi ngồi trong lớp nghiên cứu sinh. Vẫn gã giáo sư ấy, vẫn bộ dạng ấy, chùng ấy kiến thức cũ mòn. Gã đang say sưa giảng, tay hươ lên đầy nhiệt huyết: “Sau thời gian trèo cây, loài vượn xuống đất kiếm ăn, đi bằng chân, đôi tay được giải phóng để hái lượm...”. Trong bài tiểu luận, tôi đưa vào “hạt của Chúa”, về ngành vật lý lượng tử khám phá vật chất vốn là kết tinh ý niệm phóng chiếu từ a-lại-da thức. Con người theo đó vẫn tồn tại khi xác thể hư hoại v.v. Điểm một đau đớn. Lúc nhận bài tôi nã pháo ngay giữa lớp học. Gã giáo sư trừng mắt đứng như cây khô.

Rồi những hoạt cảnh khác xen vào. Tôi vẫn lệt tạt rõ ràng mấy lượt *Án ma ni...* Rồi câu thần chú nhòa chữ, trôi dạt bồng bềnh tan vào hư không. Rồi tôi thấy mình lạc vào phòng trọ của nàng. Những đôi dép thường gọi lên chủ nhân hơn hết. Đàn ông. Lớn tuổi. Tôi toan đánh tiếng, lại thôi. Không hiểu nổi. Tâm người nhiều lúc thật kinh khủng. Ý nghĩ muốn xem nàng đang làm gì với ai nhắc tôi cần bình tĩnh. Lén dò tìm. Một vết nứt

ở cửa, không soi toàn cảnh; nhưng, đủ khiến tôi rùng mình. Gã, một cơ thể trần truồng bèo nhèo đang vỗ vập... Tôi không tin nổi mắt mình. Có ai tin nổi không. Cái đuôi. Còn nguyên cái đuôi dài chưa tiến hóa của loài vượn trên thân gã.

Tôi quay người vụt chạy khỏi con vượn sau mấy ngàn năm vẫn chưa rụng đuôi, vụt chạy khỏi tấm thân của nàng đã tằm lợm trong tâm trí. Nhưng, gã giáo sư có linh cảm kỳ diệu. Biết tôi. Gã có thể lòi dốt, lòi tắt thầy nhược điểm kể cả mặt sinh lý song không thể... lòi đuôi. Gã, với một kế hoạch phi tang hoàn hảo được vạch ra chớp nhoáng...

Mở choàng mắt, hơn cả ác mộng. Cầu thần chú rơi đầu mất. Chưa bao giờ tôi tưởng đến cảnh rùng rợn như thước phim vừa chạy qua não. Tôi chân trần chạy qua ân sư thuật lại. Sư cười, chút mỉa mai.

- Bác nghĩ tu để vậy sao! Trước nay vọng tưởng vô biên nhưng bác đâu để ý, nay đưa câu chú vào cũng như dùng chổi quét nhà vẩy lên bao bụi bặm, như soi kính hiển vi vào nước thấy tám vạn con vi trùng. Vọng tưởng mạnh bởi *Án ma ni bát di hồng* còn non yếu; lúc câu chú được nuôi lớn vạm vỡ, tâm sẽ như gương.

* * *

Buổi sớm sau nhiều năm. Những cây chè già cổ, vào mùa hè tôi nhẩn nại hái, phơi và gói kỹ dùng dần đến sang xuân, thời điểm chúng nở hoa trắng muốt. Lão què bung qua ấm trà vừa pha.

- Trà thiệt ngon. Cái thằng cha này giàu có nên mang đến đây trà xịn.

Câu hỏi trong tôi vụt hiện tức thì: "Ai? Đâu?".

Lão què chỉ tay về phía đông, chếch ngôi nhà hình



tháp của ân sư sáu mươi độ. Tôi căng mắt nhìn, thấy một khối tròn mờ mờ.

Nước trà xanh biếc, đặc sánh, thơm mùi tinh khiết rất lạ. Tôi tỉnh qua mời ân sư cùng thưởng. Nhưng phải đợi. Đến tầm non bữa như thường lệ, vẫn không thấy sư bước ra.

- Tui muốn thông tay vào chợ một phen.

Lão què nghe vậy ngược nhìn tôi như với kẻ lạ. Rất lâu mới nói khê: "Từ từ, từ từ... Sáng quá... mấy ai chịu che mắt mình? Họ tắt cái đèn!". Rồi lão gác cái chân què lên ghế, ý nhắc tôi nên nhớ lão từng là vận động viên số một.

- Mà... qua sông ắt "đim thuyền" Bát-nhã. Chú hỏi đến đây còn neo thuyền ngoài bãi sao?

- Đã đim!

Tôi nhìn vói qua ngọn núi để thấy dòng sông rộng ngút bao quanh.

- Nghĩa là chú nghĩ phen này mình đủ định lực qua sông mà không cần thuyền?

Tôi lặng thinh, nhìn về phía ngôi nhà hình tháp. Hối đêm tôi có hành thiền ngang qua, song không thấy ân sư. Còn ngôi nhà của một nhân vật mới đến bây giờ trông rõ hơn. Trắng xóa.

- Từ ngày tới đây chú cứ quần quanh lối mòn nhĩ. Hay ta trèo lên ngọn núi kia cho khuây khỏa.

Tôi hơi ái ngại với cái chân què của lão. Nhưng đằng khác chợt nghĩ, ai đến đây cũng mang theo bí kíp; mà cầm bí kíp đương nhiên phải luyện trong bí mật. Tôi biết gì về lão hàng xóm này?

Theo lão què mấy ngày liền, không mang theo bất cứ gì, đói khát tôi phải tự kiếm lá lay, củ quả. Lúc hạ sơn người nhẹ bẫng đến mức có thể bay lên.

Đến hiên nhà, tôi sững sờ. Bó hoa ai gửi lại? Linh cảm mách bảo nàng đã đến, dấu trong quá khứ tôi chưa từng nghĩ sẽ có con tàu vĩ đại nào đó đưa nàng tới đây. Hình ảnh xưa cũ hiện về. Phải đánh tan ký ức buồn tủi này. Phải xóa hình ảnh nàng. Tôi lập tức trì chú. *Án ma ni bát di hồng*. *Án ma ni bát di hồng*... Thêm một mảnh giấy, đã đốt. Tôi vẫn đọc được: "Em để lại con thuyền, đợi anh trở về...".

Án ma ni... Tôi vừa trì chú vừa hướng mình theo những dấu chân thon. Câu chú dẫn đến bờ sông, tôi phóng tầm mắt rất xa, không bóng một cánh bướm. Nàng đi rồi. *Án ma ni bát di hồng*. Có cái gì trở dậy thật mạnh mẽ. Phải, nỗi buồn. Tôi đang sở hữu nỗi buồn. Không giết được nỗi buồn. Nỗi buồn còn lại trong sâu thẳm cõi hồn...

Tôi liêu xiêu trên cát. Những viên sỏi nhấn vào gan bàn chân đau buốt. Biết hướng về đâu. Thôi xóa đi. Quên đi. *Án ma ni bát di hồng*... Khoảnh khắc tâm tôi trong lặng không khởi ý niệm, từ đâu rơi xuống một thông điệp: Nàng không thể dối thêm nữa. Không ai nói dối với linh hồn bao giờ. Tôi liền quay lại bờ sông. Kìa rồi. Nơi những que nhang vừa tàn lụi, đứng như lời hứa trên mảnh giấy đã thành tro: nàng để lại cho tôi một con thuyền.

Con thuyền bằng giấy sũng ướt đang dần chìm vào mệnh mang sóng nước. ■



Ước vọng mùa thi

Bài & ảnh: TÂN NGỌAN

Cái đĩa nhỏ đường kính 17cm có hiệu đề Ung Chính Niên Chế. Đĩa có màu chàm nhạt và nét vẽ đặc trưng của thời Ung Chính Trung Hoa. Mặt trước cái đĩa vẽ một phần còn diện tích lớn hơn được chừa trắng như để khoe vẻ trắng nõn nà của nước men. Bên tay phải vẽ một cồn đất có cỏ cây, đặc biệt

là bụi lau (sậy) đang nở bông; một chàng trai nghèo đứng khoanh tay đắm đuối nhìn hai con cua trước mặt. Bên tay trái là một bờ đất với một khối kỳ thạch và hai con cua, một lớn một nhỏ đang bò lên bờ (có thể là một đực một cái). Chàng trai trẻ trong bộ quần áo rách rưới với bím tóc trên đầu chắc là một học trò nghèo.

Nếu là người chưa am tường về các điển tích và ý nghĩa của hội họa phương Đông, thoạt nhìn bức tranh, ta có thể thấy chàng trai như đang có tâm sự, đang đắm đuối nhìn hai con cua dưới nước. Chúng ta có thể liên tưởng rằng chàng trai nghèo đang mơ tưởng, đang ao ước về một cuộc sống lứa đôi:

*"Đến cua kia cũng có đôi,
Sao chàng trai trẻ đơn côi một mình".*

Quả là tâm sự đó cũng gây cảm xúc cho tôi khi mới cầm xem cái đĩa. Tuy vậy khi ta xem kỹ hơn thì ta thấy chàng trai kia còn rất trẻ (vì trên đầu còn để chòm tóc). Đặc biệt là khi ta tìm hiểu thêm về các điển tích và các ý nghĩa ẩn dụ trong hội họa Trung Hoa và Việt Nam xưa thì ta thấy thêm nhiều điều thú vị.

Trước hết về mặt họa pháp. Chúng ta thấy ở đây bức tranh được vẽ một cách chín chu đến kỳ lạ. Chín chu về bố cục cũng như về ý nghĩa. Nó là sự kết hợp

tài tình của thuyết âm dương ngũ hành. Bên phải hai cây sậy mọc từ bờ đất lên là âm (hai nét rời), một con người là dương (một nét liền). Tương tự bên tay trái, một khối đá là dương, hai con cua là âm. Một sự kết hợp âm dương hài hòa không chệ vào đâu được. Cũng có thể cách lý giải này của tôi có phần hơi khiên cưỡng song tôi vẫn bị cái tư duy và ấn tượng ban đầu đó ám ảnh nên tôi vẫn cứ mạo muội viết ra, nếu các vị không nhất trí thì âu cũng là một ý kiến nhỏ để tham khảo.

Trong văn hóa cũng như trong hội họa Trung Hoa, các tác giả thường hay lợi dụng các từ, các chữ đồng âm khác nghĩa để diễn đạt một vài ý nghĩa mang tính ẩn dụ. Cái đĩa này cũng là một ví dụ sinh động về cách vận dụng nó trong đời thường. Người Hoa gọi các động vật có mai có vỏ cứng là động vật giáp xác. Họ mượn chữ giáp 甲 ở đây để hiểu là khoa giáp. Hai con cua tượng trưng cho đệ nhị khoa giáp. Còn cây sậy (lau) là 盧 lư (lô) đồng âm với chữ lư 臚 có nghĩa là truyền, gọi; hai cây sậy đọc là lô lô là tiếng loa truyền gọi, thông báo kết quả. Kết hợp hai về ta có nghĩa *đệ nhị giáp truyền loa* là thông báo trúng tuyển đệ nhị khoa giáp.

Để hiểu và biết thêm một tý về vấn đề thi cử và khoa bảng ngày xưa ta có thể tìm thêm trên sách vở hoặc trên mạng.

CHẾ ĐỘ KHOA CỬ XƯA

Thi Hương, thi Hội và thi Đình

Học vị Trạng nguyên là học vị cao nhất giành cho người đỗ đầu khoa thi Đình. Người đi học trước đây phải qua ba kỳ thi lớn (không kể những cuộc thi sát hạch) gồm có:

1. Thi Hương

Thi Hương là thi ở các trấn, tỉnh. Không phải tỉnh nào cũng có thể được tổ chức thi Hương. Người ta tổ chức thành nhiều vùng còn gọi là Trường thi. Ba bốn (hoặc nhiều hơn) trấn hoặc tỉnh cùng thi một nơi. Thí dụ trường Nam tập trung các thí sinh chung quanh Nam Định, trường Hà tập trung các thí sinh ở các tỉnh quanh Hà Nội...

Tùy theo quy định của các triều đại, các trường thi tổ chức thành các kỳ thi: Đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ. Đỗ được tất cả các kỳ thi đó là đỗ thi Hương. Những người đỗ thi Hương đạt học vị Cử nhân và Tú tài (xưa gọi là Hương cống, Sinh đồ). Số thí sinh kể có hàng ngàn, nhưng số lấy đỗ chỉ có 72 Tú tài và 32 Cử nhân. Những người đỗ Cử nhân sẽ được bổ dụng ra làm quan, đầu tiên có thể được làm việc ở các cơ quan cấp tỉnh, cấp trung ương, hoặc được cử đi làm quan ở các huyện, sau dần dần mới được bổ nhiệm lên chức vụ cao hơn. Những người đỗ Tú tài thì chưa được sử dụng đến, vì vậy mà có nhiều người loay hoay thi cử nhiều lần để cố cho đạt được học vị Cử nhân. Lần thứ nhất đỗ gọi là ông Tú, lần thứ hai đỗ thì gọi là ông Tú Kép, lần thứ ba vẫn chỉ đỗ Tú tài thì gọi là ông Mèn và



cũng chưa nhận được bổ nhiệm chức vụ gì (trừ một vài trường hợp được tiến cử hoặc được vua biết đến) nhưng cũng chỉ vào các cơ quan chuyên môn chứ không vào chính ngạch quan cai trị.

2. Thi Hội

Kỳ thi Hội là kỳ thi ở cấp nhà nước, số thí sinh thi Hội cũng rất đông, tất cả những người đã thi đỗ Cử nhân đều được dự thi. Có người đã ra làm quan nhưng để được bổ dụng chức vụ cao hơn cũng được tham gia ứng thi. Những người đỗ thi Hội đều vào thi một kỳ thi cuối cùng rồi mới chính thức nhận học vị. Kỳ thi ấy gọi là thi Đình.

3. Thi Đình

Gọi là thi Đình có nghĩa là thi ở sân đình nhà vua. Nơi thi là một cái nghè lớn nên sau này những người thi ở đây ra người ta còn gọi là ông Nghè. Nhà vua trực tiếp ra đầu đề và sau khi hội đồng giám khảo hoàn thành việc chấm bài, cân nhắc điểm số... chính nhà vua sẽ tự tay phê lấy những người đỗ. Có ba loại học vị trong kết quả thi Đình, được xếp vào ba cái bảng gọi là Giáp (chữ khoa giáp hay khoa bảng từ đây mà ra).

a. Đệ nhất giáp: Những người giỏi nhất được ghi tên vào bảng này gọi là **Tiến sĩ cấp đệ**. Bảng này chỉ lấy có ba người đệ nhất giáp là: Đệ nhất danh, đệ nhị danh và đệ tam danh.

b. Đệ nhị giáp: Những người được ghi vào bảng đệ nhị giáp này gọi là các ông **Tiến sĩ xuất thân**. Còn một tên gọi khác để chỉ các ông này gọi là Hoàng giáp.

c. Đệ tam giáp: Trừ những người đậu đệ nhất và đệ nhị giáp ra, còn những người xuất sắc khác được chọn và ghi vào bảng này gọi là bảng đệ tam giáp. Học vị của họ là **đồng Tiến sĩ xuất thân** hoặc chỉ gọi gọn là đồng Tiến sĩ. Tiếng thông thường gọi vị này hay vị kia đỗ tam giáp đều có nghĩa là đỗ đồng Tiến sĩ.

Ở triều Nguyễn còn thêm học vị Phó bảng, để ghi tên những người học lực cũng xứng đáng là Tiến sĩ, nhưng vì có một vài thiếu sót nào đó nên không được ghi tên vào bảng chính, mà chỉ ghi ở bảng thứ. Tuy vậy, đây vẫn là những người đã đỗ đại khoa và được liệt vào hàng ngũ các ông nghè.

Trong nền khoa cử Việt Nam, thông thường những người thi đậu sẽ được tổ chức một bữa tiệc tại sân rồng hoặc trong vườn thượng uyển của vua để chúc mừng các tân trạng nguyên. Sau hôm đó họ sẽ được cấp áo mũ và có người rước vinh quy bái tổ. Vì vậy, chiếc thẻ Tiến sĩ trong mỗi khoa thi là một sự vinh danh về mặt tước vị, giúp những người đỗ đạt có một vị thế trong chốn quan trường. Chiếc thẻ của cụ Nguyễn Hoàng Từ được vua Lê Ý Tông cấp được thể hiện vị trí và cấp bậc đỗ đạt trong khoa thi. Một mặt của thẻ đề: Khoa Giáp còn mặt kia đề: Đệ Nhị. Nó cũng giống như bằng chứng nhận



cấp cho cụ rằng trong kỳ thi khoa Đình Sứ cụ đã đỗ Tiến sĩ. Dù chiếc thẻ được cấp cách đây 435 năm nhưng nó còn mang nhiều giá trị, nó là báu vật của dòng họ và của con cháu lưu truyền lại cho muôn đời sau. Hiện tấm thẻ còn được lưu giữ trong từ đường Thạch Tân của dòng họ sau bao nhiêu biến đổi thăng trầm và có thời đã lưu lạc.

Khúc ruột miền Trung Việt Nam, một vùng đất tràn đầy nắng và gió. Ở cái nơi "chưa mưa đã lụt, chưa nắng đã hạn" ấy cuộc sống bao đời nay, dù là ở chế độ nào thì cũng là vùng nghèo nhất, gian khó nhất cả nước. Ở vùng đất "chó ăn đá gà ăn sỏi" muốn sống được và muốn thành đạt một cách chân chính, con đường chắc chắn nhất, lương thiện nhất vẫn là theo con đường học vấn. Chính vì vậy mà từ xa xưa đã rất nổi tiếng "ông đồ xứ Nghệ càng học càng hay chữ". Mặc dầu ngày nay, sự phân biệt giàu nghèo trên các vùng miền của Tổ quốc đã phần nào không quá cách biệt, nhưng dân nghèo vẫn có nhiều người vươn lên trong cuộc sống bằng con đường học vấn, con đường khoa bảng. Cho nên ở vùng này vẫn hay nói: "nghèo thì nghèo vẫn cố cho con vào đại học". Tất nhiên mọi con đường đi đến thành công không chỉ là con đường khoa bảng. Song đối với dân nghèo mà hiếu học, học vấn và khoa bảng vẫn là cứu cánh để đổi đời.

Cầu mong cho thế hệ trẻ ngày nay noi gương các tiền nhân cố gắng học hành và thành đạt, thỏa tâm nguyện của một đời theo nghiệp khoa cử. ■



Khoảng trống ở những tượng đài

Bài & ảnh: HUỆ VIÊN

Đạo Đức kinh, chương 11 viết rằng:
“Ba mươi nan hoa cùng quy vào một cái trục, nhưng chính nhờ khoảng trống trong cái trục mà xe mới dùng được. Nặng đất sét để làm chén bát, nhưng chính nhờ khoảng trống ở trong mà chén bát mới dùng được. Đục cửa và cửa sổ để làm nhà, chính nhờ cái trống không đó mà nhà mới dùng được. Vậy ta tưởng cái **có** (trục xe, chén, nhà) có lợi cho ta, mà thực ra cái **không** (khoảng trống) mới làm cho cái **có** hữu dụng”.

Quan điểm nhấn mạnh cái **không** trong cặp tương quan **có - không** (hoặc cái **vô** trong cặp **hữu - vô**, hoặc **khoảng trống** trong cặp **khối đặc - khoảng rỗng**) trong Đạo Đức kinh đã gợi ý cho chúng ta một cách nhìn thú vị về nghệ thuật điêu khắc. Đó là sự tạo hình từ những khoảng rỗng.

Xét về mối tương quan **đặc - rỗng** thì lịch sử điêu khắc là lịch sử của việc tạo hình trên khối đặc. Từ thời Ai Cập, Hy Lạp, Lưỡng Hà, La Mã cổ đại cho tới thế kỷ XX, điêu khắc đều chú ý đến tỷ lệ, sự hài hòa, cảm xúc nhân vật trên những mảng khối cơ thể lồi ra. Các nhà điêu khắc say sưa với cơ bắp, đường gân, nét mặt...

nhưng tất cả đều được tạc trên khối đặc. Liệu có thể có điêu khắc được tạo hình trên khoảng rỗng?

Những ý nghĩa thể hiện trên khối đặc hiển hiện ra trước mặt chúng ta bởi những đường nét, những góc cạnh, những mảng khối, những bố cục. Đó là cái đau đớn của Laocoon, cái mạnh mẽ hiên ngang của David, cái trầm ngâm suy tư của Người suy nghĩ... Nhưng những ý nghĩa của khoảng trống thì không thể nào thể hiện được. Không một đường nét nào có thể khắc ghi được trên khối rỗng. Không một chất liệu nào có thể mô tả được khoảng trống dù cho nghệ sĩ sử dụng các chất liệu như nước, thủy tinh, ánh sáng. Chúng ta nhìn thấy những đường nét, mảng, khối của một tác phẩm điêu khắc là chúng ta chỉ nhìn thấy cái hiện hữu (khối đặc) của tác phẩm, còn cái vắng mặt (khoảng rỗng) thì không thể nhìn thấy. Chúng ta chỉ có thể tưởng tượng mà thôi.

Thế nhưng, cái vô hình của khoảng rỗng lại ẩn chứa những giá trị sâu thẳm và siêu việt, linh thiêng và bất tử. Điều này được thể hiện rất rõ qua kiến trúc và điêu khắc của những đài tưởng niệm mà chúng tôi giới thiệu sau đây:

Đài tưởng niệm 11-9 ở New York

Công trình là hai hồ nước nhân tạo rộng, nằm dưới mặt sàn hai tòa tháp 110 tầng đã bị đánh sập ngày 11-9-2001. Những thác nước bao quanh hồ, kết hợp với không gian lịch sử rợp bóng cây cối, đã khiến không chỉ gia đình các nạn nhân, những người sống sót sau vụ khủng bố, mà cả các du khách lần đầu tới tham quan phải bồi hồi, xúc động. Các thác nước khổng lồ được bao quanh bởi lan can bằng đồng, trên đó có khắc tên những người đã mất. Có 2.983 cái tên được khắc trên 16 tấm bằng đồng. Ý tưởng dùng khoảng trống của chính hố móng hai tòa tháp cũ làm đài tưởng niệm rất độc đáo và cho chúng ta thấy tư duy thiết kế tượng đài của người Mỹ ở mức khá cao. Đó là, kỷ niệm nỗi đau thì không phải để ngược lên nhìn mà là để cúi xuống hồi tưởng và cảm nhận cho riêng mình; cảm giác trống rỗng và mất mát không phải gửi gắm ở những hình thể mạnh mẽ vươn lên mặt đất mà phải hòa tan vào khoảng không của trời đất và khoảng trống của công trình. Những cái nhìn vào khoảng trống mang đến cho mỗi người sự hoài niệm và sự chia sẻ nỗi buồn trong tâm khảm. (H1)

Đài tưởng niệm 11-9 ở New Jersey

Thoạt nhìn, tác phẩm điêu khắc mang tên “Giọt lệ” này là một khối đặc vươn lên từ mặt đất. Nhưng nhìn kỹ chúng ta sẽ thấy khoảng rỗng vỡ nứt nham nhở mới là điểm nhấn của tác phẩm. Nhà điêu khắc người Nga Tsereteli đã tạo ra sự tương phản rất mạnh giữa khối đặc với khoảng rỗng, giữa bề mặt thô ráp của viên khoáng rỗng với bề mặt trơn tru của giọt lệ. Rõ ràng, khoảng không của trời đất làm nổi bật hình thể của tượng đài, khoảng rỗng của vết nứt làm nổi bật vẻ đẹp của giọt lệ. Ngược lại, các mảng đặc vuông vắn của khối đồng bao ngoài và khối cong của giọt lệ cũng đồng thời tôn vinh sự vỡ vụn đổ nát của khoảng rỗng, cũng chính là nơi hàm chứa nỗi đau và sự tàn khốc của sự kiện 11-9. (H2)

Đài tưởng niệm liệt sĩ Bắc Sơn ở Hà Nội

Kiến trúc sư Lê Hiệp đã sử dụng “khối âm”, một cách gọi của ông về cách tạo hình từ khoảng rỗng. Đó là cách tác giả khoét khối hộp xiên chéo vào trong tạo thành hình mái chùa. Hình thể mái chùa bị lõm vào cũng như khoảng trống bên trong khối hộp đã tạo ra cảm giác trầm lắng, trường cửu của thế giới bên kia - thế giới của phi vật chất, của khoảng không, của những linh hồn bất tử. Nhớ lại khi chấm giải cho các phương án dự thi Đài tưởng niệm liệt sĩ Bắc Sơn, cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã kiên quyết bảo vệ phương án của Lê Hiệp trước sức ép của nhiều người khác. Cái tầm nhìn và cái tâm của một nhà lãnh đạo đối với nghệ thuật nước nhà như thế thật hiếm có và đáng quý. Có lẽ ông đã cảm nhận sâu sắc sự đau thương và bất diệt ở khoảng rỗng của tác phẩm này. (H3)

Như vậy, yếu tố **rỗng** có ý nghĩa gắn gũi với các khái niệm **vô, âm, không**, còn yếu tố **đặc** lại liên quan nhiều với các khái niệm **hữu, dương, có**. Vì vậy, các khối đặc mang lại cảm giác hiện hữu, vật chất, mạnh mẽ, rõ ràng, có thể hủy hoại... còn các khoảng rỗng mang lại cảm giác vắng mặt, lẫn khuất, lặng lẽ, chia sẻ, sâu kín, trường tồn... Từ đó, các nhà điêu khắc và các kiến trúc sư sẽ quyết định nên sử dụng chủ yếu **rỗng** hay **đặc** cho các tác phẩm của mình để đạt được ý nghĩa tác phẩm mong muốn. ■



Lời cảm ơn cuộc sống

Vợ chồng tôi đều là giáo viên; tôi dạy cấp ba, vợ tôi dạy cấp hai; cuộc sống nói chung là ổn định. Tôi lại may mắn có cô con gái đầu lòng học hành chăm chỉ, cháu đã đậu vào trường Y ngay lần dự thi đầu tiên. Vì thế, tôi quyết tâm cố gắng đầu tư để đưa con trai kế, kém chị ba tuổi, vào được một trường đại học danh giá. Tôi không hề ý thức rằng cháu chỉ thích tìm hiểu về các loại xe máy hiện hành trong nước. Năm 1998, sau khi tốt nghiệp phổ thông trung học, cháu không vào được bất kỳ một trường đại học hay cao đẳng nào đã ghi danh dự thi. Rất thất vọng, nhưng tôi vẫn nén lòng khuyên con cố gắng tiếp tục học luyện thi để năm sau thi lại. Thế nhưng cháu dứt khoát bỏ học và đến làm việc hầu như không công cho một xưởng sửa chữa xe ô-tô do gia đình một cậu bạn thân của cháu làm chủ. Chẳng những thế, cháu còn nghĩ ra cái trò mời gia đình người chủ xưởng đến thuyết phục tôi cho cháu được học việc trong cơ xưởng tư nhân ấy.

Nghĩ rằng họ lợi dụng con mình, khi bố con người chủ xưởng đến tận nhà tôi thuyết phục tôi cho cháu học việc, tôi đã thể hiện sự giận dữ rồi sau đó làm ra vẻ không quan tâm đến con nữa. Bất chấp thái độ không lịch sự của tôi, và do sự tha thiết của con trai tôi, ông chủ xưởng sửa chữa xe ô-tô vẫn để cho con trai tôi đến học việc; và, như sau này tôi mới được biết, ông ấy đã hết lòng truyền thụ cho con tôi những kinh nghiệm của mình.

Vài năm sau, khi công nghệ lắp ráp xe ô-tô đã bắt đầu khởi sắc, nhờ sự giới thiệu và bảo lãnh của ông chủ xưởng, con trai tôi được một hãng ngoại quốc chuyên sản xuất xe ô-tô tiếp nhận để đào tạo thêm. Hiện nay, cháu đã trở thành một kỹ thuật viên lành nghề trong nền công nghiệp lắp ráp xe ô-tô; cháu lại có sẵn những kiến thức mang tính tiếp thị mà cháu tự tìm hiểu; nhờ thế, cháu đã có việc làm ổn định với mức thu nhập khả quan, chẳng những không thua mà còn hơn hẳn một số bạn của cháu đã tốt nghiệp đại học.

Rút kinh nghiệm từ trường hợp của cháu, vào năm 2008, tôi đã không can thiệp khi cậu con trai út, nhỏ hơn anh mười tuổi, nhất quyết đòi theo học ngành mỹ thuật.

Nhớ đến cách cư xử của mình khi gặp cha con người chủ xưởng sửa chữa xe ô-tô hồi tháng mười một năm 1998, tôi luôn luôn cảm thấy xấu xang. Tôi viết lại những dòng này để thay cho lời cảm ơn của tôi đối với cha con ông chủ xưởng năm xưa, điều mà tôi vẫn cảm thấy khó có thể nói được một cách trực tiếp.

Hoàng Đặng Trung, TP.HCM



Đ/c: 69/5k, đường Nhà Vua,

Mỹ Hòa 1, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

ĐT: 08.37181818 - 01.222.999.666 - 01.666.000.666

Website: thienphuthao.com Email: tkhuthao@gmail.com



THIÊN PHÚ THẢO là nơi chế tác tượng Phật đáng tin cậy!
Vì Sản Phẩm luôn được bảo hành mãi mãi...!

Cùng nhau hùn phước xây chùa

TÂM CAO

Nhân theo chân đoàn bác sĩ thiện nguyện về khám và chữa bệnh ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, chúng tôi có thiện duyên đến viếng chùa Long Định ở ấp Bà Cò, Phú Thuận 2, xã Đồng Phú đang xây dựng dang dở.

Theo thầy Thiện Thọ, trụ trì, thời gian qua ngôi chánh điện đã bị xuống cấp nghiêm trọng, không còn an toàn cho việc tu học của Tăng chúng và Phật tử khi trời giông gió... Trước tình cảnh đó, thầy trụ trì đã quyết định lễ đặt đá trùng tu ngôi chánh điện vào ngày 28-2-2013 và chính thức tiến hành khởi công xây dựng. Sau thời gian thi công những tưởng công trình trùng tu theo đúng dự trù tài chính, nhưng không ngờ có nhiều phát sinh nên bị thiếu hụt tài chính, đành phải tạm dừng thi công...

Đến nơi đây, chúng tôi mới thấy thấm thía và thương cảm cảnh bà con Phật tử lao động nhọc nhằn ở chốn đồng áng một nắng hai sương và cảnh chùa nghèo chốn vùng xa rất khó khăn, vất vả trong việc kiến tạo ngôi chánh điện. Hiện nay, nhà chùa đành phải che tạm để bà con Phật tử duy trì nếp sinh hoạt và học tu. Chúng tôi đến thăm chùa nhằm ngày 23 ÂL khi đang có *Khóa tu 1 ngày niệm Phật an lạc*. Phật tử tham dự khá đông, đa phần là các bác và anh chị tuổi trung niên, đại chúng được nghe pháp của thầy trụ trì (những dịp lễ, chùa cung thỉnh các chư tôn đức về giảng pháp) và dùng cơm trưa đạm bạc. Vào những ngày lễ lớn như Phật đản, Vu lan hay Tết Nguyên đán, Phật tử tùy tâm chung góp, chùa gói ghém những món quà tình nghĩa như: gạo, dầu, nước tương... chuyển đến bà con lao động nghèo và người già neo đơn trong địa phương gọi là chút lòng thành chia sẻ cũng như trao tặng những học bổng, thiết thực giúp cho học sinh nghèo hiếu học vượt khó.

Mọi sự cúng dường xin hoan hỷ gửi về:

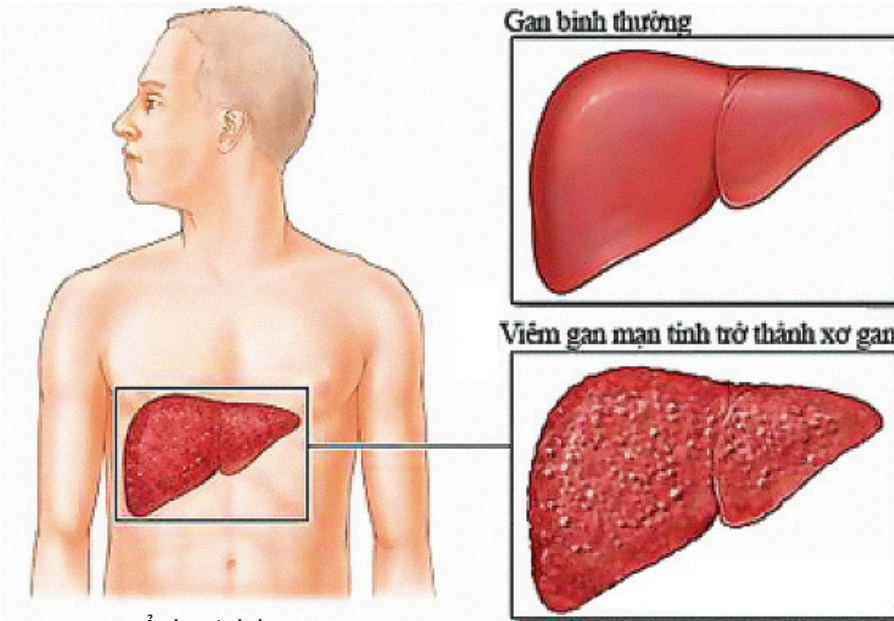
Đại đức Thích Thiện Thọ, trụ trì chùa Long Định, ấp Bà Cò, Phú Thuận 2, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
ĐT: 0933 491 797 (thông qua bưu điện); hoặc nhờ Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo chuyển giúp.

Trước hoàn cảnh khó khăn trong Phật sự trùng tu ngôi chánh điện chùa Long Định; Thầy trụ trì và Phật tử bốn tự rất mong được các nhà hảo tâm cùng quý Phật tử gần xa hoan hỷ phát tâm góp phần công đức để giúp cho ngôi chánh điện tiếp tục xây dựng hoàn mãn nhằm tạo duyên cho việc tu học của Tăng chúng và bà con Phật tử ở chốn vùng xa.



Phật tử dự khóa tu 1 ngày niệm Phật an lạc

Bạn biết gì về bệnh viêm gan A?



Ảnh minh họa

Bệnh viêm gan A (tên đầy đủ là viêm gan siêu vi A) gây ra bởi một loại vi-rút được các bác sĩ đặt tên là siêu vi viêm gan A.

Biểu hiện của bệnh

Siêu vi viêm gan A chỉ gây bệnh viêm gan cấp tính chứ không gây viêm gan mạn tính. Bệnh có thể biểu hiện rõ qua chứng vàng da vàng mắt, mệt mỏi, nhưng cũng có khi dễ bị nhầm với bệnh khác hoặc bỏ qua.

Viêm gan A cấp thể không triệu chứng

- Chiếm 70% số trường hợp viêm gan A cấp.

- Bệnh nhân hoàn toàn không có các biểu hiện của viêm gan cấp như vàng mắt, vàng da, tiểu sậm màu, đau tức gan.

- Thường trực đó một - hai tuần, bệnh nhân có biểu hiện giống cảm cúm, mệt mỏi, ăn uống kém thoả qua nên thường không chú ý.

Viêm gan A cấp thể không vàng da

- Chiếm 20% số trường hợp viêm gan A cấp.

- Sau thời gian ủ bệnh trung bình khoảng 30 ngày, bệnh nhân có các biểu hiện: mệt mỏi, ăn không ngon, đầy bụng nên đôi khi có thể bị chẩn đoán nhầm là viêm dạ dày. Thậm chí, một số trường hợp bị ngứa, nổi mề đay nên

bệnh nhân đi khám bệnh da liễu. Tuy nhiên nếu chú ý kỹ, bệnh nhân thường có *triệu chứng tiểu sậm màu, tiểu vàng* mặc dù vẫn uống nhiều nước.

- Xét nghiệm máu thấy có men gan tăng cao.

Viêm gan A cấp thể có triệu chứng

- Chỉ chiếm khoảng 10% trường hợp viêm gan A cấp.

- Bệnh khởi đầu với các triệu chứng như mệt mỏi, sốt nhẹ, mỏi cơ, ăn không ngon, sau đó từ bệnh nhân có các biểu hiện của viêm gan cấp như tiểu sậm màu, vàng mắt, vàng da tăng dần và đau tức vùng gan.

- Khám bệnh phát hiện gan to, mềm, đau tức.

- Xét nghiệm máu có men gan và chất bilirubine tăng cao. Siêu âm có thể thấy gan to, phù nề.

Sau giai đoạn cấp tính, 99% các trường hợp gan sẽ hồi phục từ từ trong vòng một - ba tháng và sau sáu tháng thì gần như gan phục hồi hoàn toàn.

Xử lý

Chế độ sinh hoạt - ăn uống

- Bệnh nhân cần nghỉ ngơi, không làm việc nặng trong ít nhất một - hai tuần.

- Tránh tập thể dục trong vòng bốn tuần lễ.

- Không thức khuya.
- Uống nước nhiều.
- Ăn nhiều rau và trái cây.
- Ăn thức ăn mềm, dễ tiêu hóa.
- Hạn chế thức ăn nhiều béo và thức ăn chiên xào.

Cần nhập viện theo dõi khi

- Vàng da nhiều kèm theo ngứa hoặc đi phân bạc màu.
- Người quá mệt mỏi, ăn uống kém hay không ăn uống được.
- Đau tức vùng gan nhiều.
- Kèm theo sốt trên 38°C.
- Có các mảng bầm máu ở da.
- Chảy máu cam tự nhiên hay chảy máu răng tự nhiên hay khi đánh răng.
- Ngủ nhiều, ít tiếp xúc hoặc bị run tay chân.

Phòng ngừa

Bệnh viêm gan A chỉ lây qua đường phân và miệng nên cần chú ý:

Bảo vệ nguồn nước sạch

- Không nên đổ phân, nước tiểu, chất thải nói chung xuống sông, suối, ao hồ.
- Nguồn nước ăn uống phải riêng biệt với nguồn nước sinh hoạt (tắm giặt...).
- Nước dùng để ăn uống phải có nơi chứa riêng và được che đậy cẩn thận.

Vệ sinh môi trường

- Vệ sinh nhà cửa, không để nước tù đọng.
- Đi vệ sinh ở nhà vệ sinh, không nên làm nhà vệ sinh trên kênh rạch, ao hồ.

Vệ sinh cá nhân và an toàn vệ sinh thực phẩm

- Chọn thực phẩm an toàn rõ nguồn gốc xuất xứ.
- Rửa tay sạch dưới vòi nước chảy và rửa tay bằng xà-bông trước khi chế biến thức ăn và trước khi ăn.
- Ăn chín, uống sôi, ở sạch. Không nên ăn thức ăn sống, thịt tái, thịt sống.

Tiêm chủng

- Viêm gan A đã có thuốc chủng ngừa; hiệu quả khá cao với liều tiêm đã có hiệu quả tạo kháng thể bảo vệ sau hai tuần ở 94 - 100% số trường hợp. Sau đó cần tiêm nhắc lại một liều sau 6-12 tháng.

- Thực tế ở Việt Nam thì chỉ cần chủng ngừa viêm gan A cho những người dưới 18 tuổi, vì theo thống kê ở các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam, 90% số người trên 18 tuổi đã có kháng thể bảo vệ tự nhiên đối với viêm gan A.

BS. CKII Trần Ngọc Lưu Phương

(Trưởng đơn vị Tiêu hóa can thiệp - BV Nguyễn Tri Phương, TP.HCM)



Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
 Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vạn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 584 82612 – 0909 025469
 hoan hi gặp anh Lãnh (quản lý)

Trân trọng kính mời

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
 ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com

Ngô Phương Đức: STK: 76935619

Ngân hàng ACB, CN Bình Thạnh

Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273

Ngân hàng Agribank, CN Bến Thành



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
 QUANG NGHỆ CO., LTD.
 NỀN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
 Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

THÔNG BÁO

○ Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, doanh nhân, độc giả trong và ngoài nước: Tham gia đọc, viết, cổ động phát hành báo, đăng quảng cáo và viết PR giới thiệu hoạt động từ thiện, quảng bá hình ảnh thương hiệu và sản phẩm của công ty, hoạt động của nhà hàng chay, quán chay, cửa hàng phát hành... trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

○ Tạp chí được phát hành rộng rãi trong và ngoài nước vào ngày 1 và 15 hàng tháng cùng với các số đặc biệt như giai phẩm Xuân, Phật đản và Vu lan.

Giá báo phát hành: □ Trọn năm 2015: 604.000đ (đã CK 5%) □ 12 số đầu năm: 316.000đ □ 12 số cuối năm: 316.000đ

Giá đăng quảng cáo và viết PR: □ Trang bìa 4: 10.000.000đ □ Trang bìa 3: 8.000.000đ □ Trang ruột 4 màu: 5.000.000đ
 □ 1/4 trang ruột 4 màu: 1.250.000đ □ 1/8 trang ruột 4 màu: 500.000đ

○ Quý khách đăng quảng cáo dài hạn sẽ có giá ưu đãi... Thời gian giao nhận file quảng cáo ngày 8 và 22 trong tháng.

Vui lòng liên hệ: Đặt mua báo tại Ban Phát hành
 Đăng quảng cáo và viết PR

ĐT: (08) 38484 335

ĐT: 091 3810082 – 091 803 2040

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO



**DIỆU TƯỢNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO**

DIỆU TƯỢNG AM NAM KỲ: 382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM. ĐT: (08) 38 484558
DIỆU TƯỢNG AM S/2: 212 Bà Thống Hai, P.12, Q.10, Tp.HCM. ĐT: (08) 38 684 913

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM
Phu Kim Gifts & Treasury
Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lễ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com
Showroom: 378/B Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

pháp uyển
D H A R M A G A R D E N

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

Nước Cẩm Hoa ASA
Giữ giữ màu hoa, tươi hương sắc
Thanh tịnh trang nghiêm chốn Phật Đường

Sản phẩm đang được sử dụng tại các chùa ở TP.HCM và các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Nước cẩm hoa ASA hiện có mặt tại các cửa hàng Phật giáo, shop hoa tươi, hệ thống siêu thị trên toàn quốc

Tiết kiệm 50% chi phí mua hoa do thời gian hoa tươi lâu gấp 2 lần. Giữ hoa tươi đẹp không cần phải thay nước và cắt gốc hàng ngày.

CÔNG TY MỸ PHẨM HOÀNG ANH
Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn

Sắp phát hành
VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Đóng bộ **Tập 1 năm 2014**
Từ số 192 đến số 203
Giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:
Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

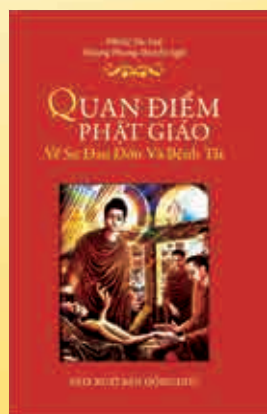
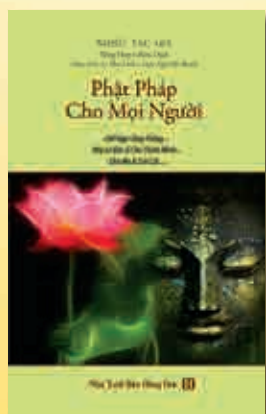
PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)
Tel: 08.38482028

Sách mới



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.



Tôn tượng
Thiên Thủ Thiên Nhân
cao: 2,1m - SX 2014



CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

D13/2 Trần Nãi, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin có độ bền cao.